



**TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV**

- ◇ Xếp hạng **B+** bởi **A.M.BEST**
- ◇ **1** trong **50** công ty niêm yết hoạt động hiệu quả nhất Việt Nam
- ◇ **1** trong **500** doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam
- ◇ **1** trong **1.000** doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam

| Báo cáo thường niên **2014** |

**Beyond Insurance**



Hotline 24/7  
**1900 9456**

[www.bic.vn](http://www.bic.vn)

[www.baohiemtructuyen.com.vn](http://www.baohiemtructuyen.com.vn)

## MỤC LỤC

<b>PHẦN 1: THÔNG DIỆP 2014</b> .....	<b>3</b>
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	3
Thông điệp của Tổng Giám đốc.....	6
9 sự kiện tiêu biểu năm 2014 .....	9
Các chỉ số hoạt động cơ bản năm 2014.....	12
<b>PHẦN 2: THÔNG TIN CHUNG VỀ BIC</b> .....	<b>14</b>
1. Thông tin khái quát.....	14
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	16
3. Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh .....	17
4. Mô hình tổ chức, bộ máy lãnh đạo.....	18
<b>PHẦN 3: HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014</b> .....	<b>22</b>
1. Tổng quan thị trường Bảo hiểm Phi nhân thọ và dự báo năm 2015 .....	23
2. Kết quả kinh doanh của BIC năm 2014 .....	26
3. Những tiến bộ đạt được của BIC trong năm 2014 .....	34
4. Mục tiêu và kế hoạch năm 2015 .....	41
<b>PHẦN 3: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP</b> .....	<b>42</b>
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị .....	43
2. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát.....	45
3. Báo cáo quản trị.....	46
<b>PHẦN 4: QUAN HỆ CỔ ĐÔNG</b> .....	<b>47</b>
1. Thông tin cổ phiếu.....	47
2. Cơ cấu cổ đông .....	49
3. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư năm 2014.....	50
<b>PHẦN 5: BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....	<b>52</b>

## PHẦN 1: THÔNG DIỆP 2014



### Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

*Kính thưa Quý vị,*

Năm 2014, kinh tế vĩ mô nói chung và thị trường bảo hiểm nói riêng đón nhận nhiều tín hiệu vui. Với điểm sáng trong hoạt động xuất nhập khẩu, sự khởi sắc của thị trường chứng khoán, giải ngân đầu tư công và vốn ODA đạt mức khá,... mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo tăng trưởng hợp lý của Chính phủ về cơ bản đã đạt được. Điều này đã tác động tích cực tới thị trường bảo hiểm. Sau 4 năm liên tục tăng trưởng giảm, năm 2014 là năm thị trường hồi phục khỏi “đáy” của năm 2013 và bắt đầu hứa hẹn đà tăng trưởng khá trong các năm tiếp theo.

Đối với BIC, 2014 là năm “bận rộn” với nhiều hoạt động, thay đổi quan trọng. Về cơ bản, BIC đã đạt được các mục tiêu chính của năm 2014 như đã cam kết với các cổ đông:

- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2014: Tổng doanh thu phí bảo hiểm hợp nhất toàn Tổng Công ty đạt **1.307,756 tỷ đồng**, tăng trưởng **39,67%** so với năm 2013. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt **1.219,543 tỷ đồng**, doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt **88,213 tỷ đồng**. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt **138,019 tỷ đồng**, tăng trưởng **9,89%** so với năm 2013.

- Đảm bảo chi trả cổ tức ở mức 10% cho cổ đông theo kế hoạch đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2014.

- Đạt mức định hạng năng lực tài chính B+ và định hạng năng lực tổ chức phát hành bbb- từ Tổ chức xếp hạng hàng đầu thế giới A.M.Best.

- Hoạt động tại hải ngoại thu được hiệu quả tốt nhất trong các năm hoạt động: Với sự tăng trưởng ấn tượng của Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt tại Lào, đóng góp vào tổng doanh thu phí bảo hiểm và lợi nhuận của BIC tới gần 25%, khẳng định sự thành công trong quyết định đầu tư của BIC tại thị trường này.

- Hoàn thành 2 đợt tăng vốn điều lệ, củng cố năng lực tài chính: Sau hai lần tăng vốn điều lệ (phát hành 3,3 triệu cổ phiếu cho cán bộ nhân viên theo chương trình ESOP và chi trả cổ tức 10% bằng cổ phiếu cho cổ đông), vốn điều lệ của BIC đã tăng từ 660 tỷ đồng lên hơn 762 tỷ đồng.

Bên cạnh những điểm sáng trong hoạt động nói trên, BIC cũng có nhiều thay đổi trong công tác quản trị điều hành, phát triển mạng lưới để duy trì tốc độ tăng trưởng năng suất lao động, quy mô và hiệu quả.

Đặc biệt, 2014 là một năm cổ phiếu BIC luôn được các nhà đầu tư quan tâm, là cổ phiếu bảo hiểm có thanh khoản cao, thị giá tăng trưởng khá.

Các kết quả này có được là nhờ sự chung sức, đồng lòng của gần 700 cán bộ nhân viên BIC, quyết tâm và cam kết của toàn thể Hội đồng quản trị và Ban Điều hành BIC, đặc biệt là sự ủng hộ của các Quý vị cổ đông, sự tin tưởng của các Khách hàng và hợp tác của các đối tác. Tôi vô cùng cảm kích và tri ân với Quý vị về những đóng góp to lớn này cho BIC trong năm 2014 cũng như trong 9 năm hoạt động vừa qua.

### **2015 – Năm thứ 10 với nhiều dự định để bứt phá**

Năm 2015 đánh dấu năm thứ 10 hoạt động của BIC, là một mốc quan trọng để nhìn lại chặng đường đã qua và thêm quyết tâm cho tương lai phía trước. Từ khởi đầu tiếp quản Liên doanh Bảo hiểm Việt – Úc với quy mô nhỏ, sau 10 năm hoạt động, BIC hiện đã là 1 trong 10 doanh nghiệp bảo hiểm dẫn đầu thị trường về thị phần doanh thu phí bảo hiểm gốc, nằm trong số các công ty bảo hiểm có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất và tỷ suất sinh lời cao nhất trên thị trường. Không những thế, BIC còn tiên phong trong nhiều lĩnh vực: đầu tư ra nước ngoài, phát triển các kênh phân phối bán lẻ mới và hiện đại. Cùng với việc đưa Liên doanh Bảo hiểm Nhân thọ BIDV MetLife vào hoạt động trong năm 2014, hoạt động kinh doanh bảo hiểm đã trở thành 1 trong 2 trụ cột của BIDV bên cạnh lĩnh vực ngân hàng truyền thống. BIC được sự ủng hộ và khích lệ từ Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ hệ thống BIDV. Đây là những kết quả đáng tự hào và đầy cảm hứng.

Trên nền tảng những thành quả đó, và những khởi sắc của nền kinh tế năm 2015, tôi tin rằng năm tới BIC sẽ có nhiều cơ sở để bứt phá. Tiếp tục theo đuổi chiến lược hiệu quả, các mục tiêu kinh doanh chính của BIC trong năm 2015 gồm:

- Tổng doanh thu phí bảo hiểm hợp nhất **1.570 tỷ đồng**; trong đó, doanh thu phí bảo hiểm gốc **1.470 tỷ đồng**.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất **147 tỷ đồng**, tiếp tục duy trì có lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
- Tỷ lệ bồi thường đảm bảo ở mức an toàn, dưới **40%**.

Để đạt được các chỉ tiêu kinh doanh này, còn rất nhiều việc đang chờ BIC ở năm thứ 10 hoạt động. Bên cạnh tận dụng tối đa các lợi thế đã gây dựng được qua các năm hoạt động, BIC phải có biện pháp phù hợp để tận dụng cơ hội mới và vượt qua các thách thức trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng lớn.

*Một số công việc quan trọng BIC sẽ thực hiện trong năm 2015 gồm:*

- Giữ vững/nâng cao mức định hạng tín nhiệm so với mức định hạng tín nhiệm lần đầu do A.M. Best công bố.
- Hoàn thành dự án bán cổ phần cho cổ đông chiến lược nước ngoài và tăng vốn điều lệ lên trên 1.000 tỷ đồng;
- Hoàn thành các thủ tục để nhận chuyển nhượng vốn trực tiếp tại CVI;
- Tăng vốn điều lệ của LVI lên 5 triệu USD.
- Hoàn thiện các thủ tục để chính thức đưa vào hoạt động Văn phòng đại diện tại Myanmar.

Tôi hy vọng rằng, Quý vị sẽ tiếp tục dõi theo và ủng hộ BIC trong năm 2015, cùng chúng tôi thực hiện thắng lợi các mục tiêu kể trên. Cá nhân tôi và toàn thể Hội đồng quản trị sẽ làm hết sức mình, sát cánh cùng tập thể BIC để có thể chào đón năm hoạt động thứ 10 thành công rực rỡ.

Chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng,

**Phạm Quang Tùng**

NĂM  
2005 - 2014

## Thông điệp của Tổng Giám đốc



*Kính thưa: Quý Khách hàng, Đối tác và các Quý cổ đông,*

Năm 2014 mặc dù nền kinh tế cả nước có phục hồi nhưng vẫn còn rất chậm, các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên với BIC năm 2014 có thể nói là năm thành công trên nhiều mặt hoạt động.

Về kết quả kinh doanh 2014 của Công ty mẹ BIC:

- Tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt **1.116,447 tỷ đồng**, tăng trưởng **25,18%** so với năm 2013, hoàn thành 111,6% kế hoạch cả năm, trong đó, doanh thu phí gốc đạt **991,163 tỷ đồng**, tăng **25,52%**.
- Lợi nhuận trước thuế đạt **111,026 tỷ đồng**, mặc dù có giảm khoảng 2% so với năm 2013 nhưng đây là năm thứ 2 trong vòng 9 năm hoạt động BIC có lãi trong kinh doanh bảo hiểm, tạo cơ sở quan trọng cho các năm tiếp theo.
- Định hướng hoạt động bán lẻ đã mang lại kết quả đáng mừng, đóng góp ngày càng lớn trong tổng doanh thu. Nhóm các sản phẩm bán lẻ chiếm tỷ trọng khoảng 50% với sự tăng trưởng mạnh của các sản phẩm mà BIC chú trọng đầu tư như Bảo hiểm con người (43,1%), Bảo hiểm xe cơ giới (17,2%). Các kênh bán lẻ như Bancassurance, Bảo hiểm trực tuyến, Telesales tiếp tục tăng trưởng mạnh, đón đầu được xu hướng của thị trường.
- Tỷ lệ bồi thường của BIC tiếp tục duy trì ở mức an toàn, 37,78% và giảm so với năm 2013 nhờ các biện pháp kiểm soát rủi ro chặt chẽ.
- Những chương trình động lực, cơ chế thưởng kinh doanh hấp dẫn theo phương châm “*làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít*” đã khuyến khích tinh thần thi đua của tập thể BIC, nhiều đơn vị BIC đã có những kết quả kinh doanh hết sức ấn tượng, đóng góp vào thành công chung trong năm vừa qua.

Tại hải ngoại, kết quả kinh doanh của Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI) cũng là một tin vui cho hoạt động đầu tư nước ngoài của BIC. Năm 2014, tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc của LVI đạt 11,5 triệu USD, tăng 28% so với năm 2013, tương đương với nhiều công ty bảo hiểm tại Việt Nam. Lợi nhuận trước thuế đạt 1,36 triệu USD, tăng trưởng

82% so với năm 2013, trong đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 683.941 USD, một con số ấn tượng nếu so sánh với mặt bằng lợi nhuận kinh doanh bảo hiểm chung tại Việt Nam.

Ngoài những kết quả kinh doanh kể trên, năm 2014 BIC có những dấu mốc quan trọng trong hoạt động của mình, cụ thể:

- Hoàn thành việc phát hành 3,3 triệu cổ phiếu cho cán bộ nhân viên theo chương trình ESOP và chi trả cổ tức 10% cổ phiếu cho cổ đông, tăng vốn điều lệ lên hơn 762 tỷ đồng.
- Được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm tài chính hàng đầu thế giới A.M Best công định hạng năng lực tài chính của BIC đạt mức B+ (năng lực tài chính vững mạnh) và định hạng năng lực tổ chức phát hành đạt mức bbb- (công ty duy trì được khả năng thực hiện các cam kết tài chính tốt).
- Chuyển đổi hệ thống Công nghệ thông tin của hai liên doanh LVI, CVI, tập trung dữ liệu về Việt Nam quản lý, đảm bảo an toàn, bảo mật và hợp nhất báo cáo tài chính với BIC.
- Hoàn thiện công tác chuẩn bị, xin phép Bộ Tài chính để đưa 03 công ty thành viên mới (BIC Cửu Long, BIC Lào Cai, BIC Tây Bắc) vào hoạt động kể từ 1/1/2015.
- Nhận được nhiều giải thưởng cao quý, giá trị từ các cơ quan, tổ chức uy tín như: Giải thưởng hiệu mạnh năm 2014, được công nhận là 1 trong 50 công ty niêm yết hoạt động hiệu quả nhất, tiếp tục là 1 trong 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất và 1 trong 1000 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam,...

*Bên cạnh đó, hoạt động của BIC vẫn còn nhiều thách thức, đáng chú ý gồm:*

- Nguy cơ giảm thứ hạng về thị phần khi tập trung hướng tới mục tiêu hiệu quả, chú trọng lợi nhuận, kiểm soát chặt chẽ rủi ro.
- Lợi nhuận từ kinh doanh bảo hiểm còn thấp, đặt áp lực lớn cho hoạt động đầu tư tài chính, vì vậy việc tái cơ cấu danh mục đầu tư tài chính để có Lợi nhuận như kỳ vọng là một thách thức không nhỏ cho BIC trong năm 2015.
- Chất lượng trước và sau bán hàng (tư vấn bán hàng, bồi thường) cần cải thiện nhiều để tạo động lực cho tăng trưởng, đặc biệt là phục vụ định hướng bán lẻ.

Hướng tới năm 2015, năm hoạt động thứ 10 của mình, BIC xác định tiếp tục thực hiện mục tiêu tăng trưởng ổn định, hoạt động kinh doanh bảo hiểm có lãi và tỷ suất sinh lời nằm trong TOP 5 các công ty bảo hiểm phi nhân thọ. Bên cạnh đó, các mục tiêu lớn khác như: tiếp tục duy trì mức định hạng tín nhiệm của A.M.Best, hoàn thành dự án bán cổ phần cho đối tác chiến lược nước ngoài, lập Văn phòng đại diện tại Myanmar, hoàn thành việc chuyển nhượng vốn trong CVI,... sẽ cần rất nhiều sự cam kết và quyết tâm cao từ 700 cán bộ nhân

viên BIC. Cá nhân tôi và Ban Điều hành BIC quyết tâm và cam kết cao nhất vì các mục tiêu này, đã và đang áp ử nhiều giải pháp về mặt chính sách, cơ chế để thúc đẩy BIC tiếp tục phát triển, tiếp nối những kết quả đáng tự hào trong năm thứ 10 hoạt động. Tôi mong rằng các Quý vị sẽ ủng hộ và tiếp tục đồng hành cùng chúng tôi trong năm thứ 10 này.

Với sự ủng hộ của Quý vị và sự cam kết của chính các thành viên BIC, tôi tin rằng BIC sẽ xuất sắc hoàn thành các mục tiêu của kế hoạch kinh doanh năm 2015. Năm thứ 10 sẽ là một năm đáng nhớ và đầy tự hào nữa của BIC.

Trân trọng,

**Trần Hoài An**



**NĂM**  
**2005 - 2014**



## 9 sự kiện tiêu biểu năm 2014



### Sự kiện 1. Hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh 2014, đảm bảo kế hoạch cổ tức cho các cổ đông

Vượt qua các khó khăn, biến động của nền kinh tế, BIC vẫn hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao. Đặc biệt, BIC tiếp tục có lãi trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm và đạt tốc độ tăng trưởng ấn tượng trong 9 năm hoạt động. Đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông đề ra.

### Sự kiện 2. Tăng cường năng lực tài chính sau 2 lần tăng vốn điều lệ

Năm 2014, BIC đã hoàn thành việc phát hành 3,3 triệu cổ phiếu cho cán bộ nhân viên theo chương trình ESOP và chi trả cổ tức 10% bằng cổ phiếu cho cổ đông. Sau hai đợt phát hành, vốn điều lệ của BIC đã tăng từ 660 tỷ đồng lên hơn 762 tỷ đồng.

### **Sự kiện 3. BIC được A.M.Best xếp hạng năng lực tài chính B+**

BIC đã được tổ chức xếp hạng tín nhiệm tài chính hàng đầu thế giới A.M.Best định hạng năng lực tài chính đạt mức B+ (năng lực tài chính vững mạnh) và định hạng năng lực tổ chức phát hành đạt mức bbb- (công ty duy trì được khả năng thực hiện các cam kết tài chính tốt). Triển vọng nâng hạng cho cả hai chỉ tiêu này là **Ổn định**.

### **Sự kiện 4. Thay đổi Tổng Giám đốc**

Trên cơ sở phê chuẩn của Bộ Tài chính, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV đã có Quyết định số 189/QĐ-HĐQT ngày 31/10/2014, bổ nhiệm ông Trần Hoài An - Phó Tổng Giám đốc BIC giữ chức vụ Tổng Giám đốc BIC, từ ngày 01/11/2014.

### **Sự kiện 5. Thành lập 3 Công ty thành viên mới, nâng tổng số Công ty thành viên lên 25**

Ngày 27/12/2014, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC13/KDBH chấp thuận cho BIC thành lập 03 Công ty thành viên mới là BIC Cửu Long (trụ sở đặt tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), BIC Lào Cai (trụ sở đặt tại thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai) và BIC Tây Bắc (trụ sở đặt tại thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La). Với 03 đơn vị thành viên mới thành lập, BIC đã có mạng lưới hoạt động lên tới 25 công ty thành viên và hơn 120 Phòng Kinh doanh phủ kín hầu hết các địa bàn trọng yếu trên toàn quốc.

### **Sự kiện 6. Hoạt động tại hải ngoại khởi sắc, đóng góp lớn vào hoạt động của BIC**

Năm 2014 ghi dấu ấn của Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI) tại Lào, khẳng định hiệu quả đầu tư của BIC tại hải ngoại. Tại năm thứ 7 hoạt động, LVI đóng góp gần 25% doanh thu bảo hiểm gốc và lợi nhuận vào kết quả kinh doanh chung của BIC, trở thành công ty bảo hiểm lớn thứ 2 tại Lào về cả thị phần, lợi nhuận. Hoạt động của Công ty Bảo hiểm Campuchia Việt Nam (CVI) cũng tiếp tục tăng trưởng khá với doanh thu tăng trên 30%, có lãi kinh doanh bảo hiểm, duy trì vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực bảo hiểm hàng không.

### **Sự kiện 7. Chuẩn bị các bước cần thiết để mở rộng thị trường sang Myanmar**

Bên cạnh việc phát triển bền vững tại hai thị trường Lào và Campuchia, năm 2014 BIC đã tiến hành khảo sát thị trường Myanmar để tìm kiếm cơ hội đầu tư vào thị trường tiềm năng này. Tới tháng 1/2015, BIC đã có chấp thuận của Bộ Tài chính về việc mở Văn phòng Đại diện tại Myanmar, tạo tiền đề cho việc thành lập doanh nghiệp bảo hiểm trong tương lai.

### **Sự kiện 8. Định hướng tập trung và phát triển đa dạng các kênh bán lẻ Bancassurance, Ebusiness, Telesales**

Nhờ định hướng phát triển mũi nhọn bán lẻ, năm 2014 là năm các sản phẩm và kênh phân phối phục vụ khách hàng cá nhân của BIC tăng trưởng khá, đóng góp tỷ trọng ngày càng lớn trong doanh thu bảo hiểm của Tổng Công ty (tính riêng các sản phẩm Bảo hiểm xe cơ giới và Bảo hiểm tai nạn và sức khỏe con người chiếm gần 50%). Kênh Bancassurance tăng trưởng 15% và kỳ vọng lớn vào sản phẩm mới Bảo hiểm cho người Quản lý doanh nghiệp BIC Bảo An. Kênh Bảo hiểm trực tuyến (E-business) tăng trưởng ấn tượng 43%. Đặc biệt, từ tháng 8/2014, BIC chính thức triển khai kênh bán bảo hiểm qua điện thoại (Telesales), bổ sung một kênh mới khai thác thị trường bán lẻ giàu tiềm năng.

### **Sự kiện 9. BIC nhận nhiều danh hiệu, giải thưởng cao quý**

- Giải Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2014 do độc giả Thời báo Kinh tế Việt Nam bình chọn.
- Được công nhận là 1 trong 50 Công ty niêm yết hoạt động hiệu quả nhất Việt Nam bởi Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư và Công ty Chứng khoán Thiên Việt.
- Được vinh danh trong Bảng xếp hạng 50 Công ty tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam giai đoạn 2009 – 2014.
- Tiếp tục được công nhận là 1 trong 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam và 1 trong 1000 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam.
- Được công nhận là Doanh nghiệp có chỉ số đòn bẩy tài chính tốt nhất của nhóm ngành bảo hiểm theo chương trình “Đánh giá năng lực hoạt động doanh nghiệp – Vietnam Best Company”.
- Tiếp tục được xếp hạng là Đơn vị đứng đầu khối Công ty trong hệ thống BIDV. Cá nhân Tổng Giám đốc BIC được công nhận là Giám đốc điều hành giỏi năm 2014.

NĂM  
2005 - 2014

## Các chỉ số hoạt động cơ bản năm 2014

### I. Các chỉ tiêu hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

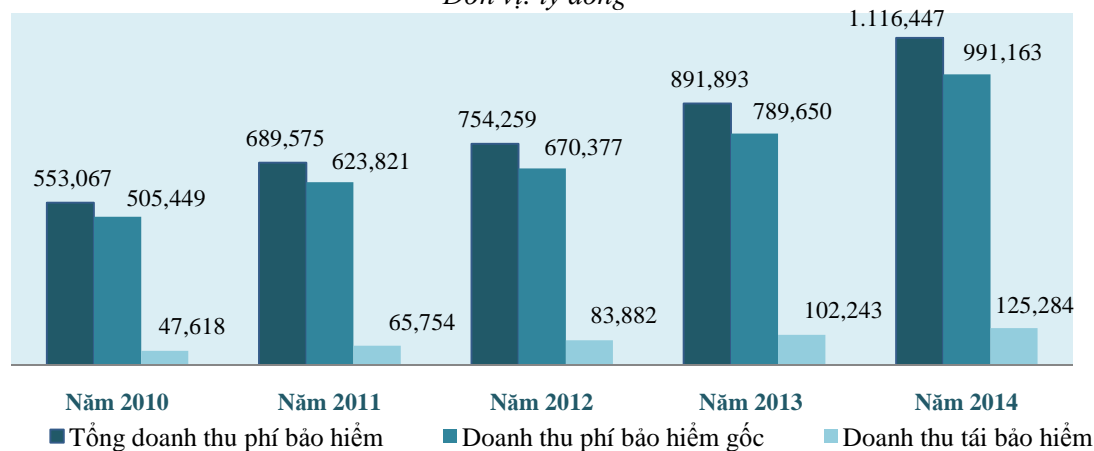
TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng tài sản	2.516,780	3.066,760
2	Vốn chủ sở hữu	791,936	905,402
3	Tổng doanh thu phí bảo hiểm	936,323	1,307,756
	<i>Trong đó:</i>		
	- Doanh thu phí bảo hiểm gốc	853,102	1,219,543
	- Doanh thu tái bảo hiểm	83,221	88,213
4	Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính	145,510	148,881
5	Tỷ lệ bồi thường thuộc TNGL	40,65%	36,24%
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	125,593	138,019
7	Quỹ dự phòng nghiệp vụ	1.320,032	1.552,798
8	Tỷ suất ROE (Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ)	14,61%	14,08%
9	Tỷ suất ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản)	3,83%	3,50%

(\*) Kể từ Quý 3/2014, sau khi hoàn tất thủ tục tăng vốn tại Liên doanh bảo hiểm Lào Việt (LVI) lên 65%, BIC chính thức phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm kết quả hoạt động của Công ty mẹ BIC và Công ty con LVI.

### II. Các chỉ tiêu của Công ty mẹ - BIC

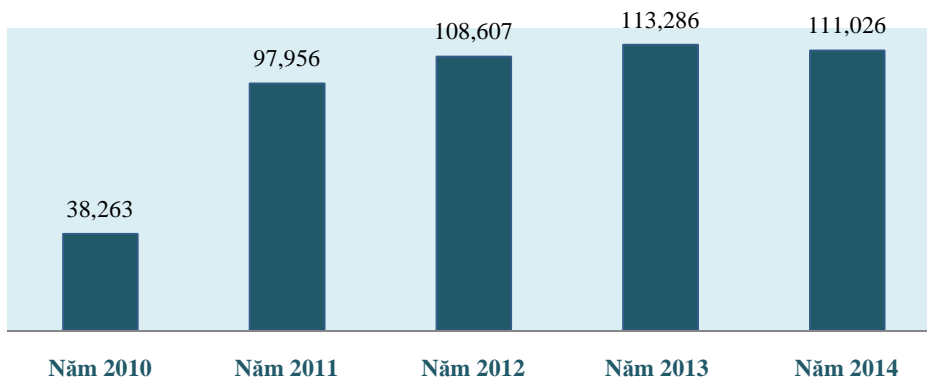
#### Doanh thu phí bảo hiểm

Đơn vị: tỷ đồng

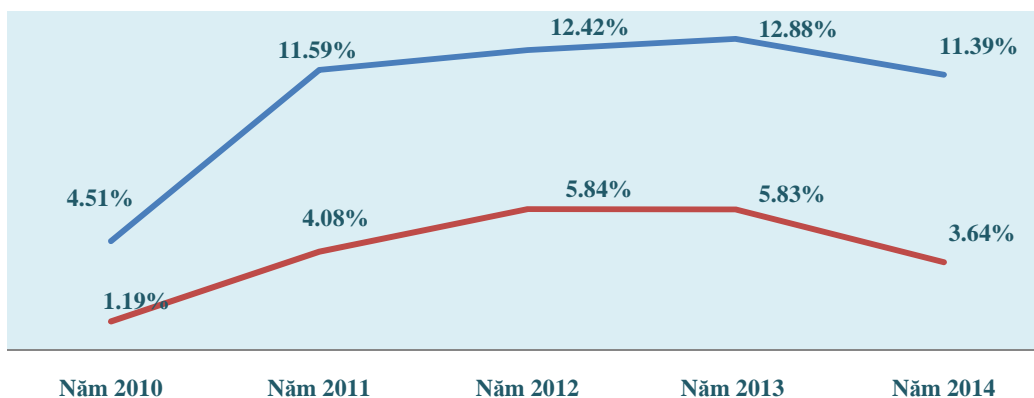


**Lợi nhuận trước thuế**

Đơn vị: tỷ đồng

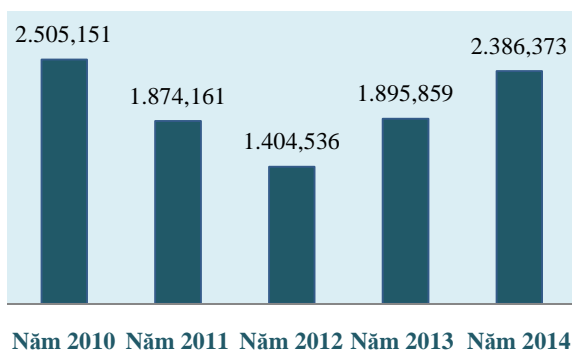


— Tỷ suất ROE (Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ)  
— Tỷ suất ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản)



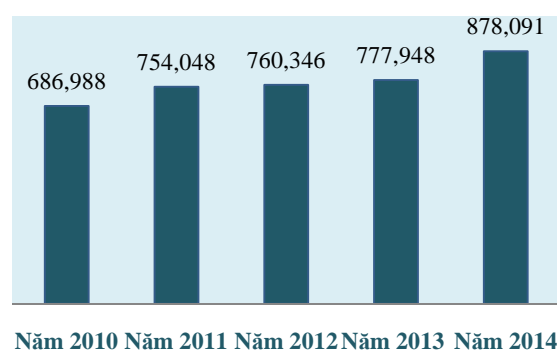
**Tổng tài sản**

Đơn vị: tỷ đồng



**Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị: tỷ đồng



## PHẦN 2: THÔNG TIN CHUNG VỀ BIC

Tên đầy đủ và chính thức: **Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Tên giao dịch bằng tiếng Việt: **Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV**

Mã cổ phiếu (HOSE): **BIC**

Vốn điều lệ: **762.299.820.000 VNĐ**

Trụ sở chính: **Tầng 16, tháp A, Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội**

Điện thoại: **(84-4) 22200282** Fax: **(84-4) 22200281** Hotline: **1900 9456**

Website: **www.bic.vn**

Email: **bic@bidv.com.vn**

Công ty con: **Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt**

Vốn điều lệ: **3 triệu USD**

Địa chỉ: **Tầng 3, tòa nhà LVB, Đại lộ Lanexang, Quận Chathabouly, Viêng chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.**

Lĩnh vực kinh doanh: **Kinh doanh Bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.**

Tỷ lệ sở hữu của BIC tại Liên doanh: **65%**

### 1. Thông tin khái quát

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC) ra đời trên cơ sở chiến lược thành lập Tập đoàn tài chính mang thương hiệu BIDV thông qua việc BIDV mua lại phần vốn góp của Tập đoàn Bảo hiểm Quốc tế QBE (Australia) trong Liên doanh Bảo hiểm Việt - Úc (là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam từ năm 1999) và chính thức đi vào hoạt động với tên gọi mới (BIC) kể từ ngày 01/01/2006.

BIC hiện là 1 trong 10 công ty bảo hiểm phi nhân thọ dẫn đầu về thị phần doanh thu phí bảo hiểm gốc và là một trong những công ty bảo hiểm có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trên thị trường. BIC cũng là công ty bảo hiểm đầu tiên có mạng lưới hoạt động phủ kín tại thị trường Đông Dương. Hiện BIC đang là cổ đông lớn nhất (sở hữu 65% cổ phần) trong Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI) và đang tiến hành các thủ tục cần thiết để sở hữu trực tiếp Công ty Bảo hiểm Campuchia Việt Nam (CVI). BIC cũng đang xúc tiến gia nhập thị trường Myanmar với việc thành lập Văn phòng đại diện tại nước này trong năm 2015.

Từ ngày 1/10/2010, BIC chính thức chuyển đổi sang mô hình Tổng Công ty Cổ phần và chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán T.p Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán BIC từ 6/9/2011.

Hiện nay, BIC có gần 700 cán bộ nhân viên, phục vụ khách hàng tại 25 Công ty thành viên, 120 Phòng Kinh doanh và trên 1.500 đại lý bảo hiểm trên toàn quốc.

### ***Tầm nhìn***

- ✓ Trở thành 1 trong 5 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ dẫn đầu thị trường theo cả ba tiêu chí: vốn, thị phần, lợi nhuận.
- ✓ Xây dựng BIC trở thành thương hiệu bảo hiểm uy tín và hiệu quả; là hoạt động trụ cột chính trong hệ thống BIDV.

### ***Giá trị cốt lõi***

- ✓ Tận tâm với khách hàng
- ✓ Minh bạch
- ✓ Tinh thần đồng đội

### ***Sứ mệnh***

- ✓ Đối với khách hàng: cung cấp giải pháp tài chính toàn diện để quản lý rủi ro tài chính cho khách hàng
- ✓ Đối với nhân viên: xây dựng môi trường làm việc hiệu quả và văn hóa doanh nghiệp gắn kết nhằm phát huy tối đa nguồn nhân lực
- ✓ Đối với cổ đông: cam kết mang lại giá trị và lợi ích bền vững
- ✓ Đối với cộng đồng: tích cực đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng

NĂM  
2005 - 2014

2. Quá trình hình thành và phát triển



Năm 1999

Năm 2006

Năm 2008

Năm 2009

Năm 2010



Năm 2011

Năm 2013

Năm 2014

**Năm 1999**  
BIDV và Công ty Bảo hiểm Quốc tế QBE (Úc) hợp tác thành lập Công ty Liên doanh Bảo hiểm Việt Úc

**Năm 2006**  
BIDV mua lại phần vốn góp của QBE trong Liên doanh Bảo hiểm Việt Úc và đổi tên Liên doanh thành Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)

**Năm 2008**  
BIC thành lập công ty Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI)

**Năm 2009:**  
Mở rộng mạng lưới hoạt động tại Đông Dương với việc thành lập Công ty Bảo hiểm Cambodia Việt Nam

**Năm 2010**  
BIC chuyển đổi sang mô hình Tổng Công ty Cổ phần và tăng vốn điều lệ lên 660 tỷ đồng.

**Năm 2011**  
Chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán BIC.

**Năm 2013**  
Hoàn tất việc mua lại phần vốn góp của Ngân hàng Liên doanh Lào Việt trong Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt để tăng tỷ lệ sở hữu tại LVI lên 65%

**Năm 2014**  
Tăng vốn điều lệ lên trên 762 tỷ đồng và BIC được AM Best xếp hạng năng lực tài chính B+

2005 - 2014



### 3. Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh



#### *Lĩnh vực kinh doanh*

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 11GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 10/4/2006 và Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC13/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 27/12/2014.

BIC cung cấp các dịch vụ Bảo hiểm phi nhân thọ - Tái bảo hiểm - Đầu tư tài chính.

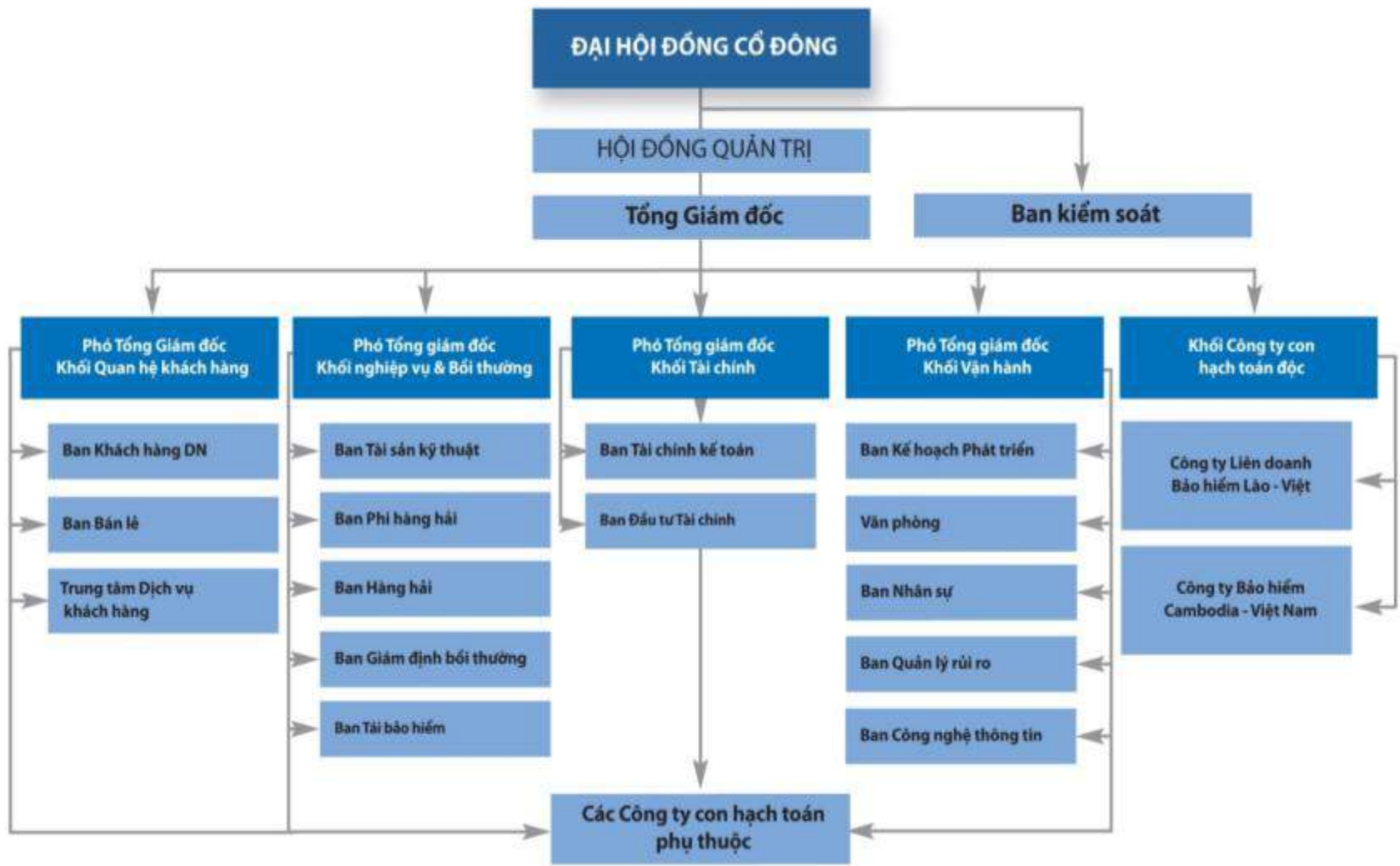
#### *Địa bàn hoạt động*

- BIC hiện có 25 Công ty thành viên và 120 Phòng kinh doanh trên toàn quốc
- Hơn 1.500 đại lý bảo hiểm, cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ cho khách hàng
- BIC cung cấp hơn 100 sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ trong các lĩnh vực bảo hiểm con người – bảo hiểm tài sản – bảo hiểm trách nhiệm.

NĂM

2005 - 2014

4. Mô hình tổ chức, bộ máy lãnh đạo




**Hội đồng quản trị**

<i>Chủ tịch</i>	<i>Ủy viên</i>	<i>Ủy viên</i>	<i>Ủy viên</i>	<i>Ủy viên độc lập</i>
				
<b>Ông Phạm Quang Tùng</b>	<b>Bà Nguyễn Thị Thanh Vân</b>	<b>Ông Tôn Lâm Tùng</b>	<b>Ông Lê Ngọc Lâm</b>	<b>Bà Đặng Thị Hồng Phương</b>
<p>Từ 2011 - nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP BIDV, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ BIDV MetLife.</p> <p>2010 - 2011: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV</p> <p>2006 -2010: Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV</p>	<p>Từ 6/2014 – nay: Giám đốc Ban Tài chính BIDV</p> <p>5/2013 – 5/2014: Phó Giám đốc Ban Tài chính BIDV.</p> <p>2010 – 4/2013: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV;</p> <p>2006 – 2010: Phó Giám đốc phụ trách tài chính kế toán Công ty Bảo hiểm BIDV.</p> <p>2002 - 2006: Kế toán trưởng Công ty Liên doanh Bảo hiểm Việt Úc, Phó Trưởng phòng Ban Tài chính BIDV</p>	<p>Từ 11/2014 – nay: Giám đốc Ban BIDV.</p> <p>2011 – 10/2014: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV</p> <p>10/2010 – 3/2011: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV</p> <p>2008– 2010: Phó Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV</p> <p>2006 – 2008: Trưởng phòng Đầu tư, Trưởng phòng Kinh doanh khu vực Hà Nội, Công ty Bảo hiểm BIDV</p>	<p>Từ 1/2015: Phó Tổng Giám đốc BIDV.</p> <p>4/2013 – 1/2015: Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp BIDV</p> <p>4/2012-3/2013: Giám đốc Ban Quản lý rủi ro tín dụng BIDV</p> <p>2010 – 2012: Phó Giám đốc Sở Giao dịch 1, BIDV</p>	<p>Từ 2011 – nay: Giám đốc Công ty CP Quỹ đầu tư chứng khoán An Bình</p> <p>2007 - 2010: Giám đốc Công ty quản lý quỹ SSI</p> <p>2006 - 2007: Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Đầu Tư, Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (Bảo Việt)</p>

**Ban Kiểm soát**

<i>Trưởng Ban</i>	<i>Thành viên</i>	<i>Thành viên</i>
		
<b>Ông Cao Cự Trí</b>	<b>Ông Nguyễn Trung Kiên</b>	<b>Ông Nguyễn Thành Công</b>
<p>Từ 2009 – nay: thành viên Ban Kiểm soát BIDV.</p> <p>2002 – 2009: Phó Giám đốc Sở Giao dịch III, Phó Trưởng Ban Kiểm soát BIDV.</p> <p>1997 – 2002: công tác tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p>	<p>2011 - nay: Phó Giám đốc Ban Kế toán BIDV.</p> <p>1999 – 2010: công tác tại Ban Dự án hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống thanh toán, Ban Quản lý và Triển khai mở rộng dự án SIBS, Ban Kế toán, Chi nhánh BIDV Quang Trung.</p>	<p>Hiện nay: Phó Ban Tài chính Kế toán, Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam (VINARE)</p>

**Ban Điều hành**

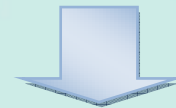
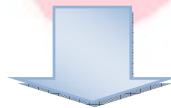
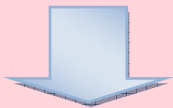
<i>Tổng Giám đốc</i>	<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	<i>Phó Tổng Giám đốc</i>
				
<b>Ông Trần Hoài An</b>	<b>Bà Đoàn Thị Thu Huyền</b>	<b>Ông Trần Trung Tính</b>	<b>Ông Vũ Minh Hải</b>	<b>Ông Phạm Đức Hậu</b>
<p>Từ 11/2014 – nay: Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm BIDV.</p> <p>4/2013-10/2014: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV, kiêm nhiệm Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV Hồ Chí Minh.</p> <p>1/2011-3/2013: Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV Hồ Chí Minh</p> <p>6/2009 -12/2010: giữ các chức vụ Phó Giám đốc Công ty bảo hiểm BIDV Bình Định, Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV Bình Định</p> <p>10/1995 - 5/2009: công tác tại Cục Hải Quan tỉnh Bình Định.</p>	<p>Từ 5/2012 – nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV, phụ trách Khối Vận hành</p> <p>6/2011 – 4/2012: Phó Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV</p> <p>3/1996 – 5/2011: công tác trong hệ thống BIDV và giữ các chức vụ Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ 2, Ban Tổ chức cán bộ BIDV</p>	<p>Từ 10/2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV, phụ trách Khối Nghiệp vụ</p> <p>5/2007 – 5/2009: Phó Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Minh, Chi nhánh Hà Nội.</p> <p>8/1996 – 4/2005: Công tác tại Công ty Bảo hiểm Bảo Minh, Chi nhánh Hà Nội và giữ các chức vụ: Trưởng phòng Bảo hiểm tài sản-kỹ thuật, Phó Trưởng phòng Bảo hiểm Đầu tư kỹ thuật kiêm Trợ lý Giám đốc về đối ngoại và hợp tác quốc tế, Phó Trưởng phòng Phi Hàng hải kiêm Trợ lý Giám đốc về đối ngoại và hợp tác quốc tế.</p>	<p>Từ 4/2012 – nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV, phụ trách Khối Quan hệ Khách hàng</p> <p>3/2009 – 4/2012: Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt.</p> <p>6/2007 – 3/2009: Công tác tại Công ty Bảo hiểm BIDV và giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng Giám định bồi thường kiêm Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh BIC Tây Hà Nội; Phó Trưởng phòng Giám định bồi thường.</p> <p>2/2000 – 5/2007: công tác tại Công ty Bảo hiểm PJICO.</p>	<p>Từ 3/2015 - nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV, kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI).</p> <p>4/2012 – 2/2015: Tổng Giám đốc LVI.</p> <p>10/2010 - 3/2012: Công tác tại Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV và giữ các chức vụ: Phó Giám đốc Ban KHDN; Phó Giám đốc BIC Thăng Long, Trưởng phòng Ban KHDN.</p> <p>7/2006 - 10/2010: Phó trưởng Phòng Dự án, cán bộ các phòng TSKT, phòng Dự Án, Công ty Bảo hiểm BIDV.</p>

2005 - 2014

## 5. Định hướng kinh doanh

### Định hướng đến năm 2025

- Về thị phần: Lọt vào top 5 thị phần bảo hiểm Phi nhân thọ.
- Về mô hình: chuyển đổi, củng cố mô hình BIC Holdings.
- Dẫn đầu về hiệu quả hoạt động với tỷ lệ ROE tối thiểu 14%.
- Duy trì vị thế hàng đầu của LVI tại thị trường Lào và đưa CVI vào top 3 tại thị trường Campuchia. Triển khai có hiệu quả hoạt động bảo hiểm tại thị trường Myanmar.



#### Mục tiêu kinh doanh của BIC giai đoạn 2015 -2025

- Tăng trưởng bình quân 15%/năm và cao hơn mức bình quân thị trường 5%.
- Tỷ lệ bồi thường dưới 40%
- Duy trì tỷ lệ ROE trên 10% giai đoạn 2015 – 2020 và trên 12% từ năm 2020.

#### Mục tiêu kinh doanh của LVI giai đoạn 2015 -2025

- Tăng trưởng cao hơn 20%/năm
- Tỷ lệ bồi thường dưới 40%
- Duy trì tỷ lệ ROE trên 15%
- Giữ vững vị trí số 2 trên thị trường, rút ngắn khoảng cách với doanh nghiệp bảo hiểm đứng đầu.

#### Mục tiêu kinh doanh của CVI giai đoạn 2015 -2025

- Tăng trưởng bình quân cao hơn 20%/năm.
- Phấn đấu đến năm 2020 nằm trong top 3 thị trường.
- Tỷ lệ ROE phấn đấu ở mức trung bình 6%/năm.

2005 - 2014

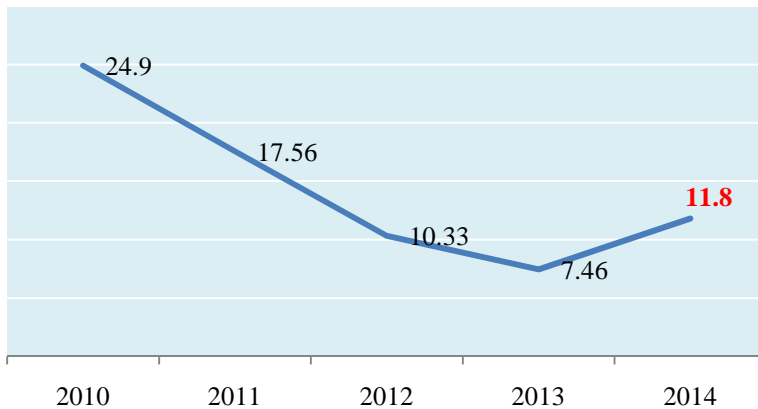
### PHẦN 3: HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014

#### 1. Tổng quan thị trường Bảo hiểm Phi nhân thọ và dự báo năm 2015

##### 1.1. Tổng quan thị trường Bảo hiểm PNT năm 2014

Cùng với sự phục hồi bước đầu của nền kinh tế, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2014 đã khởi sắc. Sau 4 năm tăng trưởng liên tục giảm, thị trường đã trở lại với mức tăng trưởng 2 con số. Theo số liệu của Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam, tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc toàn thị trường năm 2014 ước đạt **27.346 tỷ đồng**, tăng trưởng **11,8%** so với năm 2013.

**Tăng trưởng thị trường BH PNT (%)**



Năm 2014, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực:

- Công tác tái cơ cấu được các doanh nghiệp bảo hiểm trong khối đẩy mạnh. Đặc biệt, các giao dịch M&A (mua bán, sáp nhập doanh nghiệp) diễn ra ngày càng mạnh mẽ với sự gia tăng về số lượng và giá trị

các thương vụ so với các năm trước.

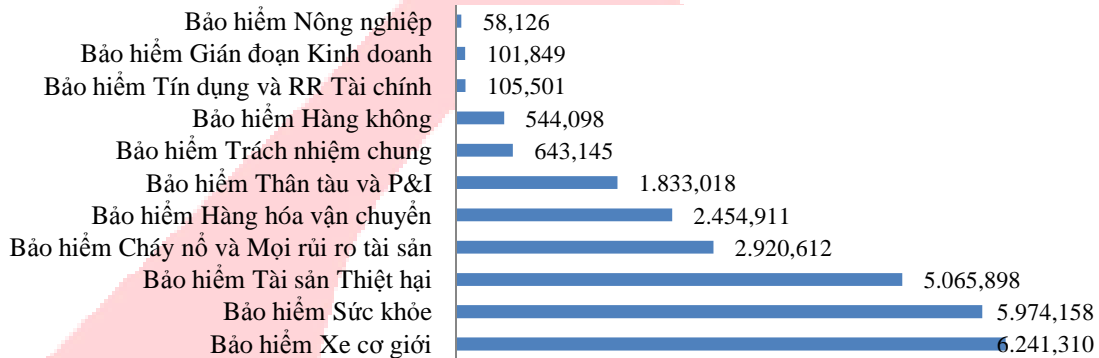
- Việc phòng chống trục lợi bảo hiểm cũng được các doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện tốt thông qua việc tăng cường kiểm soát hoạt động kinh doanh, bồi dưỡng, nâng cao trình độ của cán bộ bảo hiểm, tăng cường cơ chế hợp tác, chia sẻ thông tin giữa các doanh nghiệp bảo hiểm...

- Môi trường pháp lý tiếp tục được cải thiện với sự ra đời của các văn bản pháp quy, thông tư hướng dẫn như: Nghị định 91/2014/NĐ-CP tháo gỡ khó khăn về thuế cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Thông tư 125/2012/TT-BTC nâng cao chế độ quản lý Nhà nước trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm...

- Mức tăng trưởng doanh thu toàn thị trường mặc dù chưa thể so sánh với những giai đoạn tăng trưởng “vàng” trước đây nhưng cũng đã quay trở lại mức 2 con số, đây là tín hiệu để hy vọng vào sự phục hồi của thị trường trong những năm tiếp theo.

**Doanh thu các nghiệp vụ bảo hiểm PNT toàn thị trường năm 2014**

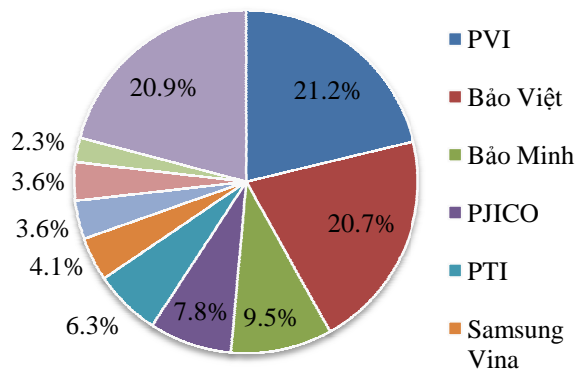
Đơn vị: tỷ đồng



Bên cạnh những mặt tích cực, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2014 vẫn còn những hạn chế:

- Tình trạng cạnh tranh phi kỹ thuật như hạ phí, mở rộng điều khoản, tăng chi ngoài... vẫn tiếp tục diễn ra.
- Lãi suất tiết kiệm và trái phiếu chính phủ giảm, trong khi chi phí hoạt động vẫn ở mức cao, ảnh hưởng tiêu cực tới lợi nhuận của các doanh nghiệp bảo hiểm, vốn đã ở mức thấp trong nhiều năm qua.
- Sự cố bạo động tại Hà Tĩnh, Bình Dương, Đồng Nai mặc dù nằm ngoài mong

**Thị phần bảo hiểm PNT năm 2014**



muốn của các doanh nghiệp bảo hiểm nhưng cũng đã gây thiệt hại khoảng 2.500 tỷ đồng cho 27/29 doanh nghiệp bảo hiểm trên thị trường. Đây là một con số lớn, ảnh hưởng nhất định tới kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm.

Tuy còn nhiều thách thức nhưng 2014 vẫn là một năm đáng mừng của ngành bảo hiểm nói chung và bảo hiểm phi nhân thọ nói riêng. Nó cho thấy sự lớn mạnh và ngày càng hoạt động thực chất hơn, vai trò và ý nghĩa của bảo hiểm được đề cao và

thấu hiểu. Với những kết quả hoạt động năm vừa qua cũng như kế hoạch đầy tham vọng của các doanh nghiệp bảo hiểm, sự hoàn thiện về cơ chế chính sách và vai trò của cơ



quan quản lý, BIC cho rằng có những nền tảng để lạc quan về triển vọng thị trường năm 2015 và các năm tới.

### **1.2. Dự báo thị trường năm 2015**

Theo định hướng của Bộ Tài chính, năm 2015 sẽ phát triển thị trường bảo hiểm toàn diện nhằm đáp ứng nhu cầu bảo hiểm của nền kinh tế; nâng cao năng lực tài chính, kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động bảo hiểm; đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Trong năm 2015 sẽ tiếp tục duy trì mức tăng trưởng của cả thị trường ổn định từ 12 đến 15%/năm. Theo đó sẽ tập trung vào các nhiệm vụ chính gồm:

- Nâng cao tính công khai minh bạch, nâng cao tiêu chí, điều kiện trong việc cấp phép thành lập doanh nghiệp; nâng cao năng lực tài chính, công tác quản trị điều hành doanh nghiệp bảo hiểm.
- Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách theo hướng phát triển thị trường bảo hiểm toàn diện nhằm đáp ứng nhu cầu bảo hiểm của nền kinh tế; khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm như biện pháp đảm bảo ổn định tài chính; ....
- Phát triển thị trường bảo hiểm an toàn, hiệu quả và bền vững, nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu bảo hiểm cho các lĩnh vực kinh tế và dân cư, góp phần ổn định kinh tế xã hội.

Cùng với các quy định chặt chẽ của các cơ quan chủ quản, năm 2015 khi những tín hiệu phục hồi của nền kinh tế được dự báo sẽ trở nên rõ nét hơn, BIC tin rằng thị trường bảo hiểm phi nhân thọ có thể kỳ vọng vào một năm thành công với tốc độ tăng trưởng tốt hơn. Những lý do để tin vào sự vươn lên của thị trường gồm:

- Hiệp định Đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) sớm được ký kết sẽ tạo cú hích cho ngành tài chính- ngân hàng, tác động tích cực tới thị trường bảo hiểm.
- Thị trường chứng khoán được dự báo sẽ khởi sắc hơn trong năm 2015, tạo cơ hội để các doanh nghiệp bảo hiểm đa dạng hóa danh mục đầu tư, nâng cao mức sinh lời.
- Phân khúc bán lẻ sẽ tiếp tục được các doanh nghiệp tập bảo hiểm trung phát triển mạnh để tối ưu nguồn doanh thu từ khách hàng cá nhân.
- Thị trường bảo hiểm phát triển thực chất hơn với các nỗ lực hướng tới hiệu quả của doanh nghiệp bảo hiểm. Đa phần các doanh nghiệp sẽ chú trọng mục tiêu lợi nhuận hơn là doanh thu, theo đuổi chiến lược hiệu quả để phát triển bền vững.

- Thông tư 194/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 124 và Thông tư 125 về các quy định của bảo hiểm được Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực từ đầu năm 2015 sẽ buộc các doanh nghiệp bảo hiểm, đặc biệt là các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, phải “chạy nước rút” để hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu bảo hiểm khai thác, quản lý khách hàng, quản lý đối tượng được bảo hiểm, quản lý đại lý môi giới, giám định bồi thường... Những quy định, chính sách mới trên thị trường sẽ buộc các doanh nghiệp bảo hiểm phải hoạt động minh bạch và lành mạnh hơn. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 195/2014/TT-BTC về tiêu chí đánh giá xếp hạng doanh nghiệp bảo hiểm, trong 2 năm tài chính liên tiếp bị thua lỗ, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ phải báo cáo Bộ Tài chính về thực trạng, nguyên nhân, nguy cơ và thực hiện phương án theo yêu cầu của Bộ Tài chính. Những quy định chặt chẽ như vậy cũng sẽ giúp doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn.

## 2. Kết quả kinh doanh của BIC năm 2014

### 2.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Mặc dù 2014 tiếp tục là một năm khó khăn đối với thị trường bảo hiểm nói chung và BIC nói riêng nhưng bằng những giải pháp kinh doanh hiệu quả, BIC vẫn đạt được những kết quả kinh doanh khả quan và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.

#### Kết quả kinh doanh hợp nhất

Tại năm thứ 2 hợp nhất kết quả hoạt động của Công ty mẹ BIC và Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI), với những nỗ lực và sự quyết tâm của toàn hệ thống BIC cùng sự tăng trưởng ấn tượng tại hải ngoại của Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI), kết quả kinh doanh hợp nhất rất khả quan:

- Tổng doanh thu phí bảo hiểm hợp nhất toàn Tổng Công ty đạt **1.307,756 tỷ đồng**, tăng trưởng **39,67%** so với năm 2013. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt **1.219,543 tỷ đồng**, doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt **88,213 tỷ đồng**.

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt **138,019 tỷ đồng**, tăng trưởng **10%** so với năm 2013.

- Tổng tài sản hợp nhất đạt **3.066,760 tỷ đồng**, tăng **21,85%** so với năm 2013.

- Vốn chủ sở hữu hợp nhất đạt **905,402 tỷ đồng**, tăng **14,33%** so với năm 2013.

- Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ hợp nhất đạt **1.552,798 tỷ đồng**, tăng **17,63%** so với năm 2013.

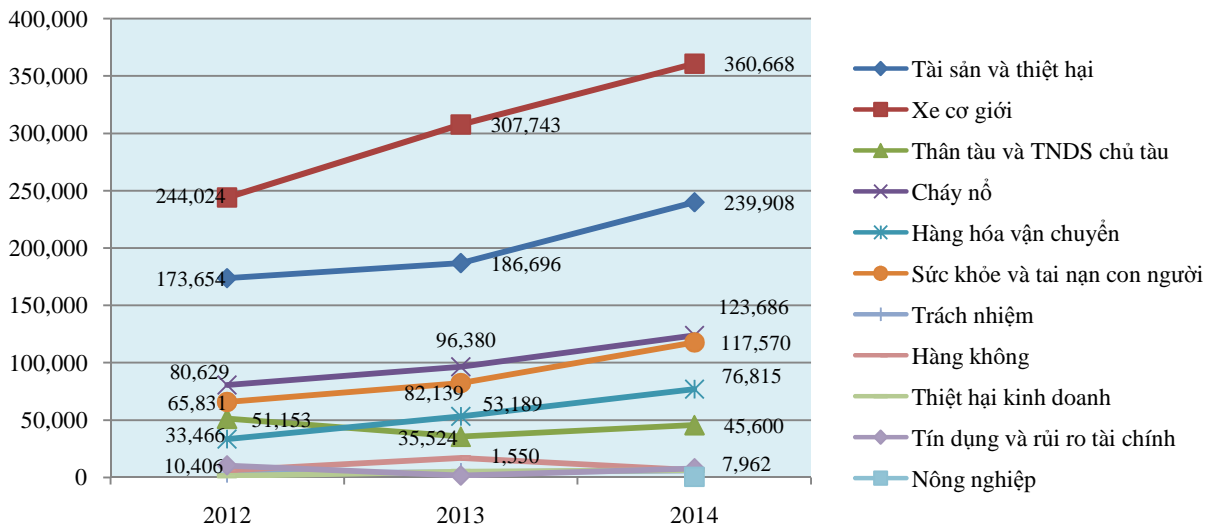
## Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ

### Tăng trưởng doanh thu

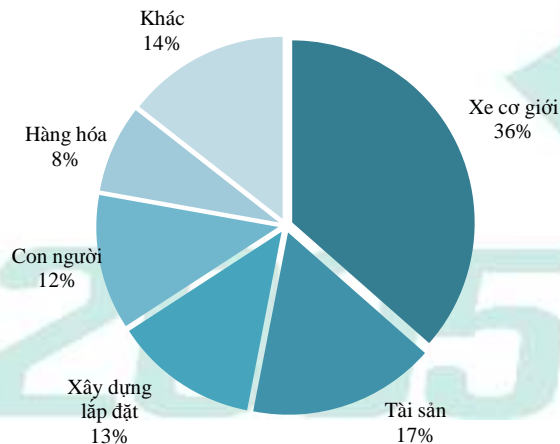
Tổng doanh thu phí bảo hiểm của Công ty mẹ BIC năm 2014 đạt **1.116,447 tỷ đồng**, tăng trưởng **25,18%** so với năm 2013, hoàn thành 111,6% kế hoạch cả năm, trong đó, doanh thu phí gốc đạt **991,163 tỷ đồng**, tăng **25,52%** - đây là mức tăng trưởng tốt nhất của BIC trong 9 năm hoạt động, doanh thu phí nhận tái đạt **125,284 tỷ đồng**, tăng **22,54%**.

### Doanh thu các nghiệp vụ bảo hiểm

Đơn vị: tỷ đồng



### Tỷ trọng doanh thu các nghiệp vụ



Bằng các biện pháp thúc đẩy hiệu quả, hầu hết các dòng sản phẩm của BIC đều tăng trưởng ấn tượng. Nhờ chính sách ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng, nền kinh tế phục hồi nên các dự án đầu tư xây dựng được khởi động lại, mặt khác các đơn vị BIC đã tích cực chủ động khai thác được các dịch vụ có doanh thu lớn nên các sản phẩm thuộc nghiệp vụ *Bảo hiểm tài sản và thiệt hại* tiếp tục tăng trưởng 24,2%, cao hơn so với mức trung bình của thị trường 10,5%.

Đồng thời, khi nền kinh tế hồi phục, hoạt động xuất nhập khẩu khởi sắc, tạo điều kiện cho các sản phẩm bảo hiểm hàng hải của BIC lấy lại tốc độ tăng trưởng tốt hơn so với các năm trước: *Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển* tăng trưởng ấn tượng 44,42%, *Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu* tăng trưởng 28,36%.

Trong khi đó, xu hướng bán lẻ trên thị trường thiết lập một bức tranh cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp bảo hiểm, đặc biệt trong các lĩnh vực Bảo hiểm xe cơ giới và Bảo hiểm con người. Với các chính sách thúc đẩy kinh doanh bán lẻ quyết liệt, các nghiệp vụ này của BIC tăng trưởng rất tốt, đóng góp đáng kể vào tổng doanh thu chung: *Bảo hiểm con người* tăng trưởng 43,14%, *Bảo hiểm xe cơ giới* tăng trưởng 17,2%.

### Lợi nhuận

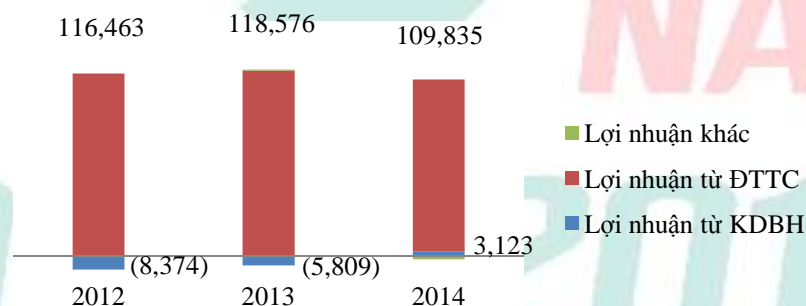
Tổng lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ năm 2014 đạt **111,026 tỷ đồng**, giảm 2% so với năm 2013.

Sự sụt giảm này chủ yếu do sự sụt giảm của lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính. Năm 2014, lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính của BIC đạt **109,835 tỷ đồng**, giảm 7,4% so với năm 2013. Nguyên nhân là do lãi suất trên thị trường năm 2014 tiếp tục giảm so với năm 2013 ảnh hưởng tới lãi tiền gửi, vốn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu danh mục đầu tư của BIC.

Tuy nhiên, nhờ các nỗ lực kiểm soát chi phí, giảm tỷ lệ bồi thường, kiểm soát công nợ phí bảo hiểm..., năm 2014 Công ty mẹ đã duy trì lãi từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Cụ thể, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm của BIC năm 2014 đạt **3,123 tỷ đồng**. Đây là năm thứ hai BIC có lãi trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, là một tiền đề rất tốt cho các năm tiếp theo.

### Cơ cấu Lợi nhuận của Công ty mẹ BIC

Đơn vị: tỷ đồng



### *Quy mô tài sản và nguồn vốn*

Tổng tài sản Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2014 là **2.386,373 tỷ đồng**, tăng **25,87%** so với năm 2013.

Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ năm 2014 đạt **878,091 tỷ đồng**, tăng **12,87%** so với năm 2013.

Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ đạt **1.097,430 tỷ đồng**, tăng **30,8%** so với năm 2013, khẳng định khả năng thanh toán của BIC luôn được duy trì tốt, sẵn sàng chi trả cho các tổn thất lớn phát sinh.

### **2.2. Hoạt động đầu tư tài chính**

#### **Danh mục đầu tư của BIC**

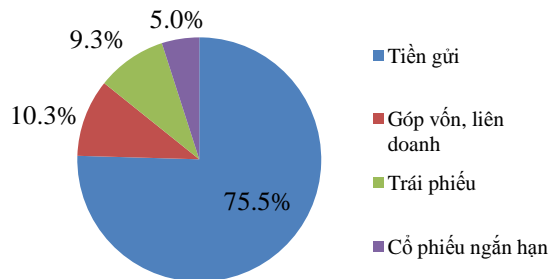
*Đơn vị: tỷ đồng*

TT	Nội dung	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<b>I</b>	<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>900,090</b>	<b>78,05%</b>	<b>1.000,717</b>	<b>80,42%</b>	<b>1.126,993</b>	<b>80,43%</b>
1	Cổ phiếu niêm yết	35,349	3,07%	50,169	4,03%	67,188	4,80%
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	34,710	3,01%	5,438	0,44%	5,438	0,39%
3	Tiền gửi	815,828	70,74%	901,000	72,41%	1.057,500	75,47%
4	Trái phiếu công ty ngắn hạn	27,000	2,34%	44,900	3,61%	-	0,00%
5	Dự phòng giảm giá chứng khoán	(12,797)	(1,11%)	(790)	(0,06%)	(3,133)	(0,22%)
<b>II</b>	<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>253,133</b>	<b>21,95%</b>	<b>243,613</b>	<b>19,58%</b>	<b>274,192</b>	<b>19,57%</b>
1	Trái phiếu dài hạn chưa niêm yết	170,146	14,75%	150,146	12,07%	130,000	9,28%
2	Đầu tư vào công ty liên doanh	23,837	2,07%	34,660	2,79%	34,660	2,47%
3	Đầu tư, góp vốn cổ phần khác	76,090	6,60%	76,090	6,11%	126,090	9,00%
4	Dự phòng GGCK dài hạn	(16,940)	(1,47%)	(17,283)	(1,39%)	(16,558)	(1,18%)
<b>Tổng cộng danh mục</b>		<b>1.153,223</b>	<b>100%</b>	<b>1.244,330</b>	<b>100%</b>	<b>1.401,185</b>	<b>100%</b>

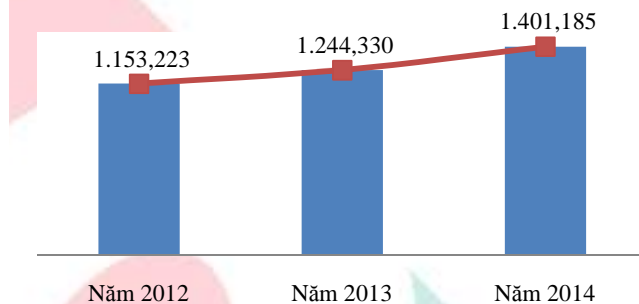
Tổng giá trị danh mục đầu tư của BIC năm 2014 đạt **1.401,185 tỷ đồng**, tăng **12,6%** so với năm 2013.

Với phương châm đầu tư an toàn, hiệu quả, đầu tư tiền gửi tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu danh mục đầu tư năm 2014 của BIC (**75,5%**), tiếp đến là góp vốn, liên doanh (**10,3%**), trái phiếu (**9,3%**) và đầu tư cổ phiếu ngắn hạn (**5,0%**).

**Cơ cấu danh mục đầu tư năm 2014**



**Tăng trưởng giá trị danh mục đầu tư**  
Đơn vị: tỷ đồng



Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính năm 2014 đạt **109,835 tỷ đồng**, giảm 7,4% so với năm 2013, chủ yếu do lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tiền gửi giảm 10,0% so với năm ngoái. Đặc biệt, nhờ thị trường chứng khoán khởi sắc trở lại, lợi nhuận từ cổ phiếu và góp vốn của BIC đã tăng mạnh (159,5%), thu lãi 19,228 tỷ đồng.

**Kết quả hoạt động đầu tư tài chính**

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	2013	2014	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỷ lệ
Tiền gửi	87,336	78,573	(8,763)	(10,0%)
Trái phiếu	24,982	16,409	(8,573)	(34,3%)
Cổ phiếu, góp vốn	7,410	19,228	11,818	159,5%
Lãi/lỗ tỷ giá hối đoái	(0,248)	(4,051)	(3,803)	1533,5%
Khác	(0,904)	(0,324)	0,580	(64,2%)
<b>Tổng cộng</b>	<b>118,576</b>	<b>109,835</b>	<b>(8,741)</b>	<b>(7,4%)</b>

**2.3 Kết quả hoạt động tại hải ngoại**

**Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI)**



LVI được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ năm 2008 với 03 đối tác trong liên doanh là Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC), Ngân hàng Ngoại thương Lào (BCEL) và Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (Lao Viet Bank). Trong suốt 7 năm hoạt động, LVI đã có sự phát triển nhanh chóng cả về nhân sự cũng như mạng lưới kinh doanh trên toàn nước Lào. Với chiến lược phát triển

bền vững và hiệu quả, LVI hiện là một trong hai công ty bảo hiểm dẫn đầu thị trường bảo hiểm Lào về doanh thu, thị phần, thương hiệu...

Tính đến hết năm 2014, LVI có hai cổ đông lớn gồm Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC) sở hữu 65% cổ phần và Ngân hàng Ngoại thương Lào (BCEL) sở hữu 35% cổ phần.

#### ***Kết quả kinh doanh LVI năm 2014***

Năm 2014, nền kinh tế Lào phải đối mặt với nhiều khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút, lạm phát tăng cao, hoạt động sản xuất kinh doanh có dấu hiệu chững lại... Những yếu tố trên ảnh hưởng trực tiếp tới ngành bảo hiểm Lào nói chung và các doanh nghiệp bảo hiểm nói riêng. Mặc dù vậy, vượt qua những thách thức, LVI vẫn đạt được kết quả kinh doanh rất khả quan:

- Doanh thu phí bảo hiểm năm 2014 đạt **11.548.077 USD**, tăng trưởng 27% so với năm 2013.

- Tỷ lệ bồi thường thuộc TNGL năm 2014 giảm mạnh xuống **23,16%** so với tỷ lệ 37% của năm 2013.

- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2014 đạt **1.364.945 USD**, tăng trưởng 82% so với năm 2013. Trong đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt **683.941 USD**, một con số ấn tượng nếu so sánh với mặt bằng lợi nhuận kinh doanh bảo hiểm chung tại Việt Nam.

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2014 đạt **39.484.562 USD**, tăng 16% so với thời điểm 31/12/2013.

- Vốn chủ sở hữu đạt **4.880.062 USD**, tăng 26% so với thời điểm 31/12/2013.

- Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ đạt **24.880.970 USD**, tăng 2% so với thời điểm 31/12/2013.

- ROE tăng cao so với năm 2013 đạt **23,76%**.

#### ***Kết quả hoạt động khác***

- *Quản lý tài chính:* Thực hiện tốt các biện pháp thực hành tiết kiệm, kiểm soát chi phí, đóng góp quan trọng vào kết quả kinh doanh của LVI.

- *Quản lý nghiệp vụ:* Hoàn thành việc đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng sản phẩm, nhóm sản phẩm, từ đó lựa chọn ra những sản phẩm, nhóm sản phẩm thế mạnh để

đẩy mạnh khai thác. Thực hiện tốt việc đánh giá phân loại, lựa chọn và quản lý rủi ro trong quá trình khai thác.

- *Quảng cáo, xây dựng thương hiệu:* Nhận diện thương hiệu LVI đã xuất hiện tại hầu hết các tỉnh/thành phố tại Lào. LVI cũng thường xuyên thực hiện quảng cáo trên báo, đài phát thanh, đặc biệt, có nhận diện thương hiệu trên tất cả các máy bay bay nội địa và quốc tế của Lao Airlines. Hiện LVI đã trở thành thương hiệu bảo hiểm thông dụng tại Lào.

- *Hoạt động liên kết bán chéo sản phẩm:* LVI đã triển khai được 120 điểm bán Bancassurance thông qua việc ký hợp đồng hợp tác với LVB, APB, STBanks, Indochina Bank.

### **Định hướng hoạt động năm 2015**

Tiếp nối những thành công trong năm 2014, năm 2015, LVI sẽ phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh chính:

- Tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt **14,5 triệu USD**.
- Lợi nhuận trước thuế đạt **1,6 triệu USD**.

Bên cạnh đó, LVI cũng sẽ tiếp tục kiện toàn bộ máy kinh doanh thông qua việc thành lập Chi nhánh Pakse, Phòng Bảo hiểm trực tuyến, Trung tâm Dịch vụ Khách hàng; bổ sung thêm một Phó Tổng Giám đốc; tăng vốn điều lệ lên 5 triệu USD, đồng thời, bổ sung thêm cổ đông là Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam vào Lào (AVIL) để bảo hiểm toàn bộ các dự án do các doanh nghiệp và cá nhân Việt Nam đầu tư kinh doanh tại Lào.

### **Công ty Bảo hiểm Cambodia Việt Nam (CVI)**



CVI là doanh nghiệp bảo hiểm Phi nhân thọ thứ 7 tại thị trường Campuchia, được hình thành và phát triển dựa trên nền tảng 58 năm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng của BIDV và hơn 10 năm kinh nghiệm bảo hiểm của Liên doanh BIDV-QBE và BIC tại thị trường Việt Nam và Lào.

Các cổ đông sáng lập của CVI gồm: IDCC (do BIDV đầu tư 100% vốn), Kasimex, NH Holdings. Bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 9/2009, CVI kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, quản lý rủi ro và đầu tư. Hiện CVI hoạt động dưới



sự quản lý và giám sát điều hành của BIC. Dự kiến, năm 2015, BIC sẽ hoàn tất việc chuyển nhượng vốn từ IDCC để nắm cổ phần chi phối trong CVI.

Định hướng hoạt động của CVI là nằm trong top đầu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tại Campuchia, đóng góp cho sự phát triển và thịnh vượng của nền kinh tế Campuchia đồng thời củng cố và tăng cường mối quan hệ hợp tác hữu nghị lâu đời giữa 2 nước Việt Nam và Campuchia.

#### ***Kết quả kinh doanh năm 2014***

- Doanh thu phí bảo hiểm của CVI năm 2014 đạt **4.364.716 USD**, tăng trưởng **36%** so với năm 2013, hoàn thành 100,7% kế hoạch năm.

- Tỷ lệ bồi thường được kiểm soát tốt, ở mức **17,6%**, thấp hơn nhiều so với kế hoạch (35%). Tốc độ xử lý bồi thường ngày càng được nâng cao.

- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2014 đạt **431.013 USD**, tăng trưởng **19,4%** so với năm 2013. Đặc biệt, năm 2014, CVI có lãi từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm với lợi nhuận ở mức 51.526 USD.

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2014 đạt **9.317.017 USD**, tăng **5,9%** so với thời điểm 31/12/2013.

- Vốn chủ sở hữu đạt **7.303.778 USD**, giảm nhẹ 1,6% so với thời điểm 31/12/2013.

- Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ đạt **318.828 USD**, tăng 35,3% so với thời điểm 31/12/2013.

#### ***Kết quả hoạt động khác***

- *Quản lý tài chính:* CVI đã thực hiện tốt các biện pháp thực hành tiết kiệm, kiểm soát chi phí góp phần quan trọng vào kết quả kinh doanh năm 2014.

- *Quản lý nghiệp vụ, phát triển dịch vụ:* công tác quản lý nghiệp vụ và kiểm soát rủi ro được tăng cường, đảm bảo an toàn, hiệu quả cho hoạt động kinh doanh.

- *Quảng cáo xây dựng thương hiệu:* CVI đã thực hiện nhiều hoạt động đẩy mạnh thương hiệu tại Campuchia thông qua các công tác An sinh xã hội, quảng cáo, tổ chức các chương trình hội thảo, tư vấn bảo hiểm cho khách hàng, cơ quan quản lý Campuchia. Qua các hoạt động này, hình ảnh, thương hiệu CVI dần trở nên phổ biến và được khách hàng biết đến nhiều hơn tại Campuchia.

### ***Định hướng hoạt động năm 2015***

- Về thị phần bảo hiểm: CVI tiếp tục duy trì vị trí đứng đầu nhóm nghiệp vụ có doanh thu lớn như bảo hiểm hàng không, tích cực phát triển nhóm bảo hiểm nông nghiệp (cây công nghiệp, bảo hiểm chăn nuôi) thông qua nguồn khách hàng tiềm năng là các nhà đầu tư Việt Nam và các khách hàng của Canadia Bank, BIDC.

- Về kênh phân phối, sản phẩm: Tập trung phát triển hệ thống phân phối, đặc biệt là kênh Bancassurance thông qua các ngân hàng như Canadia Bank, BIDC, CP Bank, Sacombank và các tổ chức tín dụng nhỏ. Ngoài ra, tập trung phát triển nhóm bảo hiểm du lịch thông qua việc hợp tác với các hãng hàng không như Cambodia Angkor Air, Cambodia Bayon, Sky Angkor, Apsara Airlines kết hợp bán bảo hiểm kèm theo giá vé.

- Về công tác thương hiệu: Công tác phát triển thương hiệu, tiếp thị cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ, chăm sóc khách hàng sẽ tiếp tục được đẩy mạnh tới các đối tượng khách hàng là cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp vừa và nhỏ.

### **3. Những tiến bộ đạt được của BIC trong năm 2014**

#### **Tăng cường năng lực quản trị điều hành, tiếp cận chuẩn mực quốc tế**

Xác định quản trị điều hành là yếu tố cốt lõi để đảm bảo phát triển bền vững, hiệu quả, Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV đã xây dựng một cơ cấu quản trị vững mạnh trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam đồng thời tiếp cận với những chuẩn mực quốc tế.

Cơ cấu quản trị của BIC bao gồm đầy đủ các chủ thể của một công ty niêm yết (Đại hội Đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành) tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy chế quản trị cho công ty đại chúng tại Việt Nam. Mô hình quản trị được xây dựng trên cơ sở vận dụng những mô hình tiên tiến trên thế giới, được điều chỉnh, rà soát thay đổi phù hợp với điều kiện tại Việt Nam.

Năm 2014, BIC đã tập trung thực hiện các giải pháp nhằm tăng cường năng lực quản trị điều hành, cụ thể:

- **Về cơ cấu quản trị:** Năm 2014, BIC đã liên tục rà soát, hoàn thiện mô hình quản trị, bộ máy điều hành phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh, đồng thời tăng cường, nâng cao năng suất lao động.

- **Về minh bạch hóa thông tin:** 2014 là năm đầu tiên BIC thực hiện Báo cáo tài chính theo 2 chuẩn mực kế toán: chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS) nhằm không chỉ cung cấp thông tin cho nhà đầu tư trong nước mà

còn hướng tới những nhà đầu tư nước ngoài, qua đó, đẩy nhanh việc hoàn thành dự án tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược. BIC cũng nghiêm túc thực hiện báo cáo tình hình quản trị doanh nghiệp và công bố thông tin theo các quy định của Luật pháp áp dụng cho công ty đại chúng. Các thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của BIC tại Việt Nam và hải ngoại cũng liên tục được cập nhật kịp thời và đầy đủ trên website [www.bic.vn](http://www.bic.vn) và các phương tiện truyền thông đại chúng để khách hàng và nhà đầu tư có thể dễ dàng tiếp cận, tham khảo.

**- Về tham gia các chương trình đào tạo:** Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát BIC đã tham gia nhiều chương trình đào tạo về quản trị công ty do Ủy ban Chứng khoán tổ chức cũng như các hội thảo lớn, uy tín trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó, nâng cao năng lực quản trị, điều hành Tổng Công ty phát triển bền vững.

### **Phát triển mạng lưới, tăng cường chất lượng Dịch vụ khách hàng**

Năm 2014, BIC đã tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh theo hướng đảm bảo chất lượng và hiệu quả, bám sát các địa bàn trọng điểm, tiềm năng. Theo định hướng này, BIC đã chuẩn bị các điều kiện cần thiết để mở rộng mạng lưới các Phòng Kinh doanh, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, đồng thời có phương án tăng cường hiện diện tại các địa bàn trọng điểm. Cuối năm 2014, Bộ Tài chính đã có văn bản chấp thuận cho BIC thành lập thêm 03 công ty thành viên mới là BIC Tây Bắc, BIC Lào Cai và BIC Cửu Long, mở rộng mạng lưới kinh doanh của BIC lên 25 công ty thành viên và hơn 120 phòng kinh doanh trên phạm vi toàn quốc.

Cũng trong năm 2014, BIC đã tổ chức nhiều đoàn công tác sang Cộng hòa Liên bang Myanmar, gặp gỡ các Cơ quan quản lý và các doanh nghiệp bảo hiểm nội địa để khảo sát và tìm hiểu về cơ hội đầu tư tại thị trường này. Hiện BIC đã được Bộ Tài chính Việt Nam chấp thuận chủ trương để mở Văn phòng Đại diện tại Myanmar trong năm 2015.

### **Số lượng các Chi nhánh/Công ty thành viên và Phòng KD**

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Chi nhánh/CTTV	9	12	14	19	19	21	21	22	25
Phòng Kinh doanh	8	37	47	56	74	91	94	104	120

Song song với việc phát triển mạng lưới kinh doanh, tăng cường chất lượng dịch vụ khách hàng cũng được BIC xác định là một giải pháp quan trọng để hoàn thiện sản phẩm dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

Công tác đo lường sự hài lòng của khách hàng tiếp tục được BIC chú trọng thực hiện. Năm 2014, BIC đã thực hiện đo lường sự hài lòng của hơn 14.400 khách hàng từng được xử lý bồi thường. Trong đó, 82,32% khách hàng cảm thấy hài lòng và rất hài lòng với chất lượng bồi thường của BIC.

Từ 1/7/2014, BIC chính thức bổ sung đầu số 1900 9456 vào hệ thống đường dây nóng hỗ trợ khách hàng 24/7. Thông qua hệ thống này, BIC đã tiếp nhận và xử lý hơn 17.600 cuộc gọi đến của khách hàng, hỗ trợ khách hàng giải quyết khiếu nại, ghi nhận thông tin tổn thất, đồng thời tư vấn, hướng dẫn khách hàng đặt mua các sản phẩm bảo hiểm phù hợp một cách nhanh chóng và thuận tiện nhất.

Hệ thống nhắn tin SMS mang thương hiệu “Bảo hiểm BIC” tiếp tục được BIC cải tiến và hoàn thiện để sử dụng trong việc chăm sóc khách hàng như: Nhắn tin chúc mừng khách hàng nhân dịp năm mới; Thông báo các chương trình chăm sóc, tặng quà khách hàng; Thông báo bão, mưa lũ để khách hàng phòng tránh tổn thất... Đặc biệt, năm 2014, BIC đã hoàn thiện việc tự động hóa hệ thống này để đáp ứng tốt hơn nhu cầu chăm sóc khách hàng.

Năm 2015, BIC sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng với những trọng tâm cụ thể như sau:

- Tăng cường quản lý, theo dõi tỷ lệ tái tục, đảm bảo tỷ lệ tái tục trung bình toàn hệ thống năm 2015 đạt trên 70%;
- Đảm bảo tỷ lệ cuộc gọi đến hệ thống Call Center được trả lời đạt tối thiểu 95%;
- Đảm bảo tỷ lệ khách hàng được gọi điện chăm sóc sau khi được xử lý bồi thường bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm con người với giá trị trên 1 triệu đồng đạt tối thiểu 90%.

### **Phát triển sản phẩm và kênh phân phối bán lẻ**

Trong bối cảnh các nghiệp vụ bảo hiểm truyền thống tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong năm 2014, BIC đã chủ động cơ cấu lại danh mục sản phẩm một cách đồng bộ, hiệu quả, hướng tới các đối tượng khách hàng cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nhờ đó, các sản phẩm bán lẻ của BIC đều tăng trưởng ấn tượng trong năm 2014. Các sản phẩm bảo hiểm mới dành cho đối tượng khách hàng doanh nghiệp như: Bảo hiểm cho người quản lý doanh nghiệp (BIC Bảo An), Bảo hiểm vật nuôi... cũng được khách hàng đón nhận và đánh giá cao.

Bên cạnh đó, trong năm 2014, BIC cũng triển khai nhiều chương trình khuyến mại hấp dẫn dành cho các sản phẩm: bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm du lịch, bảo hiểm ô tô... mang tới thêm những giá trị thiết thực cho khách hàng.

BIC là một trong những công ty bảo hiểm phi nhân thọ có hệ thống phân phối đa dạng nhất thị trường, bao gồm: kênh trực tiếp, kênh đại lý, kênh môi giới, kênh bán bảo hiểm qua ngân hàng (Bancassurance), kênh bảo hiểm trực tuyến (E-business) và kênh bán bảo hiểm qua điện thoại (Telesales). Cùng với việc cơ cấu lại danh mục sản phẩm hướng tới đối tượng khách hàng cá nhân, BIC cũng tập trung đẩy mạnh các kênh phân phối bán lẻ nhằm đưa sản phẩm tới gần hơn với khách hàng.

BIC là công ty bảo hiểm đi đầu trong việc phát triển kênh Bancassurance cả về số lượng sản phẩm và mạng lưới ngân hàng cung cấp. Năm 2014, doanh thu của BIC qua kênh này tăng trưởng hơn 15% so với năm 2013. Đặc biệt, năm 2014, BIC đã tiếp tục hoàn thiện phần mềm Bancassurance trực tuyến, giúp cho việc cấp đơn bảo hiểm online tại các điểm giao dịch ngân hàng được thực hiện nhanh chóng, đơn giản chỉ trong vài phút, góp phần tối ưu hóa thời gian và chi phí cho khách hàng.

Kênh bảo hiểm trực tuyến của BIC tại website [www.baohiemtructuyen.com.vn](http://www.baohiemtructuyen.com.vn) cũng có tốc độ tăng trưởng ấn tượng 43%. Website này đã tiếp tục được cải tiến với giao diện mới, hiện đại, dễ sử dụng. Phương thức nhận Giấy chứng nhận bảo hiểm điện tử cũng được khách hàng đón nhận và đánh giá cao. Điều này góp phần khép kín quá trình mua bảo hiểm hoàn toàn trên môi trường online từ khâu đặt mua, thanh toán tới cấp đơn bảo hiểm, đem tới sự thuận tiện tối đa cho khách hàng.

Đối với kênh đại lý, cùng với sự mở rộng mạng lưới các Công ty thành viên và Phòng Kinh doanh, năm 2014, số lượng đại lý của BIC đã đạt trên 1.500 đại lý, phủ rộng hầu khắp địa bàn các tỉnh/TP trên cả nước. Năm 2014, kênh đại lý tiếp tục là kênh phân phối chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng thể các kênh phân phối của BIC với doanh thu tăng trưởng hơn 26% so với năm 2013.

Đặc biệt, tháng 4/2014, BIC đã chính thức đưa vào triển khai kênh bán bảo hiểm qua điện thoại – Telesales, bổ sung thêm một kênh bán lẻ nhiều tiềm năng và bước đầu đã có kết quả doanh thu khả quan.

### **Phát triển nguồn nhân lực**

Nhận thức rõ vai trò của con người đối với sự phát triển bền vững của toàn hệ thống, BIC luôn chú trọng tới việc phát triển nguồn nhân lực trên cả 3 khía cạnh: đào tạo, chính sách đãi ngộ và nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

### *Đào tạo*

Xác định đào tạo là giải pháp quan trọng để giúp cho người lao động nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu công việc, năm 2014, BIC đã tổ chức 51 khóa đào tạo cho gần 500 lượt cán bộ, nhân viên với tổng ngân sách lên tới hàng tỷ đồng. Nội dung đào tạo đa dạng, bao trùm các mảng: nghiệp vụ bảo hiểm, nghiệp vụ kế toán, nhân sự, marketing cùng các khóa đào tạo kỹ năng mềm cho các cán bộ, nhân viên trong toàn Tổng Công ty.

Trong năm 2014, BIC cũng thường xuyên tổ chức các buổi thảo luận, diễn đàn, chuyên đề (về kinh doanh, giám định bồi thường, Bancassurance, kế toán...) tạo cơ hội cho Ban Lãnh đạo và cán bộ nhân viên có thể trao đổi kinh nghiệm, tìm ra các giải pháp để cải tiến hoạt động kinh doanh của BIC theo hướng hiệu quả hơn.

Song song với việc hỗ trợ cán bộ, nhân viên học tập, nâng cao trình độ, BIC cũng coi trọng công tác kiểm tra, sát hạch thực trạng chuyên môn của các cán bộ trên toàn hệ thống thông qua phần mềm kiểm tra nghiệp vụ trực tuyến, từ đó, đánh giá hiệu quả các chương trình đào tạo, đồng thời hoạch định kế hoạch đào tạo sâu hơn cho cán bộ, nhân viên trong tương lai.

### *Chính sách đãi ngộ hấp dẫn*

Với chính sách đãi ngộ ý nghĩa, độc đáo, cạnh tranh, cân đối giữa thu nhập và các lợi ích khác, BIC mong muốn sẽ trở thành một môi trường lý tưởng để người lao động làm việc và phát triển bản thân thông qua:

- Cơ cấu tiền lương theo cơ chế thị trường, theo kết quả công việc và được đánh giá, xem xét lại hàng năm.
- Chế độ thưởng xứng đáng cho những thành viên đạt kết quả tốt.
- Chính sách ưu đãi và hỗ trợ tài chính trong dài hạn.
- Chia sẻ cơ hội đầu tư thông qua chính sách cổ phiếu hấp dẫn.

Năm 2014, BIC đã phát hành 3,3 triệu cổ phần theo chương trình quyền chọn cho người lao động của BIC (ESOP), được thực hiện trong tháng 3&4/2014. Theo đó, căn cứ trên vị trí công tác, thâm niên,... người lao động BIC được đăng ký mua một số lượng nhất định cổ phiếu của BIC với giá bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, không hạn chế chuyển nhượng. Chương trình ESOP được cán bộ nhân viên đón nhận và đã thành công ngoài dự kiến với tỷ lệ đăng ký thực tế của cán bộ vượt 5% tỷ lệ cổ phiếu đang lưu hành.

### *Nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động*

Nhằm tạo sức mạnh đoàn kết trong toàn hệ thống, BIC luôn quan tâm đến đời sống tinh thần cho người lao động thông qua các hoạt động thể thao, văn hóa – xã hội như:

- Các chương trình thể thao: các giải bóng đá, tennis thường niên.
- Hội diễn văn nghệ toàn hệ thống BIDV, Hội thi nghiệp vụ BIC.
- Hội thi cắm hoa, trang trí bánh sinh nhật nhân ngày 8/3 và 20/10.
- Tặng quà và tổ chức chương trình Trung thu cho con em cán bộ, tặng quà cho các cháu có thành tích học tập tốt, tặng quà nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6.
- Thăm hỏi, tặng quà, ủng hộ các gia đình cán bộ có hoàn cảnh đặc biệt...

### **Phát triển thương hiệu và an sinh xã hội**

#### *Phát triển thương hiệu*

Năm 2014, trong bối cảnh nền kinh tế nói chung và thị trường bảo hiểm nói riêng gặp nhiều khó khăn, BIC vẫn tiếp tục đầu tư mạnh cho công tác phát triển thương hiệu với ngân sách lên tới hàng chục tỷ đồng.

Hệ thống biển quảng cáo tại cửa ngõ ra vào các Trung tâm kinh tế lớn, trên các quốc lộ huyết mạch hay trong địa phận các tỉnh/thành phố trên cả nước tiếp tục được BIC đầu tư, phát triển. Các kênh quảng cáo tiên tiến, hiện đại như: Quảng cáo từ khóa Google Ads, Quảng cáo qua mạng xã hội Facebook, Quảng cáo qua mạng hiển thị Admicro... được củng cố, đa dạng hóa về hình thức, nội dung, đón đầu xu hướng sử dụng công nghệ của khách hàng. Đặc biệt, duy trì thế mạnh là một thành viên của hệ thống BIDV, năm 2014, BIC tiếp tục tăng cường nhận diện thương hiệu tại các chi nhánh ngân hàng BIDV, góp phần tạo ra một hình ảnh nhất quán, thống nhất, thúc đẩy hoạt động khai thác bảo hiểm qua kênh phân phối bảo hiểm qua ngân hàng (Bancassurance) thêm khởi sắc. Những yếu tố trên kết hợp với nền tảng chất lượng dịch vụ đã được khẳng định đã góp phần giúp cho thương hiệu BIC ngày càng được khách hàng đón nhận và ưa chuộng.

Với chiến lược đẩy mạnh hoạt động kinh doanh tại thị trường hải ngoại, BIC cũng tích cực quảng bá thương hiệu của các liên doanh bảo hiểm tại Lào (LVI) và Campuchia (CVI), góp phần giúp cho thương hiệu của những liên doanh này được công chúng biết đến. Đặc biệt là các doanh nghiệp Việt Nam đã, đang và sắp tới sẽ đầu tư tại thị trường Lào và Campuchia.

Bên cạnh các chương trình truyền thông ra bên ngoài, BIC cũng rất chú trọng tới công tác truyền thông nội bộ nhằm xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo dựng một tập thể BIC đoàn kết, vững mạnh thông qua các chương trình giao lưu, trao đổi nghiệp vụ giữa các đơn vị thành viên; các sự kiện nội bộ; Lễ trao giải cho các tập thể và cá nhân xuất sắc (Sao Kim) được tổ chức thường niên, tạo nên một nét văn hóa riêng của BIC, thu hút được sự quan tâm, yêu mến của các cán bộ trong hệ thống.

#### *An sinh xã hội*

Trong hơn 9 năm hoạt động, BIC luôn là một doanh nghiệp hướng tới cộng đồng và có trách nhiệm với xã hội. Các hoạt động ghi nhận động an sinh xã hội của BIC luôn được toàn thể cán bộ hưởng ứng nhiệt tình, xuất phát từ chữ **Tâm** và mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Tỷ lệ ngân sách dành cho các hoạt động này khoảng 0,05% trong tổng doanh thu. Ngoài ra, BIC luôn có các chương trình quyên góp, ủng hộ tự nguyện do chính cán bộ nhân viên tham gia đóng góp bằng tiền lương của mình.

#### **Công nghệ thông tin**

BIC luôn coi công nghệ thông tin là yếu tố quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Năm 2014, BIC đã tiếp tục nâng cấp hệ thống phần mềm lõi quản lý trực tuyến toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty. Tại mọi thời điểm, Trụ sở chính BIC đều có thể quản lý, cập nhật được kết quả kinh doanh của tất cả các đơn vị trên toàn hệ thống. Các hoạt động như quản lý hành chính, tài sản, nhân sự, tiền lương, quản lý đầu tư... đều được thực hiện qua hệ thống phần mềm quản lý nội bộ tạo nên sự thay đổi lớn về năng suất lao động, tiết kiệm chi phí và nhân lực trong toàn hệ thống.

Đặc biệt, năm 2014, BIC đã thực hiện việc chuyển đổi hệ thống CNTT của hai liên doanh LVI, CVI về Việt Nam quản lý, đảm bảo tập trung dữ liệu, an toàn, bảo mật và hợp nhất báo cáo tài chính. Bên cạnh đó, BIC cũng chuyển đổi thành công hệ thống tài chính kế toán theo yêu cầu tại thông tư 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ.

Nền tảng công nghệ tốt là cơ sở để BIC phát triển mạnh các kênh bán hàng tiên tiến, hiện đại như: Bancassurance, Bảo hiểm trực tuyến, Telesales... thông qua đó không ngừng tăng trưởng doanh số và gia tăng tiện ích cho khách hàng. Đặc biệt, BIC là một số ít các doanh nghiệp bảo hiểm triển khai thành công hệ thống tra cứu bồi thường online, giúp khách hàng có thể cập nhật từng giờ về tình trạng xử lý hồ sơ bồi thường của mình,



các hồ sơ còn thiếu/chưa đầy đủ cũng như được chủ động về thời hạn và số tiền thanh toán bồi thường.

Trong năm 2015, BIC sẽ tiếp tục nghiên cứu và ứng dụng giải pháp tích hợp và khai thác dữ liệu thông minh – Business Intelligence (BI). Đây là giải pháp công nghệ tiên tiến của thế giới, hội tụ 3 yếu tố: thông tin đầy đủ, nhanh chóng và định dạng tốt, giúp BIC có thể khai thác dữ liệu nhanh chóng, đưa ra các báo cáo chính xác và kinh doanh hiệu quả.

#### 4. Mục tiêu và kế hoạch năm 2015

##### Các chỉ tiêu kinh doanh chính trong năm 2015

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2015
Tổng doanh thu phí bảo hiểm riêng Công ty mẹ	Tỷ đồng	1.305
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu phí bảo hiểm gốc</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.159</i>
Tỷ lệ bồi thường	%	≤ 40%
Lợi nhuận trước thuế riêng Công ty mẹ	Tỷ đồng	115
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	147

##### Các hoạt động trọng tâm năm 2015

- Giữ vững/nâng cao mức định hạng tín nhiệm so với mức định hạng tín nhiệm lần đầu do A.M. Best công bố.
- Hoàn thành dự án bán cổ phần cho cổ đông chiến lược nước ngoài;
- Hoàn thành việc nhận chuyển nhượng vốn từ IDCC để sở hữu trực tiếp CVI;
- Tăng vốn điều lệ của LVI lên 5 triệu USD và bổ sung cổ đông mới để tăng cường năng lực tài chính và năng lực khai thác bảo hiểm;
- Thành lập Văn phòng đại diện tại Myanmar, tạo tiền đề cho việc thành lập doanh nghiệp bảo hiểm trong tương lai.

### Các giải pháp thúc đẩy hoạt động

- *Về mặt quản trị điều hành:* Phân cấp cấp thẩm quyền trong Ban điều hành hướng tới mục tiêu quản trị hệ thống hiệu quả, thúc đẩy kinh doanh. Việc phân cấp thẩm quyền sẽ cụ thể đối với từng lĩnh vực hoạt động: nhân sự, nghiệp vụ, kinh doanh theo hướng tập trung phục vụ hoạt động kinh doanh.
- *Về mặt địa bàn, mạng lưới kinh doanh:* Bổ sung nguồn lực (nhân sự, quan hệ khách hàng,...) cho các địa bàn kinh doanh rộng nhưng lực lượng mỏng, yếu; Thành lập thêm một Công ty tại địa bàn T.p Hồ Chí Minh để tăng năng lực cạnh tranh và tận dụng tối đa tiềm năng của địa bàn rộng lớn này; Hướng dẫn khai thác cho từng địa bàn, cụ thể về việc kinh doanh các sản phẩm, nhóm rủi ro, khách hàng,...
- *Về mặt sản phẩm, kênh phân phối:* Nâng cao tính cạnh tranh và chất lượng bồi thường của các sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm bán lẻ; Đẩy mạnh các kênh phân phối bán lẻ như Bancassurance, E-Business và Telesales, mở rộng mạng lưới hợp tác phân phối sản phẩm bảo hiểm với các ngân hàng ngoài.
- *Về mặt nhân sự:* Đánh giá toàn diện chất lượng cán bộ, bổ nhiệm, tuyển dụng và điều động căn cứ trên năng lực cán bộ, đáp ứng yêu cầu kinh doanh; chú trọng đào tạo các kỹ năng bán hàng, chăm sóc khách hàng cho cán bộ kinh doanh và đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ phụ trách nghiệp vụ.

NĂM

2005 - 2014

### PHẦN 3: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

#### 1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị

##### 1.1. Thành viên Hội đồng Quản trị

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) so với tổng số cổ phần
1	Ông Phạm Quang Tùng	Chủ tịch	253.000	0,3319%
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	11.000	0.0144%
6	Ông Tôn Lâm Tùng	Thành viên	140.223	0,1839%
7	Ông Lê Ngọc Lâm	Thành viên	0	0
8	Đặng Thị Hồng Phương	Thành viên độc lập	0	0

##### 1.2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2014

Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị BIDV đã có 07 Phiên họp là Phiên họp lần thứ 13, 14, 15, 16, 17, 18 và lần thứ 19 nhiệm kỳ 2010-2015 tổ chức lần lượt và các ngày 18/02/2014, ngày 12/05/2014, ngày 31/07/2014, ngày 02/10/2014, ngày 22/10/2014, ngày 27/10/2014 và ngày 17/11/2014, cụ thể các phiên họp như sau:

Phiên họp	Thành phần tham dự	Nội dung chính
Phiên họp lần thứ 13 Ngày 18/2/2014	HĐQT: 5/5 thành viên Ban Điều hành: 5/5 Ban Kiểm soát: 3/3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 và phê duyệt quyết toán tài chính năm 2013</li> <li>- Phê duyệt định hướng hoạt động kinh doanh năm 2014</li> <li>- Phê duyệt kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014</li> <li>- Thông qua tiến độ và kế hoạch thực hiện các dự án: chương trình ESOP; dự án định hạng tín nhiệm doanh nghiệp, bán chiến lược, góp vốn vào liên doanh BIDV Metlife;</li> </ul>
Phiên họp lần thứ 14 Ngày 12/5/2014	HĐQT: 5/5 thành viên Ban Điều hành: 5/5 Ban Kiểm soát: 3/3	
Phiên họp lần thứ 15 Ngày 31/07/2014	HĐQT: 5/5 thành viên Ban Điều hành: 5/5 Ban Kiểm soát: 3/3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014 và trọng tâm công tác các tháng cuối năm.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện chương trình trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu, tiến độ thực hiện các dự án định hạng tín nhiệm doanh nghiệp, bán chiến lược.</li> </ul>

Phiên họp	Thành phần tham dự	Nội dung chính
		- Thảo luận về kế hoạch thành lập thêm CTTV tại khu vực Đồng Bằng SCL và Khu vực miền núi phía Bắc.
Phiên họp lần thứ 16 Ngày 02/10/2014	HĐQT: 5/5 thành viên Ban Điều hành: 5/5	- Đánh giá kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2014 và trọng tâm công tác 3 tháng cuối năm 2014; - Báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch thành lập thêm 03 CTTV tại Khu vực Đồng Bằng SCL và Khu vực Miền núi phía Bắc; - Kết quả khảo sát thị trường và kế hoạch mở Văn phòng đại diện Myanmar - Báo cáo tiến độ và kế hoạch triển khai dự án bán chiến lược.
Phiên họp lần thứ 17 Ngày 22/10/2014	HĐQT: 5/5 thành viên	- Chấp thuận cho ông Tôn Lâm Tung thôi chức vụ Tổng Giám đốc BIC - Đề cử nhân sự thay thế ông Tôn Lâm Tung
Phiên họp lần thứ 18 Ngày 27/10/2014	HĐQT: 5/5 thành viên Ban Điều hành: 5/5 Ban Kiểm soát: 3/3	- Thông qua việc bổ nhiệm chính thức Tổng Giám đốc BIC
Phiên họp lần thứ 19 Ngày 17/11/2014	HĐQT: 5/5 thành viên	- Thông qua kết quả đấu thầu lựa chọn tư vấn tìm kiếm, lựa chọn cổ đông chiến lược và các công việc liên quan

Các vấn đề phát sinh giữa các cuộc họp, HĐQT thực hiện trao đổi, xử lý thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua email và xác nhận lại tại phiên họp kế tiếp.

### 1.3. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2014

TT	Số nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
1	010/NQ-HĐQT	24/01/2014	Phát hành quyền chọn mua cổ phần cho cán bộ nhân viên BIC
2	012/NQ-HĐQT	18/02/2014	Cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của LVI
3	023/NQ-HĐQT	26/02/2014	Phê duyệt Hợp đồng Đại lý Bảo hiểm với BIDV
4	027/NQ-HĐQT	05/03/2014	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần thứ 13 nhiệm kỳ 2010-2015
5	082/NQ-HĐQT	26/05/2014	Điều chỉnh nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị LVI

6	105/NQ-HĐQT	30/07/2014	Sửa đổi, bổ sung phân cấp giới hạn trong quản trị, điều hành hoạt động của BIC
7	179/NQ-HĐQT	29/10/2014	Phê duyệt nhân sự giữ chức Tổng Giám đốc BIC

#### **1.4. Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị**

##### **Hội đồng đầu tư**

- Thành phần:
  - ✓ Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Chủ tịch Hội đồng
  - ✓ Thành viên HĐQT được phân công phụ trách công tác tài chính – Phó Chủ tịch Hội đồng
  - ✓ Tổng Giám đốc – Thành viên
  - ✓ Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính – Thành viên
  - ✓ Giám đốc Ban Tài chính kế toán – Thành viên
  - ✓ Giám đốc Ban Quản lý rủi ro – Thành viên
  - ✓ Giám đốc Ban Đầu tư tài chính – Thành viên
- Hoạt động của Hội đồng đầu tư: Hội đồng Đầu tư tài chính đã tiến hành họp ngày 17/04/2013 để đánh giá kết quả hoạt động đầu tư tài chính năm 2013 và định hướng hoạt động đầu tư tài chính năm 2014, các giới hạn đầu tư của BIC.

## **2. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát**

### **2.1. Thành viên Ban Kiểm soát**

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) so với tổng số cổ phần
1	Ông Cao Cự Trí	Trưởng ban	1.100	0,0014%
2	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	0	0
3	Ông Nguyễn Thành Công	Thành viên	0	0

### **2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2014**

Với vai trò thay mặt cổ đông giám sát tình hình hoạt động của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV, trong năm qua Ban Kiểm soát đã thực hiện một số hoạt động như sau:

- Giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
- Thực hiện thẩm định độc lập báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2014 của BIC
- Xem xét, đánh giá báo cáo hoạt động kiểm tra nội bộ của Tổng Công ty cũng như công tác khắc phục sau kiểm tra

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng Công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

### 3. Báo cáo quản trị

#### 3.1. Lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Căn cứ phê duyệt của ĐHCĐ, trong năm 2014, Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV đã thực hiện chi trả thù lao và trợ cấp cho thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Nội dung	Chi trả năm 2014
1	Thù lao, trợ cấp	346.500.000
2	Phụ cấp hợp	70.000.000
3	<b>Tổng</b>	<b>416.500.000</b>

#### 3.2. Giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Hoài An	TGD	39.250	0,051%	37.950	0,05%	Bán
2	Trần Trung Tính	Phó TGD	53.500	0,070%	0	0	Bán
3	Vũ Minh Hải	Phó TGD	52.470	0,069%	0	0	Bán
4	Lại Ngân Giang	GĐ Ban Tài chính Kế toán	40.730	0,053%	0	0	Bán

## PHẦN 4: QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

### 1. Thông tin cổ phiếu

#### Thông tin cổ phiếu BIC

Tính tại ngày 31/12/2014

<b>Vốn điều lệ</b>	762.299.820.000	đồng
<b>Số lượng cổ phiếu niêm yết</b>	76.229.982	cổ phiếu
<b>Loại cổ phiếu</b>	Phổ thông	
<b>Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	76.229.982	cổ phiếu
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	0	cổ phiếu
<b>Mệnh giá</b>	10.000	đồng/cổ phiếu

#### Lịch sử chi trả cổ tức

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Thời gian thực hiện
2014	10% (tiền mặt)	24-04-2015
2013	10% (cổ phiếu)	30-07-2014
2012	10% (tiền mặt)	26-04-2013
2011	10% (tiền mặt)	26-04-2012

#### Thống kê khối lượng cổ phiếu BIC giao dịch năm 2014

Tính tại ngày 31/12/2014

<b>Tổng số phiên</b>	247	phiên
<b>Tổng khối lượng khớp lệnh</b>	38.854.160	cổ phiếu
<b>Tổng giá trị khớp lệnh (VNĐ)</b>	462.571.000.000	đồng
<b>Khối lượng giao dịch bình quân/ngày</b>	137.491	cổ phiếu
<b>Khối lượng giao dịch cao nhất 52 tuần (02/10/2014)</b>	919.790	cổ phiếu
<b>Khối lượng giao dịch thấp nhất 52 tuần (07/05/2014)</b>	2.310	cổ phiếu
<b>Giá giao dịch cao nhất 52 tuần (13/10/2014)</b>	15.700	đồng/cổ phiếu
<b>Giá giao dịch thấp nhất 52 tuần (13/05/2014)</b>	9.100	đồng/cổ phiếu

### Biến động của cổ phiếu BIC so với thị trường

Năm 2014, cổ phiếu BIC đã thu hút sự chú ý của nhà đầu tư với khối lượng và giá trị giao dịch tăng đáng kể so với năm 2013. Đặc biệt, trong năm 2014, khối ngoại mua ròng tổng cộng 1.223 triệu cổ phiếu BIC với giá trị gần 16 tỷ đồng, trong đó tập trung mua mạnh vào 2 tháng cuối năm.

### Thông kê cổ phiếu BIC

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014
Tổng số phiên	84	250	250	247
Tổng khối lượng khớp	4.025.390	25.419.820	18.761.180	34.854.160
Tổng giá trị khớp	28.915.139.000	203.056.112.000	184.036.975.000	462.571.000.000
Tổng khối lượng đặt mua	7.674.190	58.874.720	37.437.100	74.826.940
Tổng khối lượng đặt bán	10.053.970	53.144.670	41.090.950	69.259.120

### So sánh khối lượng giao dịch bình quân của các cổ phiếu ngành bảo hiểm phi nhân thọ

Chỉ tiêu	BIC	BMI	PTI	PGI
Khối lượng giao dịch trung bình (cổ phiếu/phiên)	144.649	269.458	9.110	21.616
Giá trị giao dịch trung bình (đồng/phiên)	1.917.261.364	4.380.148.623	1.199.333.441	218.303.644

Giá cổ phiếu 2014 tăng từ 11.600 đồng/CP lên 13.400 đồng/CP, tăng 15,5% so với mức tăng 8,1% của VnIndex. Giá cao nhất của BIC đạt được là 15.700 đồng/CP vào ngày 13/10/2014.

Đồng hành với diễn biến chung của thị trường, giá cổ phiếu BIC năm 2014 đã có những biến động tương đối mạnh với 4 giai đoạn tăng giảm khá rõ rệt.

### Diễn biến giá cổ phiếu BIC năm 2014





+ Tháng 1 đến tháng 3/2014: giá cổ phiếu BIC tăng từ 12.500 đến 14.000 VNĐ/cp; khối lượng giao dịch trung bình: 96.640 cp/ngày; giá trị giao dịch trung bình: 1,338 tỷ đồng/ngày

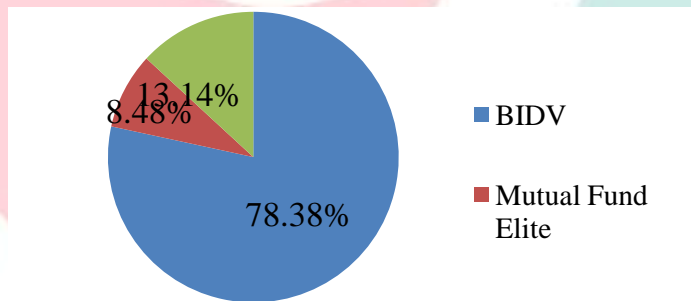
+ Tháng 4 đến hết 15/5/2014: do sự kiện Biển Đông, trong xu thế chung của thị trường, giá cổ phiếu giảm mạnh từ 14.000 xuống còn 9.100 VNĐ/cp; khối lượng giao dịch trung bình: 98.000 cp/ngày; giá trị giao dịch trung bình: 1,22 tỷ đồng/ngày

+ Từ 16/5/2014 đến 15/10/2014: trong xu thế tăng của thị trường, cùng với những thông tin hỗ trợ về kết quả kinh doanh, chia cổ tức bằng cổ phiếu đã kích thích nhu cầu nhà đầu tư làm giá cổ phiếu ăng mạnh từ 9.100 đồng/cổ phiếu lên cao nhất 15.700 đồng/cổ phiếu; khối lượng giao dịch trung bình: 182.000 cp/ngày; giá trị giao dịch trung bình: 2,36 tỷ đồng/ngày.

+ Từ 16/10/2014 đến 31/12/2014: giao dịch quanh mức giá từ 12,500 đến 14.000 VNĐ/cp; khối lượng giao dịch trung bình: 145.000 cp/ngày; giá trị giao dịch trung bình: 2,0 tỷ đồng/ngày.

## 2. Cơ cấu cổ đông (\*)

### Cơ cấu cổ đông BIC



### Cơ cấu sở hữu theo khu vực địa lý

Sở hữu theo địa lý	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
<b>Việt Nam</b>	947	96,7%	69.349.042	90.97%
- Cá nhân	941	96,1%	9.368.633	12.29%
- Tổ chức	6	0,6%	59.980.409	78,68%
<b>Nước ngoài</b>	33	3,3%	6.880.940	9,03%
- Cá nhân	29	2,9%	203.280	0,27%
- Tổ chức	4	0,4%	6.677.660	8,76%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>980</b>	<b>100%</b>	<b>76.229.982</b>	<b>100%</b>

### Cơ cấu sở hữu theo số cổ phần

Sở hữu theo số cổ phần	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1-999	313	31,9%	98.979	0,1%
1.000 – 10.000	476	48,7%	1.588.883	2,1%
10.001 – 1.000.000	188	19,1%	5.906.863	7,8%
1.000.000 trở lên	3	0,3%	68.635.257	90,0%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>980</b>	<b>100%</b>	<b>76.229.982</b>	<b>100%</b>

(\* ) Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 09/07/2014

### 3. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư năm 2014

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư của BIC hướng tới bảo vệ quyền lợi của các cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo công bố thông tin minh bạch, kịp thời.

#### *Bảo vệ quyền lợi của các cổ đông*

BIC luôn coi việc bảo vệ quyền lợi của các cổ đông là một nội dung ưu tiên hàng đầu trong công tác quản trị quan hệ nhà đầu tư, được thể hiện thông qua:

- BIC luôn tích cực hỗ trợ và giải quyết xác đáng yêu cầu của cổ đông: giải quyết nhanh và chính xác các yêu cầu dịch vụ cổ đông như điều chỉnh thông tin cổ đông, lưu ký chứng khoán phát hành thêm, cấp lại sổ cổ đông.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về công bố thông tin, đảm bảo cổ đông tiếp cận các thông tin dễ dàng và kịp thời nhất.

#### *Công bố thông tin minh bạch, kịp thời*

Sự minh bạch luôn là yếu tố được BIC coi trọng ngay từ những ngày đầu mới thành lập. Sau khi niêm yết, ngoài việc đảm bảo các quy định của pháp luật về công bố thông tin, BIC luôn giữ nguyên tắc cởi mở và minh bạch về thông tin, đảm bảo nhà đầu tư tiếp cận kịp thời các thông tin về BIC.

- BIC đã thực hiện xây dựng Quy trình Công bố thông tin để đảm bảo thực hiện đầy đủ công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định, luôn cập nhật các quy định mới nhất về công bố thông tin từ Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- BIC đảm bảo thông tin được công bố theo quy định trên các kênh truyền thông của Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, website của BIC và

các ấn phẩm quảng cáo báo chí, truyền hình thuận tiện để các nhà đầu tư tiếp cận thông tin nhất.

- Đối với Báo cáo tài chính của Công ty, đặc biệt là BCTC soát xét 6 tháng và BCTC kiểm toán năm, BIC luôn đẩy nhanh tiến độ công bố thông tin trước thời hạn đề ra từ 2 tuần đến 1 tháng, đây là điểm ít có công ty niêm yết nào thực hiện được.

- Đối với những thông tin bất thường ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động Công ty như quyết định thanh tra thuế, điều chỉnh số liệu tài chính... BIC luôn công bố đầy đủ và kịp thời trong vòng 24h đúng quy định đề ra.

- Ngoài việc công bố thông tin theo quy định, BIC cũng chủ động cung cấp cho các cổ đông các thông tin cần thiết về tình hình hoạt động của BIC để các Nhà đầu tư có thêm thông tin ra quyết định, ví dụ: thông tin về hoạt động kinh doanh các Quý, các thông tin bổ nhiệm nhân sự, thành lập các công ty và phòng kinh doanh mới,...

***Đảm bảo chi trả cổ tức đầy đủ, đúng hạn cho cổ đông thông qua chính sách cổ tức ổn định***



đồng đối với các cổ đông có nhu cầu.

- Sau 4 năm niêm yết, BIC luôn đảm bảo chính sách chi cổ tức ổn định ở mức 10% mỗi năm, đảm bảo nguồn thu nhập ổn định cho cổ đông.

- Quy trình chi trả cổ tức ngày càng được chuẩn hóa, cổ đông nhận được cổ tức bằng cổ phiếu cũng như tiền mặt nhanh chóng, thuận tiện. Công ty tạo điều kiện đối với các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu bằng cách thanh toán cổ tức bằng chuyển khoản cổ tức/chuyển phát nhanh số cổ

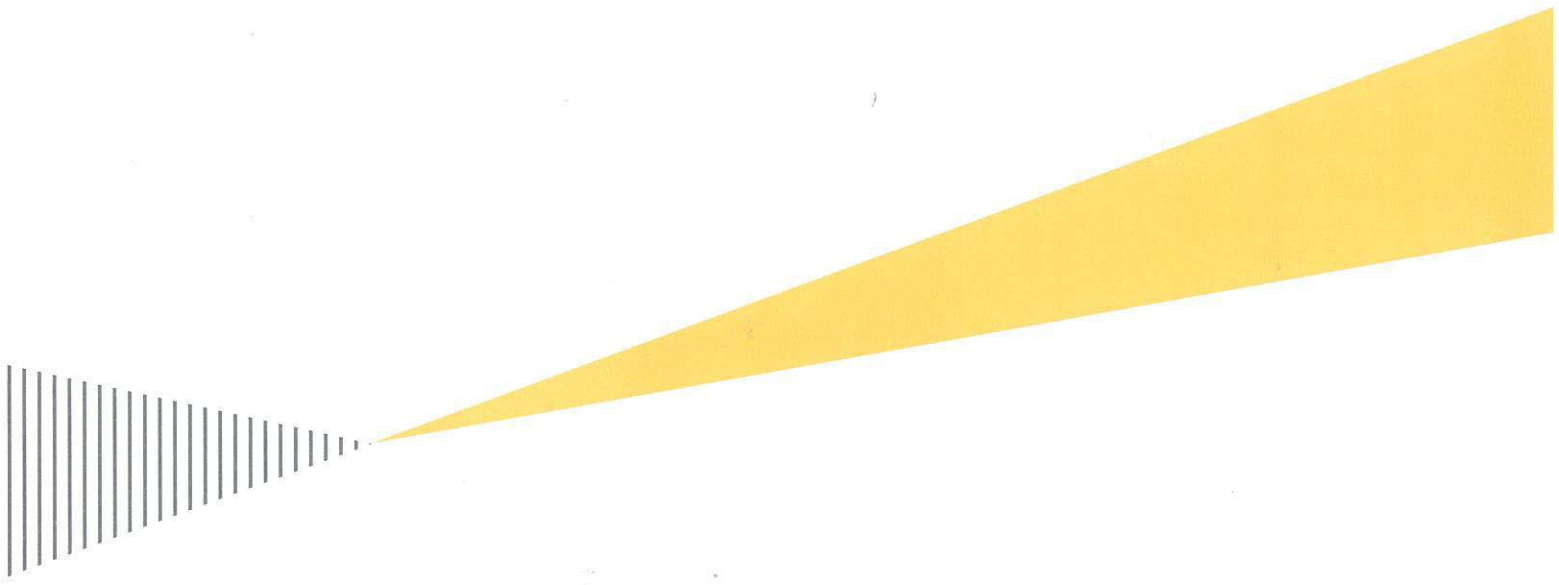
**PHẦN 5: BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

ngày 31 tháng 12 năm 2014



**EY**

Building a better  
working world

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13 - 14
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	15 - 73

13

# Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Tổng Công ty") được thành lập vào ngày 1 tháng 10 năm 2010 theo Giấy phép Điều chỉnh số 11/GPDDC7/KDBH ngày 1 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính.

Tổng Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty Bảo hiểm BIDV – là công ty con của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Tổng Công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 11GP/KDBH ngày 10 tháng 4 năm 2006 do Bộ Tài chính cấp. Ngày 5 tháng 8 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần, tổng số lượng cổ phần phát hành cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chiếm 82.3%, các cổ đông khác chiếm 17,7% vốn điều lệ. Tại ngày 5 tháng 5 năm 2014, Tổng Công ty thực hiện phát hành cổ phần BIC theo chương trình quyền chọn mua cổ phần đối với cán bộ (ESOP). Tại thời điểm lập báo cáo tỷ lệ cổ phần nắm giữ bởi BIDV chiếm 78.38%, các cổ đông khác chiếm 21.62% vốn điều lệ.

Một số thông tin quan trọng của công ty cổ phần bao gồm:

Tên Công ty:	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Địa chỉ:	Tầng 16, tháp A, tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Lĩnh vực hoạt động:	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty có một công ty con như sau:

<i>Công ty con</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty</i>
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt	Tầng 3, Tòa nhà LVB, Số 44 - Đại lộ Lanexang, Quận Chanthabouly, Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	65%

### Vốn Điều lệ

Số vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 762 tỷ đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 660 tỷ đồng).

### Mạng lưới hoạt động

Tổng Công ty có Trụ sở chính đặt tại tầng 16, tháp A, tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có hai mươi lăm (25) công ty thành viên trên cả nước.

### Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 753 người (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 679 người).

# Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Phạm Quang Tùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2010
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2010
Ông Tôn Lâm Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2013
Ông Lê Ngọc Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2013
Bà Đặng Thị Hồng Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2013

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Cao Cự Trí	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2010
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2010
Ông Nguyễn Thánh Công	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2012

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm</i>
Ông Trần Hoài An	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2014
Ông Tôn Lâm Tùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2014
Ông Trần Trung Tính	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2012
Ông Vũ Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2012
Bà Đoàn Thị Thu Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2012

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Hoài An, chức danh: Tổng Giám đốc.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Tổng Công ty.



# Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình chuẩn bị báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty đã được tuân thủ và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.


Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Tổng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

  
Ông Trần Hoài An  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 02 tháng 03 năm 2015

Số tham chiếu: 60755012/17104538

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và công ty con (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") được lập vào ngày 02 tháng 03 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 73, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

### Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Bandara  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2013-004-1

Lê Đức Linh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1672-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 02 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)</b>		<b>2.645.785.861.399</b>	<b>2.225.158.917.708</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>154.229.365.232</b>	<b>29.960.714.185</b>
111	1. Tiền		58.729.365.232	29.960.714.185
112	2. Các khoản tương đương tiền		95.500.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tái chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>1.063.843.940.648</b>	<b>1.059.287.738.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.066.976.832.716	1.060.077.535.905
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(3.132.892.068)	(789.797.905)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>398.318.625.058</b>	<b>285.628.251.503</b>
131	1. Phải thu của khách hàng	<b>6</b>	363.952.882.261	223.257.813.549
131.1	1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		362.664.462.583	223.153.273.174
131.2	1.2. Phải thu khác		1.288.419.678	104.540.375
132	2. Trả trước cho người bán		1.854.102.733	2.000.007.331
135	3. Các khoản phải thu khác	<b>7</b>	59.069.139.691	77.634.394.387
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(26.557.499.627)	(17.263.963.764)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>257.051.523</b>	<b>83.641.171</b>
141	1. Hàng tồn kho		257.051.523	83.641.171
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>61.944.714.792</b>	<b>12.425.788.849</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		52.278.352.548	915.941.672
151.1	1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		51.345.778.180	-
151.2	1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác		932.574.368	915.941.672
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		864.879.581	4.919.220.101
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	<b>8</b>	8.801.482.663	6.590.627.076
<b>190</b>	<b>VI. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>19.1</b>	<b>967.192.164.146</b>	<b>837.772.784.000</b>
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		272.302.379.543	215.843.923.932
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		694.889.784.603	621.928.860.068

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh)
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)</b>		<b>420.974.271.787</b>	<b>291.620.877.026</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
218	1. Phải thu dài hạn khác		6.000.000.000	6.000.000.000
218.1	1.1. Kỳ quỹ bảo hiểm	9	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>24.693.259.879</b>	<b>19.471.976.028</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	18.156.546.923	12.913.596.400
222	- Nguyên giá		50.631.521.299	41.474.776.123
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(32.474.974.376)	(28.561.179.723)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	6.536.712.956	6.558.379.628
228	- Nguyên giá		6.606.599.125	6.606.599.125
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(69.886.169)	(48.219.497)
<b>250</b>	<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>381.860.515.867</b>	<b>259.549.762.981</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác		398.418.363.704	276.832.767.037
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(16.557.847.837)	(17.283.004.056)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>8.420.496.041</b>	<b>6.599.138.017</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.219.406.495	1.231.828.056
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	418.770.415
268	3. Tài sản dài hạn khác		6.201.089.546	4.948.539.546
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>		<b>3.066.760.133.186</b>	<b>2.516.779.794.734</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh)
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>		<b>2.127.989.271.776</b>	<b>1.698.649.176.042</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.120.594.012.200</b>	<b>1.694.819.586.297</b>
312	1. Phải trả cho người bán	14	393.913.624.037	279.195.171.253
312.1	1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		393.895.041.220	279.192.673.821
312.2	1.2. Phải trả khác cho người bán		18.582.817	2.497.432
313	2. Người mua trả tiền trước		6.711.317.151	5.459.928.614
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	52.037.024.104	31.530.708.785
315	4. Phải trả người lao động		33.844.232.187	34.170.219.803
316	5. Chi phí phải trả	16	14.304.710.299	6.492.201.071
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	15.487.106.419	12.353.889.073
319.1	7. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	18	47.566.972.730	-
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.931.236.644	5.585.049.585
329	9. Dự phòng nghiệp vụ	19	1.552.797.788.629	1.320.032.418.113
329.1	9.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		657.613.843.658	509.655.162.844
329.2	9.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		816.630.245.242	739.773.284.750
329.3	9.3. Dự phòng dao động lớn		78.553.699.729	70.603.970.519
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>7.395.259.576</b>	<b>3.829.589.745</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		2.554.754.614	168.000.000
335	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		71.521.103	-
338	3. Doanh thu chưa thực hiện		4.768.983.859	3.661.589.745

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh)
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>		<b>905.401.997.829</b>	<b>791.935.586.193</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>905.401.997.829</b>	<b>791.935.586.193</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		762.299.820.000	660.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.875.765.330	4.875.765.330
416	3. Chênh lệch tỷ giá		7.052.332.500	7.052.332.500
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		1.800.187.891	1.800.187.891
419	5. Quỹ dự trữ bắt buộc		17.652.521.022	13.311.197.165
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		111.721.371.086	104.896.103.307
430	<b>C. LỢI ÍCH CÁC CỔ ĐÔNG THÍU SỐ</b>		<b>33.368.863.581</b>	<b>26.195.032.499</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 430)</b>		<b>3.066.760.133.186</b>	<b>2.516.779.794.734</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh)
1. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	2.293.099.309	2.293.099.309
2. Hợp đồng chưa phát sinh trách nhiệm	108.990.008.989	48.608.496.929
3. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	718.433,51	42.940,67
- Euro (EUR)	262,62	270,46
- Lao Kip (LAK)	1.430.096.173	35.659.699
- Thái (THB)	42.393,42	23.192,55

Ông Nguyễn Xuân Đông  
Chuyên viên  
Ban Tài chính - Kế toán

Bà Lại Ngân Giang  
Giám đốc  
Ban Tài chính - Kế toán



Ông Trần Hoài An  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 02 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT TỔNG HỢP  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	798.371.665.857	662.815.163.423
12	2. Doanh thu hoạt động tài chính	148.880.793.220	145.510.239.001
13	3. Thu nhập khác	2.446.863.715	2.444.010.441
20	4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(549.317.473.902)	(497.403.107.538)
22	5. Chi phí hoạt động tài chính	(25.801.906.269)	(16.459.588.462)
23	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(232.405.597.525)	(170.224.148.029)
24	7. Chi phí khác	(4.154.994.773)	(1.089.496.836)
<b>50</b>	<b>8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+12+13+20+22+23+24)</b>	<b>138.019.350.323</b>	<b>125.593.072.000</b>
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(30.205.921.435)	(29.610.025.326)
52	10. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(490.291.518)	418.770.415
<b>60</b>	<b>11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50+51+52)</b>	<b>107.323.137.370</b>	<b>96.401.817.089</b>
60	12. Lợi ích của các cổ đông thiểu số	(7.173.831.082)	(1.747.356.326)
60	13. Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ	100.149.306.288	94.654.460.763
<b>70</b>	<b>14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.411</b>	<b>1.444</b>



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
01	<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 + 01.3)</b>	<b>21</b>	<b>1.142.820.896.827</b>	<b>899.065.114.893</b>
	Trong đó:			
01.1	- Phí bảo hiểm gốc		1.219.542.615.314	853.101.824.894
01.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		88.213.006.696	83.220.796.600
01.3	- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		(164.934.725.183)	(37.257.506.601)
02	<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 + 02.2)</b>	<b>22</b>	<b>(439.377.085.814)</b>	<b>(360.948.754.050)</b>
	Trong đó:			
02.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(512.782.701.025)	(368.671.901.479)
02.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		73.405.615.211	7.723.147.429
03	<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 + 02)</b>		<b>703.443.811.013</b>	<b>538.116.360.843</b>
04	<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)</b>		<b>94.927.854.844</b>	<b>124.698.802.580</b>
	Trong đó:			
04.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	23	66.859.033.579	89.933.749.470
04.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		28.068.821.265	34.765.053.110
10	<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)</b>		<b>798.371.665.857</b>	<b>662.815.163.423</b>
11	<b>6. Chi bồi thường (11 = 11.1 + 11.2)</b>	<b>24</b>	<b>(405.982.001.038)</b>	<b>(791.037.900.751)</b>
	Trong đó:			
11.1	- Tổng chi bồi thường		(406.804.962.581)	(791.037.900.751)
11.2	- Các khoản giảm trừ		822.961.543	-
12	<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>		<b>153.731.840.585</b>	<b>603.045.909.671</b>
13	<b>8. Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>		<b>(85.629.418.857)</b>	<b>(474.246.803.090)</b>
14	<b>9. Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>		<b>82.929.964.589</b>	<b>443.509.502.035</b>
15	<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 + 12 + 13 + 14)</b>		<b>(254.949.614.721)</b>	<b>(218.729.292.135)</b>
16	<b>11. Tăng dự phòng dao động lớn</b>		<b>(7.949.729.210)</b>	<b>(11.709.869.394)</b>

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
17	<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)</b> Trong đó:	<b>25</b>	<b>(286.418.129.971)</b>	<b>(266.963.946.009)</b>
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm		(73.733.488.367)	(95.791.860.453)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(212.684.641.604)	(171.172.085.556)
18	<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)</b>		<b>(549.317.473.902)</b>	<b>(497.403.107.538)</b>
19	<b>14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19= 10 + 18)</b>		<b>249.054.191.955</b>	<b>165.412.055.885</b>
23	<b>15. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>26</b>	<b>148.880.793.220</b>	<b>145.510.239.001</b>
24	<b>16. Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b>27</b>	<b>(25.801.906.269)</b>	<b>(16.459.588.462)</b>
25	<b>17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 + 24)</b>		<b>123.078.886.951</b>	<b>129.050.650.539</b>
26	<b>18. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>28</b>	<b>(232.405.597.525)</b>	<b>(170.224.148.029)</b>
30	<b>19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 19 + 25 + 26)</b>		<b>139.727.481.381</b>	<b>124.238.558.395</b>
31	<b>20. Thu nhập khác</b>		<b>2.446.863.715</b>	<b>2.444.010.441</b>
32	<b>21. Chi phí khác</b>		<b>(4.154.994.773)</b>	<b>(1.089.496.836)</b>
40	<b>22. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)</b>		<b>(1.708.131.058)</b>	<b>1.354.513.605</b>
50	<b>23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)</b>		<b>138.019.350.323</b>	<b>125.593.072.000</b>
51	<b>24. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>29</b>	<b>(30.205.921.435)</b>	<b>(29.610.025.326)</b>
52	<b>25. (Chi phí)/ thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>29</b>	<b>(490.291.518)</b>	<b>418.770.415</b>
60	<b>26. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)</b>		<b>107.323.137.370</b>	<b>96.401.817.089</b>
60	<b>27. Lợi ích của các cổ đông thiểu số</b>		<b>(7.173.831.082)</b>	<b>(1.747.356.326)</b>
60	<b>28. Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ</b>		<b>100.149.306.288</b>	<b>94.654.460.763</b>
70	<b>29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		<b>1.411</b>	<b>1.444</b>



Ông Nguyễn Xuân Đông  
Chuyên viên  
Ban Tài chính - Kế toán



Bà Lại Ngân Giang  
Giám đốc  
Ban Tài chính - Kế toán



Ông Trần Hoài An  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 02 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tái chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>138.019.350.323</b>	<b>125.593.072.000</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		3.935.461.325	2.724.118.527
03	Các khoản dự phòng		281.535.567.858	69.118.656.504
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(129.980.056.116)	(126.959.247.816)
07	Chi phí lãi vay		-	991.208.516
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>293.510.323.390</b>	<b>71.467.807.731</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(131.554.934.091)	(129.712.075.604)
10	Tăng giảm hàng tồn kho		(146.828.992)	-
11	Tăng các khoản phải trả		57.743.537.550	140.746.743.164
12	Tăng chi phí trả trước		(56.211.930.862)	(1.451.736.612)
13	Chi phí lãi vay đã trả		-	(991.208.516)
14	Thuế thu nhập DN đã nộp		(27.191.191.974)	(27.602.744.493)
15	Tiền thu khác từ các hoạt động kinh doanh		4.594.413.836	-
16	Tiền chi khác từ các hoạt động kinh doanh		(28.001.008.640)	(2.687.775.446)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>112.742.380.217</b>	<b>49.769.010.224</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.156.745.176)	(6.851.958.359)
23	Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác		(1.198.907.261.522)	(1.300.134.668.657)
24	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư		1.070.422.368.044	1.209.446.539.454
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		116.191.852.484	120.528.265.153
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>(21.449.786.170)</b>	<b>22.988.177.591</b>

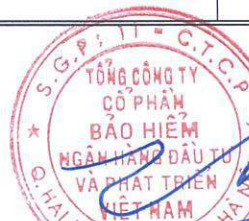
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
	Bán cổ phiếu quỹ		-	6.557.533.810
	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp chủ sở hữu	20	33.000.000.000	-
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(23.943.000)	(64.546.053.200)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>32.976.057.000</b>	<b>(57.988.519.390)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>124.268.651.047</b>	<b>14.768.668.425</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>29.960.714.185</b>	<b>15.192.045.760</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>154.229.365.232</b>	<b>29.960.714.185</b>

Ông Nguyễn Xuân Đông  
Chuyên viên  
Ban Tài chính - Kế toán

Bà Lại Ngân Giang  
Giám đốc  
Ban Tài chính - Kế toán



Ông Trần Hoài An  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 02 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÀO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Tổng Công ty") được thành lập vào ngày 1 tháng 10 năm 2010 theo Giấy phép Điều chỉnh số 11/GPDDC7/KDBH ngày 1 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính.

Tổng Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty Bảo hiểm BIDV – là công ty con của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Tổng Công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 11GP/KDBH ngày 10 tháng 4 năm 2006 do Bộ Tài chính cấp. Ngày 5 tháng 8 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần, tổng số lượng cổ phần phát hành cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chiếm 82.3%, các cổ đông khác chiếm 17,7% vốn điều lệ. Tại ngày 5 tháng 5 năm 2014, Tổng Công ty thực hiện phát hành cổ phần BIC theo chương trình quyền chọn mua cổ phần đối với cán bộ (ESOP). Tại thời điểm lập báo cáo tỷ lệ cổ phần nắm giữ bởi BIDV chiếm 78.38%, các cổ đông khác chiếm 21.62% vốn điều lệ.

Một số thông tin quan trọng của công ty cổ phần bao gồm:

Tên Công ty:	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Địa chỉ:	Tầng 16, tháp A, tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Lĩnh vực hoạt động:	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty có một công ty con như sau:

<i>Công ty con</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty</i>
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt	Tầng 3, Tòa nhà LVB, Số 44 - Đại lộ Lanexang, Quận Chanthabouly, Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	65%

### Vốn Điều lệ

Số vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 762 tỷ đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 660 tỷ đồng).

### Mạng lưới hoạt động

Tổng Công ty có Trụ sở chính đặt tại tầng 16, tháp A, tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có hai mươi lăm (25) công ty thành viên trên cả nước.

### Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 753 người (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 679 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm ban hành kèm theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tài bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 20 tháng 03 năm 2006 về chế độ kế toán doanh nghiệp, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa cũng không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tổng Công ty là Nhật ký sổ cái.

### **2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **2.4 Đồng tiền kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty là đồng Việt Nam [VNĐ].

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Công ty Mẹ") và công ty con là Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho giai đoạn năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ 02 tháng 08 năm 2013, là ngày Công ty Mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty Mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty Mẹ có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con nhằm thu lợi ích từ hoạt động này.

Các báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong Tổng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Tổng Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ thuộc lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ như sau:

Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 232/2012/TT-BTC hướng dẫn về kế toán đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ("Thông tư 232"). Thông tư có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thay thế các nội dung hướng dẫn kế toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ban hành theo Quyết định 1296/TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296/TC/QĐ/CĐKT.

Theo quy định trong Thông tư 232/2012/TT-BTC, nguyên tắc, phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ có thay đổi trọng yếu như sau:

##### (i) Hoa hồng bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ phải theo dõi chi tiết các khoản doanh thu, chi phí hoa hồng bảo hiểm thực tế đã phát sinh chưa phân bổ trong kỳ cho từng loại hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc, nhận và nhượng tái bảo hiểm. Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải xác định khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu hoặc chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm và chi phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính.

Khoản chi phí hoa hồng bảo hiểm phải trả thực tế đã phát sinh nhưng chưa được tính vào chi phí kinh doanh bảo hiểm của kỳ phát sinh được theo dõi trên khoản mục "Chi phí trả trước ngắn hạn". Khoản doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm thực tế đã phát sinh nhưng chưa được ghi nhận vào doanh thu của kỳ phát sinh được theo dõi trên khoản mục "Doanh thu chưa thực hiện". Đồng thời phải thuyết minh cơ sở và định lượng của số trích lập bổ sung hoặc hoàn nhập các khoản dự phòng này nếu xác định được.

##### (ii) Dự phòng nghiệp vụ

Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc, nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.1. Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)**

##### *(i) Ghi nhận chi phí kinh doanh bảo hiểm*

Chi phí kinh doanh bảo hiểm bao gồm toàn bộ các chi phí thực tế liên quan đến việc thực hiện các hoạt động kinh doanh bảo hiểm như chi thiết kế, xây dựng, giới thiệu sản phẩm bảo hiểm, chi giám định tổn thất, điều tra, thu thập thông tin liên quan đến sự kiện bảo hiểm, chi bồi thường, trích lập dự phòng, chi xử lý hàng tổn thất đã được giải quyết bồi thường 100%, chi đối người thứ ba bồi hoàn, chi đánh giá, giám định rủi ro đối tượng bảo hiểm, chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác bảo hiểm (như hoa hồng bảo hiểm, chi phí liên quan hoạt động bán bảo hiểm, chi quản lý đại lý bảo hiểm, chi tuyển dụng, đào tạo, chi khen thưởng cho đại lý bảo hiểm,...) và các khoản chi khác như chi nộp quỹ bảo vệ người được bảo hiểm, chi nộp các quỹ khác theo quy định của chế độ tài chính.

##### *(ii) Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả tài bảo hiểm*

Phải thu và phải trả về hoa hồng nhượng tái, nhận tái bảo hiểm được cân trừ với phải trả về phí nhượng và phải thu về phí nhận tái bảo hiểm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ngoài ra, do sự thay đổi về việc trình bày các khoản mục trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, Tổng Công ty cũng đã điều chỉnh, trình bày lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất ký trước để phù hợp với quy định tại Thông tư 232. Số dư và biến động dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường được trình bày riêng rẽ giữa nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **3.2 Trình bày và thuyết minh về các công cụ tài chính**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tái sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính, Tổng Công ty chỉ áp dụng các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính cũng như các khái niệm liên quan khác để trình bày các thuyết minh bổ sung về công cụ tài chính theo yêu cầu của Thông tư 210. Các khoản mục tài sản và nợ của Tổng Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ và các quy định có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tái chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phân ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

#### 3.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.7 *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa	8 -25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không khấu hao

#### 3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÁI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Đầu tư tài chính

##### 3.10.1 Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán nợ và chứng khoán vốn. Đầu tư chứng khoán được phân loại thành đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn như sau:

- ▶ Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết đáo hạn trong vòng 12 tháng hoặc dự định nắm giữ dưới một năm;
- ▶ Đầu tư dài hạn bao gồm các khoản đầu tư trái phiếu công ty và cổ phiếu chưa niêm yết dự định nắm giữ trên một năm.

Tất cả các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Định ký, chứng khoán đầu tư sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm lâu dài. Bất kỳ khoản lỗ nào do dự phòng giảm giá đều phải được ghi nhận vào "Chi phí tái chính" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### 3.10.2 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Tổng Công ty có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Tổng Công ty là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tái chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua vấn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Định ký, các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Bất kỳ khoản lỗ nào do dự phòng giảm giá phải được ghi nhận vào "Chi phí tái chính" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### 3.10.3 Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo chính sách kế toán của Tổng Công ty phù hợp với Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC. Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây:

##### Đối với cổ phiếu niêm yết

Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, nếu xét thấy có bằng chứng khách quan về việc giảm giá thị trường so với giá đang hạch toán trên sổ sách kế toán thì phần giảm giá được tính bằng khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá thực tế thị trường của tài sản tái chính tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo công thức quy định trong Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

##### 3.10.3 Dự phòng giảm giá đầu tư (tiếp theo)

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \text{Số lượng chứng khoán giảm giá tại thời điểm khóa sổ báo cáo tài chính} \times \left( \text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán} - \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm khóa sổ báo cáo tài chính} \right)$$

##### Đối với chứng khoán chưa niêm yết (OTC)

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, những phương pháp dưới đây được sử dụng để tính giá trị hợp lý phục vụ cho việc so sánh với giá trị ghi sổ nhằm xác định mức tổn thất dự phòng:

- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Đối với các chứng khoán chưa có giá tham chiếu làm cơ sở trích lập dự phòng, Tổng Công ty xem xét sử dụng giá trị sổ sách của chứng khoán.

##### Đầu tư góp vốn vào các tổ chức kinh tế

Đối với các khoản vốn góp của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế và các khoản đầu tư dài hạn khác, phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức được nêu trong Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left( \text{Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} - \text{Vốn chủ sở hữu thực có} \right) \times \frac{\text{Vốn đầu tư của Tổng Công ty}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Căn cứ để lập dự phòng khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Lợi ích nhân viên**

**3.12.1 Trợ cấp hưu trí**

Trợ cấp hưu trí được Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trả cho nhân viên của Tổng Công ty đã nghỉ hưu. Tổng Công ty có trách nhiệm đóng góp một phần vào khoản trợ cấp này bằng cách đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho Cơ quan Bảo Hiểm Xã hội ở mức 18% lương cơ bản của nhân viên. Ngoài khoản đóng góp này, Tổng Công ty không còn nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí đối với nhân viên của mình.

Tổng Công ty đã ban hành quy định số 100/QĐ-HĐQT ngày 1 tháng 8 năm 2014 về chế độ hưu trí với cán bộ nhân viên Tổng Công ty, bao gồm các quyền lợi như nghỉ dưỡng sức, nghỉ phép năm, thăm quan, nghỉ mát, trợ cấp hưu trí theo chức danh, vị trí, thâm niên công tác và trợ cấp khác trên cơ sở thành tích thi đua.

**3.12.2 Quỹ bảo hiểm thất nghiệp**

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ thì Quỹ bảo hiểm thất nghiệp sẽ được áp dụng từ 01/01/2009 theo đó người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÁI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm (i) dự phòng phí chưa được hưởng, (ii) dự phòng bồi thường và (iii) dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

##### (i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Tổng Công ty áp dụng phương pháp từng ngày để tính phí bảo hiểm chưa được hưởng cho tất cả các loại hình bảo hiểm theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm giữ lại * Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm}}$$

##### (ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR) được trích lập theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty tính toán dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại cho năm tài chính hiện tại} \\ = \\ \frac{\text{Tổng số tiền bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm nhưng chưa khiếu nại của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp}} \times \frac{\text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại}} \times \frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính trước}} \end{array}$$

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tái chính kết thúc cùng ngày

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.13 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)**

##### *(iii) Dự phòng dao động lớn*

Dự phòng dao động lớn được trích lập mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại theo qui định tại Thông tư 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài Chính đã ban hành Quyết định 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 1 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phóng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài Chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định chế độ tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tái chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tỷ lệ trích lập hiện tại là 1% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm (năm 2013 tỷ lệ trích lập là 2%)

#### **3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("CMKTVN số 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đã áp dụng nhất quán trong năm trước và Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố - BIDV. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tái chính của công ty con ở nước ngoài sang đơn vị tiền tệ sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất (VNĐ) được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán cho đến khi thanh lý cơ sở ở nước ngoài và khi đó chênh lệch tỷ giá hối đoái sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tái chính hoặc chi phí tái chính của Tổng Công ty.

#### **3.15 Phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ và chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

- ▶ Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm, và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ theo nghị định 46/2007/ND-CP ngày 22 tháng 3 năm 2007 ban hành bởi Bộ Tài Chính.
- ▶ Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

##### *(i) Doanh thu bảo hiểm gốc*

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT/BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 ("Thông tư 125") do Bộ Tài Chính ban hành hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm và (3) Hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn phải hạch toán vào thu nhập khoản tiền cho bên mua bảo hiểm nợ mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm thỏa thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thỏa thuận. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối niên độ kế toán được ghi nhận ở phần "Doanh thu chưa thực hiện" trên bảng cân đối kế toán.

##### *(ii) Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *(iii) Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Tổng Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thường nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Tổng Công ty mà chỉ được cập nhật số lượng cổ phiếu trên danh mục đầu tư của Tổng Công ty.

#### **3.17 Ghi nhận chi phí**

##### *(i) Chi bồi thường*

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÁI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tái chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Ghi nhận chi phí (tiếp theo)**

*(ii) Chi hoa hồng*

Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc theo quy định tại Thông tư số 124/2012/TT/BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 do Bộ Tái Chính ban hành. Chi phí hoa hồng được phân bổ và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tương ứng với phí bảo hiểm được hưởng.

*(iii) Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác*

Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác được ghi nhận khi phát sinh.

*(iv) Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.18 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm**

*(i) Nhượng tái bảo hiểm*

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm và chi phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tái chính.

*(ii) Nhận tái bảo hiểm*

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định

- ▶ Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập Báo cáo tái chính hợp nhất, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÁI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tái chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm (tiếp theo)

(ii) Nhận tái bảo hiểm (tiếp theo)

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

- ▶ Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- ▶ Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm; và
- ▶ Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận nhận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm và chi phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đáng kỳ với Bộ Tài chính.

#### 3.19 Thuế

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.20 Sử dụng các ước tính**

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày những khoản công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả lập dự phòng. Các ước tính này chủ yếu được dựa trên định tính và rủi ro chưa xác định nên kết quả thực tế có thể sẽ rất khác dẫn tới việc dự phòng có thể phải sửa đổi.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	882.909.574	635.016.891
Trong đó:		
VND	519.564.735	547.650.628
Ngoại tệ	363.344.839	87.366.263
Tiền gửi ngân hàng	50.345.711.919	29.325.697.294
Trong đó:		
VND	26.481.398.477	20.971.207.748
Ngoại tệ	23.864.313.442	8.354.489.546
Tiền đang chuyển	7.500.743.739	-
Tương đương tiền (*)	<u>95.500.000.000</u>	<u>-</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>154.229.365.232</u></b>	<b><u>29.960.714.185</u></b>

(\*) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và các ngân hàng thương mại khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Thuyết minh	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		72.626.052.716	100.507.223.405
- Cổ phiếu niêm yết	(i)	67.187.909.716	50.169.080.405
- Cổ phiếu chưa niêm yết	(i)	5.438.143.000	5.438.143.000
- Trái phiếu công ty		-	44.900.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		994.350.780.000	959.570.312.500
- Tiền gửi có kỳ hạn – VNĐ	(ii)	962.000.000.000	901.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn – Ngoại tệ	(ii)	32.350.780.000	58.570.312.500
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(3.132.892.068)	(789.797.905)
<b>Giá trị thuần của đầu tư ngắn hạn</b>		<b>1.063.843.940.648</b>	<b>1.059.287.738.000</b>

(i) Chi tiết danh mục đầu tư cổ phiếu của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Mã cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>3.221.947</b>	<b>67.187.909.716</b>	<b>2.217.880</b>	<b>50.169.080.405</b>
VNR	1.267.110	16.181.794.140	974.700	16.181.794.140
PVD	-	-	50.000	2.930.671.054
PVS	-	-	199.000	2.935.997.400
HCM	251.697	9.507.668.437	210.310	4.484.817.326
PHR	-	-	53.480	1.590.896.437
TNB	-	-	46.100	537.028.020
FPT	156.300	7.863.352.668	152.010	6.997.435.153
MBB	-	-	131.250	1.717.804.000
PGS	-	-	72.800	1.517.964.421
DPM	-	-	66.970	2.906.122.657
REE	159.500	4.604.834.660	159.260	4.353.106.570
DRC	-	-	102.000	4.015.443.227
VCG	257.700	3.700.923.070	-	-
TCM	242.950	7.999.727.978	-	-
KBC	601.000	9.329.852.100	-	-
SSI	285.690	7.999.756.663	-	-
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>371.849</b>	<b>5.438.143.000</b>	<b>371.849</b>	<b>5.438.143.000</b>
DAB	235.449	1.648.143.000	235.449	1.648.143.000
SABECO	100.000	3.000.000.000	100.000	3.000.000.000
VIDIFA	14.400	450.000.000	14.400	450.000.000
VTEC	22.000	340.000.000	22.000	340.000.000
	<b>3.593.796</b>	<b>72.626.052.716</b>	<b>2.589.729</b>	<b>55.607.223.405</b>

(ii) Đây là các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam, Đô la Mỹ và Lào Kíp tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tái chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
<b>Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</b>	<b>362.664.462.583</b>	<b>223.153.273.174</b>
Phải thu phí bảo hiểm gốc	117.933.148.227	49.984.258.306
Phải thu phí nhận tái bảo hiểm	41.637.848.671	25.740.667.470
Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	195.246.927.866	141.500.717.809
Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	6.416.442.190	4.609.397.090
Phải thu khác của hoạt động bảo hiểm	1.430.095.629	1.318.232.499
<b>Phải thu khác</b>	<b>1.288.419.678</b>	<b>104.540.375</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>363.952.882.261</u></b>	<b><u>223.257.813.549</u></b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Dự thu lãi tiền gửi và trái phiếu	53.831.884.314	40.381.006.259
Phải thu cổ tức	119.468.000	-
Phải thu khác	5.117.787.377	37.253.388.128
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>59.069.139.691</u></b>	<b><u>77.634.394.387</u></b>

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Tạm ứng (*)	6.440.287.370	6.074.392.076
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	580.800.000	490.800.000
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn khác	1.780.395.293	25.435.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>8.801.482.663</u></b>	<b><u>6.590.627.076</u></b>

(\*) Đây là các khoản tạm ứng công tác phí, khai thác, bồi thường và các khoản tạm ứng khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh.

**9. KÝ QUỸ BẢO HIỂM**

Tổng Công ty đã thực hiện ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định tương đương 6 tỷ đồng Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Nguyên giá	Nhà cửa VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị dụng cụ quản lý VNĐ	TSCĐ khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số đầu năm	2.300.000.000	4.930.613.873	32.701.380.804	-	1.542.781.446	41.474.776.123
Tăng trong năm	-	564.732.772	8.258.865.041	52.727.273	280.420.090	9.156.745.176
Mua mới	-	564.732.772	8.258.865.041	52.727.273	280.420.090	9.156.745.176
Số cuối năm	2.300.000.000	5.495.346.645	40.960.245.845	52.727.273	1.823.201.536	50.631.521.299
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số đầu năm	(168.666.674)	(3.802.828.817)	(23.467.914.865)	-	(1.121.769.367)	(28.561.179.723)
Tăng trong năm	(92.000.004)	(424.810.840)	(3.230.973.022)	(5.888.155)	(160.122.632)	(3.913.794.653)
Khấu hao trong năm	(92.000.004)	(424.810.840)	(3.230.973.022)	(5.888.155)	(160.122.632)	(3.913.794.653)
Số cuối năm	(260.666.678)	(4.227.639.657)	(26.698.887.887)	(5.888.155)	(1.281.891.999)	(32.474.974.376)
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	2.131.333.326	1.127.785.056	9.233.465.939	-	421.012.079	12.913.596.400
Số cuối năm	2.039.333.322	1.267.706.988	14.261.357.958	46.839.118	541.309.537	18.156.546.923



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Phần mềm VNĐ</i>	<i>Quyền sử dụng đất VNĐ</i>	<i>Tổng cộng VNĐ</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	106.599.125	6.500.000.000	6.606.599.125
Số cuối năm	<u>106.599.125</u>	<u>6.500.000.000</u>	<u>6.606.599.125</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm	(48.219.497)	-	(48.219.497)
Khấu hao trong năm	<u>(21.666.672)</u>	-	<u>(21.666.672)</u>
Số cuối năm	<u>(69.886.169)</u>	-	<u>(69.886.169)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	<u>58.379.628</u>	<u>6.500.000.000</u>	<u>6.558.379.628</u>
Số cuối năm	<u>36.712.956</u>	<u>6.500.000.000</u>	<u>6.536.712.956</u>

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Đầu tư trái phiếu dài hạn	(i)	130.000.000.000	150.145.833.333
Đầu tư vào cổ phiếu niêm yết	(ii)	452.783.704	452.783.704
Đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết	(iii)	76.090.000.000	76.090.000.000
Đầu tư tiền gửi	(iv)	141.875.580.000	50.144.150.000
Đầu tư dài hạn khác	(v)	<u>50.000.000.000</u>	-
		<b>398.418.363.704</b>	<b>276.832.767.037</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(vi)	<u>(16.557.847.837)</u>	<u>(17.283.004.056)</u>
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b><u>381.860.515.867</u></b>	<b><u>259.549.762.981</u></b>

(i) *Đầu tư trái phiếu dài hạn*

Đây là các khoản đầu tư vào trái phiếu, chi tiết như sau:

	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Lãi suất năm</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>
Trái phiếu Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị (*)	3 năm	10.08%	50.000.000.000
Trái phiếu Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng	3 năm	9.05%	50.000.000.000
Trái phiếu Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng	5 năm	8.50%	<u>30.000.000.000</u>
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>130.000.000.000</u></b>

(\*) Trái phiếu này được bảo lãnh thanh toán gốc và lãi bởi Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

(i) *Đầu tư trái phiếu dài hạn (tiếp theo)*

	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Số đầu năm VNĐ
Trái phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3 năm	9,55%	30.145.833.333
Trái phiếu Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị	3 năm	11,9%	50.000.000.000
Trái phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3 năm	9,55%	20.000.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	3 năm	10,0%	50.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>150.145.833.333</u></b>

(ii) *Đầu tư vào cổ phiếu niêm yết*

	Số lượng	Giá mua VNĐ	Thành tiền VNĐ
Ngân hàng Ngoại thương Lào Đại chúng (BCEL)	32.000	14.149,49	452.783.704
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>32.000</u></b>	<b><u>14.149,49</u></b>	<b><u>452.783.704</u></b>

(iii) *Đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết*

	% sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Đơn giá gốc	Số tiền VNĐ
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	4.24%	1.000.000	26.090	26.090.000.000
Công ty Cổ phần Tài chính Vinaconex –Viettel	5%	<u>5.000.000</u>	10.000	<u>50.000.000.000</u>
<b>Tổng cộng</b>		<b><u>6.000.000</u></b>		<b><u>76.090.000.000</u></b>

(iv) *Đầu tư tiền gửi*

Đây là các khoản tiền gửi bằng Đô la Mỹ và Lào Kíp của LVI tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 12 tháng.

(v) *Đầu tư dài hạn khác*

Đây là khoản đầu tư của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 vào Công ty bảo hiểm Nhân thọ BIDV Metlife với số tiền là 50.000.000.000 đồng (tương đương với 5% vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư)

(vi) *Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn*

Đây là khoản dự phòng trích lập cho Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các tài sản được phân loại lại do không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC, khoản chi phí sửa chữa văn phòng của một số Công ty thành viên và phân bổ công cụ dụng cụ có thời gian sử dụng trên 1 năm.

**14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
<b>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</b>	<b>393.895.041.220</b>	<b>279.192.673.821</b>
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	275.050.822.130	176.998.400.096
Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	5.985.184.481	3.253.113.974
Phải trả bồi thường bảo hiểm	72.396.014.210	74.912.324.217
Phải trả hoa hồng bảo hiểm	25.249.457.676	15.939.944.095
Phải trả cho hợp đồng tài bảo hiểm vượt mức bồi thường (XOL)	15.098.240.047	8.044.001.857
Phải trả khác về hoạt động bảo hiểm	115.322.676	44.889.582
<b>Phải trả khác</b>	<b>18.582.817</b>	<b>2.497.432</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>393.913.624.037</b>	<b>279.195.171.253</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VNĐ	Phát sinh trong kỳ		Số cuối năm VNĐ
		Số phải nộp VNĐ	Số đã nộp VNĐ	
Thuế giá trị gia tăng	18.486.541.873	63.937.590.968	(57.322.153.459)	25.101.979.382
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.872.798.378	38.137.554.658	(27.191.191.974)	19.819.161.062
Thuế khác	4.171.368.534	16.584.340.828	(13.639.825.702)	7.115.883.660
	<b>31.530.708.785</b>	<b>118.659.486.454</b>	<b>(98.153.171.135)</b>	<b>52.037.024.104</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Chi phí phải trả về thuê văn phòng	-	21.387.273
Quỹ trách nhiệm dân sự bắt buộc	829.535.849	1.741.468.477
Quỹ bảo vệ chủ hợp đồng	1.994.971.439	1.675.081.658
Quỹ cháy nổ bắt buộc	466.421.912	310.000.000
Các chi phí phải trả khác	11.013.781.099	2.744.263.663
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.304.710.299</b>	<b>6.492.201.071</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Các khoản phải trả ngoài lương	691.154.082	180.783.680
Ký quỹ ngắn hạn	2.754.576.068	1.184.121.926
Các quỹ từ thiện	275.984.859	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.765.391.410	10.988.983.467
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>15.487.106.419</u></b>	<b><u>12.353.889.073</u></b>

**18. DOANH THU HOA HỒNG CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG**

Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng bao gồm các khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm và doanh thu nhận tài bảo hiểm chưa được hưởng được chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo Thông tư 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

**19. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

**19.1. Dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường**

	<i>Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái</i>	<i>Dự phòng nhượng tái (tài sản tái bảo hiểm)</i>	<i>Dự phòng báo hiểm thuần</i>
<b>Số đầu năm</b>			
Dự phòng phí chưa được hưởng	509.655.162.844	(215.843.923.932)	293.811.238.912
Dự phòng bồi thường	739.773.284.750	(621.928.860.068)	117.844.424.682
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.249.428.447.594</u></b>	<b><u>(837.772.784.000)</u></b>	<b><u>411.655.663.594</u></b>
<b>Số cuối năm</b>			
Dự phòng phí chưa được hưởng	657.613.843.658	(272.302.379.543)	385.311.464.115
Dự phòng bồi thường	816.630.245.242	(694.889.784.603)	121.740.460.639
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.474.244.088.900</u></b>	<b><u>(967.192.164.146)</u></b>	<b><u>507.051.924.754</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)**

**19.1. Dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường (tiếp theo)**

**19.1.1 Dự phòng phí**

*Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm*

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Sức khỏe và tai nạn con người	71.690.698.913	45.789.524.679
Tài sản và thiệt hại	261.202.121.223	208.252.816.090
Hàng hoá vận chuyển	5.777.794.153	4.385.814.105
Xe cơ giới	204.180.706.514	171.478.460.734
Cháy nổ	59.197.638.694	42.635.608.382
Trách nhiệm	7.191.880.800	6.051.928.852
Thiệt hại kinh doanh	4.308.970.662	4.695.907.385
Hàng không	28.291.012.824	12.074.397.632
Thàn tàu và TNDS chủ tàu	10.178.977.870	10.667.330.315
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	5.233.651.428	3.623.374.670
Nông nghiệp	360.390.577	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>657.613.843.658</u></b>	<b><u>509.655.162.844</u></b>

*Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (Tài sản tái bảo hiểm)*

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Sức khỏe và tai nạn con người	420.260.577	624.528.615
Tài sản và thiệt hại	193.487.593.670	162.922.250.460
Hàng hoá vận chuyển	3.691.012.313	2.870.764.163
Xe cơ giới	700.379.684	456.797.644
Cháy nổ	32.027.813.662	21.842.242.117
Trách nhiệm	5.229.092.927	3.955.643.013
Thiệt hại kinh doanh	3.957.025.805	4.164.244.195
Hàng không	22.450.472.528	9.998.223.282
Thàn tàu và TNDS chủ tàu	6.570.281.123	7.119.656.023
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	3.426.076.206	1.889.574.420
Nông nghiệp	342.371.048	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>272.302.379.543</u></b>	<b><u>215.843.923.932</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)**

**19.1. Dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường (tiếp theo)**

**19.1.2 Dự phòng bồi thường**

*Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm*

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Sức khỏe và tai nạn con người	3.669.906.682	17.567.124.448
Tái sản và thiệt hại	172.044.577.496	185.439.070.618
Hàng hoá vận chuyển	28.732.030.490	16.458.309.744
Xe cơ giới	32.549.704.522	21.059.376.761
Cháy nổ	52.290.653.828	28.737.404.174
Trách nhiệm	4.891.620.505	6.745.866.162
Thiệt hại kinh doanh	21.085.000	240.932.425
Hàng không	368.874.108.938	406.126.470.983
Thân tàu và TNDS chủ tàu	119.419.650.661	23.647.195.985
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	33.759.520.013	32.080.883.450
Nông nghiệp	377.387.107	1.670.650.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>816.630.245.242</b>	<b>739.773.284.750</b>

*Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (Tài sản tái bảo hiểm)*

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Tài sản và thiệt hại	135.276.583.940	147.537.420.712
Hàng hoá vận chuyển	21.463.566.415	8.792.723.310
Xe cơ giới	588.223.451	211.738.221
Cháy nổ	23.596.786.917	15.593.000.930
Trách nhiệm	1.080.773.645	2.777.195.243
Thiệt hại kinh doanh	20.218.195	-
Hàng không	367.276.694.263	404.405.335.022
Thân tàu và TNDS chủ tàu	112.816.347.566	11.892.229.430
Rủi ro tái chính và rủi ro tín dụng	32.770.590.211	30.719.217.200
<b>Tổng cộng</b>	<b>694.889.784.603</b>	<b>621.928.860.068</b>

Dự phòng bồi thường bao gồm:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất chưa giải quyết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 được trích lập dựa trên mức ước tính tổn thất cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo hoặc yêu cầu thanh toán nhưng chưa được giải quyết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014. Khoản dự phòng này được trích ở mức 806.418.793.803 Việt Nam đồng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014. Trong đó, phần trách nhiệm bảo hiểm có thể thu hồi được từ các công ty nhận tái bảo hiểm liên quan đến các vụ tổn thất nêu trên ước tính là 694.889.784.603 Việt Nam đồng.
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014. Khoản dự phòng này được ước tính vào khoảng 10.211.451.439 Việt Nam đồng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014. Phần dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại giảm trong kỳ là 9.760.071.340 đồng Việt Nam, đã được hoán nhập vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)**

**19.2. Dự phòng dao động lớn**

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Sức khỏe và tai nạn con người	9.546.280.972	8.322.359.129
Tài sản và thiệt hại	15.995.304.840	14.604.897.212
Hàng hoá vận chuyển	2.371.972.784	2.102.847.388
Xe cơ giới	40.122.454.737	36.008.731.522
Cháy nổ	5.730.674.009	5.194.748.741
Trách nhiệm	582.886.952	547.371.723
Thiệt hại kinh doanh	149.752.957	138.025.667
Hàng không	1.283.806.894	1.067.810.525
Thân tàu và TNDS chủ tàu	2.026.744.952	1.914.437.093
Rủi ro tái chính và rủi ro tín dụng	713.202.728	675.405.790
Nông nghiệp	30.617.904	27.335.729
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>78.553.699.729</u></b>	<b><u>70.603.970.519</u></b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	660.000.000.000	2.271.699.140	(6.577.533.810)	1.800.187.891	9.062.277.776	91.870.693.602	-	758.427.324.599
Chi cổ tức cho năm 2012	-	-	-	-	-	(65.000.000.000)	-	(65.000.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	94.654.460.763	-	94.654.460.763
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2013	-	-	-	-	4.248.919.389	(4.248.919.389)	-	-
Bán cổ phiếu quỹ	-	2.604.066.190	6.577.533.810	-	-	-	-	9.181.600.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(11.500.000.000)	-	(11.500.000.000)
Chênh lệch tỷ giá do hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài	-	-	-	-	-	-	7.052.332.500	7.052.332.500
Giảm khác trong năm	-	-	-	-	-	(821.631.669)	-	(821.631.669)
Chỉ trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(58.500.000)	-	(58.500.000)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	<b>660.000.000.000</b>	<b>4.875.765.330</b>	<b>-</b>	<b>1.800.187.891</b>	<b>13.311.197.165</b>	<b>104.896.103.307</b>	<b>7.052.332.500</b>	<b>791.935.588.193</b>
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	660.000.000.000	4.875.765.330	-	1.800.187.891	13.311.197.165	104.896.103.307	7.052.332.500	791.935.586.193
Tăng vốn trong năm	102.299.820.000	-	-	-	-	(69.299.820.000)	-	102.299.820.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	(69.299.820.000)
Điều chỉnh thuế TNDN và khoản thuế khác trích thiếu các năm trước	-	-	-	-	-	(7.937.000.999)	-	(7.937.000.999)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	100.149.306.288	-	100.149.306.288
Tăng khác	-	-	-	-	-	1.254.106.347	-	1.254.106.347
Trích lập dự phòng bắt buộc từ lợi nhuận năm 2014	-	-	-	-	4.341.323.857	(4.341.323.857)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(13.000.000.000)	-	(13.000.000.000)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>762.299.820.000</b>	<b>4.875.765.330</b>	<b>-</b>	<b>1.800.187.891</b>	<b>17.652.521.022</b>	<b>111.721.371.086</b>	<b>7.052.332.500</b>	<b>905.401.997.829</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
Phí bảo hiểm gốc	1.223.800.067.270	855.868.056.390
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(4.257.451.956)	(2.766.231.496)
Phí nhận tái bảo hiểm	88.213.006.696	83.220.796.600
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	<u>(164.934.725.183)</u>	<u>(37.257.506.601)</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.142.820.896.827</u></b>	<b><u>899.065.114.893</u></b>
<b>21.1 Doanh thu phí bảo hiểm gốc</b>		
<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
Sức khỏe và tai nạn con người	122.576.529.704	82.687.979.496
Tài sản và thiệt hại	310.299.585.305	204.553.115.432
Hàng hoá vận chuyển	77.263.200.633	53.324.392.769
Xe cơ giới	412.687.581.639	325.098.669.133
Cháy nổ	125.876.303.294	97.170.797.704
Trách nhiệm	9.443.183.201	5.985.684.522
Thiệt hại kinh doanh	8.723.589.615	7.175.424.294
Hàng không	96.025.474.141	34.063.753.809
Thân tàu và TNDS chủ tàu	42.131.592.675	38.680.345.132
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	14.091.559.787	4.361.662.603
Nông nghiệp	424.015.320	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.219.542.615.314</u></b>	<b><u>853.101.824.894</u></b>
<b>21.2 Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm</b>		
<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
Sức khỏe và tai nạn con người	575.699.012	106.818.961
Tài sản và thiệt hại	67.669.395.427	64.523.787.443
Hàng hoá vận chuyển	3.192.893.674	3.248.830.962
Xe cơ giới	580.451.182	1.073.968.337
Cháy nổ	7.572.374.859	6.400.984.954
Trách nhiệm	487.663.028	273.147.603
Thiệt hại kinh doanh	4.094.334.196	2.790.873.046
Hàng không	2.978.232.410	3.175.555.551
Thân tàu và TNDS chủ tàu	330.930.881	718.199.039
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	-	12.338.600
Nông nghiệp	731.032.027	896.292.104
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>88.213.006.696</u></b>	<b><u>83.220.796.600</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	512.782.701.025	368.671.901.479
Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(73.405.615.211)	(7.723.147.429)
<b>Tổng cộng</b>	<b>439.377.085.814</b>	<b>360.948.754.050</b>

**22.1 Tổng phí nhượng tái bảo hiểm**

Loại hình bảo hiểm	Năm nay VND	Năm trước VND
Sức khỏe và tai nạn con người	760.044.406	1.199.531.670
Tài sản và thiệt hại	238.928.217.973	191.588.878.863
Hàng hoá vận chuyển	53.543.554.722	36.454.794.345
Xe cơ giới	1.895.711.330	649.010.054
Cháy nổ	79.856.151.313	61.015.621.167
Trách nhiệm	6.379.323.304	3.358.030.105
Thiệt hại kinh doanh	11.645.194.835	8.884.033.241
Hàng không	77.404.069.652	345.297.117.111
Thân tàu và TNDS chủ tàu	31.655.752.952	28.448.492.695
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	10.311.865.984	2.543.797.628
Nông nghiệp	402.814.554	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>512.782.701.025</b>	<b>368.671.901.479</b>

**23. HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	67.033.448.072	90.319.990.617
Giảm trừ hoa hồng (Hoàn hoa hồng, giảm hoa hồng)	(174.414.493)	(386.241.147)
<b>Tổng cộng</b>	<b>66.859.033.579</b>	<b>89.933.749.470</b>

**23.1 Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm**

Loại hình bảo hiểm	Năm nay VND	Năm trước VND
Sức khỏe và tai nạn con người	156.179.532	399.917.002
Tài sản và thiệt hại	28.748.686.212	51.494.078.374
Hàng hoá vận chuyển	12.393.023.879	10.155.036.843
Xe cơ giới	373.853.402	261.811.684
Cháy nổ	12.086.641.515	16.963.444.542
Trách nhiệm	613.540.536	744.113.355
Thiệt hại kinh doanh	1.965.376.092	2.097.785.154
Hàng không	5.753.636.701	2.141.627.608
Thân tàu và TNDS chủ tàu	3.698.388.989	5.278.371.889
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	1.063.048.966	397.563.019
Nông nghiệp	6.657.755	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>66.859.033.579</b>	<b>89.933.749.470</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. TỔNG CHI BÒI THƯỜNG BẢO HIỂM**

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Tổng chi bồi thường gốc và bồi thường nhận tái	406.804.962.581	791.037.900.751
- Chi bồi thường bảo hiểm gốc	375.577.801.687	771.017.274.341
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	31.227.160.894	20.020.626.410
Các khoản thu giảm chi (Thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	(822.961.543)	-
Thu bồi thường nhượng tài bảo hiểm	(153.731.840.585)	(603.045.909.671)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	85.629.418.857	474.246.803.090
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tài bảo hiểm	(82.929.964.589)	(443.509.502.035)
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>254.949.614.721</u></b>	<b><u>218.729.292.135</u></b>

**24.1 Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc**

Loại hình bảo hiểm	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Sức khỏe và tai nạn con người	32.608.506.631	22.493.576.965
Tài sản và thiệt hại	49.918.496.296	34.495.475.859
Hàng hoá vận chuyển	24.727.656.248	13.750.570.122
Xe cơ giới	154.122.800.880	115.450.332.355
Cháy nổ	37.969.050.269	67.658.270.599
Trách nhiệm	1.247.011.445	770.450.487
Thiệt hại kinh doanh	63.494.531	2.817.555.225
Hàng không	50.215.192.164	506.416.454.326
Thân tàu và TNDS chủ tàu	24.705.593.223	7.164.588.403
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>375.577.801.687</u></b>	<b><u>771.017.274.341</u></b>

**24.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm**

Loại hình bảo hiểm	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Sức khỏe và tai nạn con người	10.852.294	291.274.259
Tài sản và thiệt hại	25.159.994.858	9.851.183.942
Hàng hoá vận chuyển	1.967.945.784	72.629.530
Xe cơ giới	913.420.221	754.105.063
Cháy nổ	52.869.239	5.923.494.963
Trách nhiệm	13.794.074	76.734.581
Thiệt hại kinh doanh	-	58.116.862
Hàng không	823.336.799	34.810.478
Thân tàu và TNDS chủ tàu	781.312	2.071.264.859
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	-	-
Nông nghiệp	2.284.166.313	887.011.873
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>31.227.160.894</u></b>	<b><u>20.020.626.410</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. TỔNG CHI BÒI THƯỜNG BẢO HIỂM (tiếp theo)**

**24.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm**

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
Sức khỏe và tai nạn con người	151.522.586	102.237.790
Tài sản và thiệt hại	45.314.940.389	36.257.312.181
Hàng hoá vận chuyển	18.612.940.012	9.274.508.987
Xe cơ giới	1.079.980.461	256.780.810
Cháy nổ	20.724.270.058	43.289.363.057
Trách nhiệm	991.956.714	610.265.844
Thiệt hại kinh doanh	-	2.604.049.609
Hàng không	50.325.586.437	503.859.873.136
Thân tàu và TNDS chủ tàu	16.530.643.928	6.791.518.257
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>153.731.840.585</u></b>	<b><u>603.045.909.671</u></b>

**25. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
Chi hoa hồng bảo hiểm	73.733.488.367	95.791.860.453
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	686.940.135	495.904.279
Chi quản lý đại lý bảo hiểm	16.674.560.013	10.351.738.248
Chi đề phòng, hạn chế tổn thất	1.830.707.682	3.492.312.201
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	2.783.276.228	1.675.081.658
Chi khác (*)	190.709.157.546	155.157.049.170
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>286.418.129.971</u></b>	<b><u>266.963.946.009</u></b>

(\*) Chi khác bao gồm các khoản chi phí liên quan tới hoạt động khai thác bảo hiểm như: chi phí lương cho nhân viên khai thác, chi phí tiếp khách, chi phí marketing,.... Số liệu đầu kỳ tương ứng được phân loại lại để phù hợp với yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ theo Thông tư 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	90.912.867.700	92.412.757.247
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	16.409.056.557	24.981.602.928
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.857.861.862	6.154.159.100
Lợi nhuận từ công ty liên kết	-	5.580.487.418
Lãi chênh lệch tỷ giá	14.293.268.307	12.274.861.262
Lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	22.343.383.568	4.100.131.848
Doanh thu hoạt động tài chính khác	64.355.226	6.239.198
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>148.880.793.220</u></b>	<b><u>145.510.239.001</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Lãi tiền vay	607.809	991.208.516
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	352.606.115	84.994.809
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	5.396.060.506	180.190.751
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.498.716.474	11.745.387.889
Dự phóng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.517.937.944	2.632.380.812
Chi phí tài chính khác	35.977.421	825.425.685
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>25.801.906.269</u></b>	<b><u>16.459.588.462</u></b>

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí nhân viên	116.203.567.022	74.533.576.087
Chi phí vật liệu	7.849.617.003	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.149.005.025	14.078.702.013
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.935.461.325	2.724.118.527
Thuế, phí và lệ phí	4.085.595.597	2.680.892.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.483.565.543	68.520.393.504
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	8.393.535.863	2.222.695.629
Chi phí bằng tiền khác	3.305.250.147	5.463.769.330
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>232.405.597.525</u></b>	<b><u>170.224.148.029</u></b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP**

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Tổng Công ty là 22% và cho công ty con là 24% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**29.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.205.921.435	29.610.025.326
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	490.291.518	(418.770.415)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b><u>30.696.212.953</u></b>	<b><u>29.191.254.911</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP** (tiếp theo)

**29.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Bảng đối chiếu giữa thu nhập kế toán và thu nhập chịu thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trình bày dưới đây:

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
<b>Lợi nhuận kế toán thuần trước thuế</b>	<b>138.019.350.323</b>	<b>125.593.072.000</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>10.754.477.501</b>	<b>4.857.516.459</b>
Chi phí không được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế	6.452.047.901	3.182.434.801
Phạt nộp chậm thuế	2.307.458.161	-
Trích quỹ bảo vệ người được bảo hiểm	1.994.971.439	1.675.081.658
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>(14.012.511.471)</b>	<b>(6.154.159.100)</b>
Thu lãi cổ tức	(5.503.277.862)	(6.154.159.100)
Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm năm trước	(1.675.081.658)	-
Chi phí định hạng tín dụng năm 2013	(882.683.333)	-
Các khoản ước nhận tái cố định	(5.951.468.618)	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>134.761.316.353</b>	<b>124.296.429.359</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính kỳ hiện hành	30.205.921.435	28.881.229.410
<b>Chi phí thuế thu nhập kỳ hiện hành</b>	<b>30.205.921.435</b>	<b>28.881.229.410</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu kỳ	8.872.798.378	4.968.020.319
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	7.931.633.223	728.795.916
Điều chỉnh thuế do hợp nhất báo cáo tài chính	-	1.897.497.226
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong kỳ	(27.191.191.974)	(27.602.744.493)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối kỳ</b>	<b>19.819.161.062</b>	<b>8.872.798.378</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các công ty có liên quan trong kỳ như sau:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Thu nhập VNĐ</i>	<i>Chi phí VNĐ</i>
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	57.782.701.486	
		Doanh thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (phí quản lý đơn)	18.042.992.353	3.651.439.615
		Chi phí hoa hồng		8.457.146.532
		Doanh thu từ hoạt động tiền gửi	39.824.208.383	
		Doanh thu từ lãi trái phiếu	2.786.506.850	
		Chi phí thuê văn phòng		11.501.352.949
		Phí chuyển tiền		1.332.938.858
Công ty Cho thuê Tái chính	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	596.414.549	
		Chi phí bồi thường		137.864.027
Công ty Chứng khoán BIDV	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	30.467.051	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	211.695.461	
		Chi phí bồi thường		234.658.600
Công ty cổ phần đầu tư Công đoàn BIDV (BUC)	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Doanh thu từ hoạt động tiền gửi	3.506.550.000	
		Doanh thu phí bảo hiểm gốc	1.817.440.776	
Công ty Bảo hiểm Láo Việt	Công ty con	Chi phí bồi thường		568.676.600
		Doanh thu phí nhận tái	37.071.245.024	
		Chi hoa hồng nhận tái		7.081.805.924
		Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm		3.807.708.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả các công ty liên quan của Tổng Công ty tại ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Khoản phải thu VNĐ</i>	<i>Khoản phải trả VNĐ</i>
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Số dư tiền gửi thanh toán	40.027.824.600	
		Đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tại BIDV	440.500.000.000	
		Phải thu lãi tiền gửi	14.747.526.386	
		Phải thu phí bảo hiểm gốc	1.266.020.456	
		Các khoản đặt cọc, phí bảo lãnh, ký quỹ	1.281.225.185	
		Phải trả hoa hồng bảo hiểm		1.606.985.878
		Phải trả tiền thuê văn phòng		47.492.216
		Ký quỹ bảo hiểm tại BIDV	6.000.000.000	
		Công ty Cho thuê Tài chính I	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Phải thu phí bảo hiểm gốc Phải trả hoa hồng bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Tiền gửi có kỳ hạn	36.000.000.000	
		Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.584.722.222	
Công ty cổ phần đầu tư Công đoàn BIDV (BUC)	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Phải thu phí bảo hiểm gốc	15.266.650	
		Phải trả hoa hồng bảo hiểm		3.578.735
Công ty Bảo hiểm Lào Việt	Công ty con	Phải trả về hoa hồng nhận tái		8.921.862.197
		Phải trả bồi thường nhận tái		8.380.101.674
<b>Tổng cộng</b>			<b>541.541.523.426</b>	<b>19.020.419.642</b>

*Các khoản thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị*

	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
Thù lao Hội đồng Quản trị	532.000.000	443.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>532.000.000</b>	<b>443.500.000</b>

*Các khoản lương, thưởng của thành viên Ban Tổng Giám đốc*

	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
Lương và thưởng	4.463.361.855	3.564.036.141
Các khoản trợ cấp khác	68.800.000	556.111.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.532.161.855</b>	<b>4.120.147.141</b>

Ngoài lương và thưởng, Ban Tổng Giám đốc không có bất kỳ lợi ích nào khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tổng công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tổng Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Tổng Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tổng Công ty.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận bộ phận theo khu vực địa lý của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	<i>Đơn vị tính: Triệu đồng</i>			
	<i>Thị trường nước ngoài</i>	<i>Thị trường trong nước</i>	<i>Điều chỉnh giao dịch nội bộ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Doanh thu phí bảo hiểm	178.079	1.003.666	(38.924)	1.142.821
Phí nhượng tái bảo hiểm	(104.074)	(374.228)	38.924	(439.378)
<b>Doanh thu phí bảo hiểm thuần</b>	<b>74.005</b>	<b>629.438</b>	<b>-</b>	<b>703.443</b>
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14.227	90.395	(9.695)	94.927
<b>Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>88.233</b>	<b>719.834</b>	<b>(9.695)</b>	<b>798.372</b>
Chi bồi thường	(67.968)	(341.822)	3.808	(405.982)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	49.278	108.262	(3.808)	153.732
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	39.078	(128.204)	3.497	(85.629)
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(37.527)	123.954	(3.497)	82.930
<b>Tổng chi bồi thường bảo hiểm</b>	<b>(17.139)</b>	<b>(237.810)</b>	<b>-</b>	<b>(254.949)</b>
Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	(791)	(7.159)	-	(7.950)
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(34.660)	(261.453)	9.695	(286.418)
<b>Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>(52.590)</b>	<b>(506.422)</b>	<b>9.695</b>	<b>(549.317)</b>
<b>Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>35.643</b>	<b>213.411</b>	<b>-</b>	<b>249.054</b>
Doanh thu hoạt động tái chính	14.463	134.418	-	148.881
Chi phí hoạt động tái chính	(1.219)	(24.583)	-	(25.802)
<b>Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính</b>	<b>13.244</b>	<b>109.835</b>	<b>-</b>	<b>123.079</b>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(22.117)	(210.289)	-	(232.406)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>26.770</b>	<b>112.957</b>	<b>-</b>	<b>139.727</b>
Thu nhập khác	936	1.511	-	2.447
Chi phí khác	(712)	(3.443)	-	(4.155)
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>224</b>	<b>(1.932)</b>	<b>-</b>	<b>(1.708)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>26.994</b>	<b>111.025</b>	<b>-</b>	<b>138.019</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	<i>Đơn vị tính: Triệu đồng</i>			
	<i>Thị trường</i>	<i>Thị trường</i>	<i>Điều chỉnh</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>nước ngoài</i>	<i>trong nước</i>	<i>giao dịch</i>	
			<i>nội bộ</i>	
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>628.434</b>	<b>2.083.168</b>	<b>(65.816)</b>	<b>2.645.786</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.009	145.220	-	154.229
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	32.351	1.031.493	-	1.063.844
Các khoản phải thu ngắn hạn	124.929	298.734	(25.344)	398.319
Hàng tồn kho	110	147	-	257
Tài sản ngắn hạn khác	14.607	49.951	(2.613)	61.945
Tài sản tài bảo hiểm	447.428	557.623	(37.859)	967.192
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>152.428</b>	<b>303.205</b>	<b>(34.659)</b>	<b>420.974</b>
Các khoản phải thu dài hạn	-	6.000	-	6.000
Tài sản cố định	3.945	20.748	-	24.693
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	142.328	274.192	(34.659)	381.861
Tài sản dài hạn khác	6.155	2.265	-	8.420
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>780.862</b>	<b>2.386.373</b>	<b>(100.475)</b>	<b>3.066.760</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>684.352</b>	<b>1.508.281</b>	<b>(64.644)</b>	<b>2.127.989</b>
Nợ ngắn hạn	684.352	1.500.886	(64.644)	2.120.594
Nợ dài hạn	-	7.395	-	7.395
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>96.510</b>	<b>878.091</b>	<b>(69.199)</b>	<b>905.402</b>
<b>LỢI ÍCH CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>33.369</b>	<b>33.369</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>780.862</b>	<b>2.386.373</b>	<b>(100.475)</b>	<b>3.066.760</b>

**32. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG**

*Các cam kết hoạt động*

Tổng Công ty có cam kết hoạt động liên quan đến việc thuê văn phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<i>KHOẢN MỤC</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2014</i> <i>VNĐ</i>
Cam kết thuê văn phòng	
<i>Đến hạn trong vòng 1 năm</i>	1.151.954.817
<i>Đến hạn trong 1 – 5 năm</i>	20.489.435.314
<i>Đến hạn trên 5 năm</i>	-
	<b>21.641.390.131</b>

*Thuế nhà thầu*

Tổng Công ty đã tính toán và giữ lại phần thuế nhà thầu của các nhà tái cư trú tại quốc gia không có hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam hoặc cư trú tại quốc gia có hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam mà chưa gửi hồ sơ hợp lệ liên quan cho cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân giá quyền đang lưu hành trong năm.

Tổng Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	100.149.306.288	94.654.460.763
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (đơn vị)	70.979.829	65.569.863
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	1.411	1.444

### 34. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

#### 34.1 Cơ chế quản trị

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ cổ đông của Tổng Công ty từ các sự kiện cản trở Tổng Công ty đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Tổng Công ty đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Quản trị và các ủy ban. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Quản trị đến Ban Tổng Giám đốc và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Tổng Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Tổng Công ty. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Tổng Công ty.

#### 34.2 Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Tổng Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến tài sản, trách nhiệm, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó Tổng Công ty chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ. Tổng Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Tổng Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)**

**34.3 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định**

Mục tiêu đầu tiên của Tổng Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Tổng Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn đã góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Tổng Công ty và tại Việt Nam và yêu cầu Tổng Công ty phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Tổng Công ty được quy định trong những Quyết định và Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	<i>Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty (triệu VNĐ)</i>	<i>Biên khả năng thanh toán tối thiểu (triệu VNĐ)</i>	<i>Tỷ lệ biên khả năng thanh toán</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	580.318	206.579	281%
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	713.020	152.467	468%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính Việt Nam.

**34.4 Chiến lược kinh doanh bảo hiểm**

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Tổng Công ty với mục tiêu đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh.

**34.5 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm**

Tổng Công ty tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm có định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Tổng Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, công ty nhận tái bảo hiểm đồng ý bồi hoàn số tiền thuộc trách nhiệm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần thuộc trách nhiệm công ty nhận tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Tổng Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ, mới được phép tiến hành giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Tổng Công ty phát hành hợp đồng để chuyển giao rủi ro bảo hiểm hoặc rủi ro tài chính hoặc cả hai. Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm chính của Tổng Công ty và cách thức Tổng Công ty quản lý các rủi ro liên quan.

#### 35.1 Rủi ro bảo hiểm

*Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy*

Quy trình xây dựng các giả định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giả định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giả định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn. Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giả định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và chi phí cơ bản là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi tổn thất được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các tổn thất tương tự. Các ước tính cho từng tổn thất được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh. Tác động của nhiều khoản mục ảnh hưởng đến chi phí bồi thường rất khó ước tính. Dự phòng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có.

Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết: được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, theo quy định của Thông tư số 125/2012/TT-BTC; và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR).

Tổng Công ty tính toán dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại theo công thức sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại cho năm tài chính hiện tại} \\
 = \frac{\text{Tổng số tiền bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm nhưng chưa khiếu nại của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp}} \times \text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại} \\
 \times \frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính trước}} \times \frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính trước}}
 \end{array}$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**35.1 Rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)**

*Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy (tiếp theo)*

Tổng Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thủy, bảo hiểm hàng không, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Tổng Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Tổng Công ty.

Đối với các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Những rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Tổng Công ty cũng áp dụng số tiền bồi thường tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Tổng Công ty được quyết định bởi Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám Đốc có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**35.2 Rủi ro tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Tổng Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toán bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tổng Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thông nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

**35.2.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Khí tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán; độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và trái phiếu công ty của Tổng Công ty.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**35.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)**

**35.2.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Tổng Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Tổng Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Tổng Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Tổng Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Việc phần lớn các tài sản tài chính của Tổng Công ty là bằng đồng Việt Nam đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ. Hầu hết các tài sản bằng ngoại tệ đều là Đô la Mỹ.

Ảnh hưởng của các thay đổi có thể xảy ra đối với báo cáo tình hình tài chính và báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty trong trường hợp có sự biến động về tỷ giá giữa USD và VNĐ được trình bày trong bảng dưới đây, giả định rằng tất cả các biến khác đều không thay đổi.

<i>Biến số tăng/(giảm)</i>	<i>Ảnh hưởng tới lợi nhuận trước thuế VNĐ</i>	<i>Ảnh hưởng tới vốn chủ sở hữu VNĐ</i>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>		
+5%	(1.190.474.285)	(894.004.016)
-5%	1.190.474.285	894.004.016
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>		
+5%	(2.998.196.390)	(1.665.851.391)
-5%	2.998.196.390	1.665.851.391

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư trọng yếu vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tổng Công ty là 79.640.044.400 đồng Việt Nam (Ngày 31 tháng 12 năm 2013: 58.481.618.000 đồng Việt Nam). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm khoảng 4.651.619.240 đồng Việt Nam (Ngày 31 tháng 12 năm 2013: giảm 1.841.992.514 đồng Việt Nam), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ tăng lên khoảng 1.943.916.601 đồng Việt Nam (Ngày 31 tháng 12 năm 2013: tăng 227.686.884 đồng Việt Nam).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**35.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)**

**35.2.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Các khoản phải thu khách hàng chịu rủi ro tín dụng gồm các khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm và các khoản phải thu khác. Tổng Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Khoản mục đáng kể nhất của các khoản phải thu về tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phải thu đối công ty tái bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro này, Tổng Công ty đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tái chính trong việc chấp nhận công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cân nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Tổng Công ty cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tái chính của các công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác, và xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các công ty tái bảo hiểm.

*Tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác*

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tái chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn và bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Đơn vị: triệu VND

	Quá hạn nhưng không suy giảm		Quá hạn và bị suy giảm		Dự phóng nợ phải thu khó đối
	< 90 ngày	91-180 ngày	181-360 ngày	> 360 ngày	
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>					
Phải thu từ hoạt động bảo hiểm gốc	33.797	14.451	23.238	15.886	20.495
Phải thu từ hoạt động tái chính	-	-	-	3.000	3.000
<b>Tổng</b>	<b>33.797</b>	<b>14.451</b>	<b>23.238</b>	<b>18.886</b>	<b>23.495</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>					
Phải thu từ hoạt động bảo hiểm gốc	19.075	5.769	5.947	18.207	15.164
Phải thu từ hoạt động tái chính	8.091	-	-	3.000	2.100
<b>Tổng</b>	<b>27.166</b>	<b>5.769</b>	<b>5.947</b>	<b>21.207</b>	<b>17.264</b>

Dự phóng nợ phải thu khó đối được trích lập theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**35.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)**

**35.2.3 Rủi ro thanh khoản**

Tổng Công ty phải đáp ứng được yêu cầu hàng ngày về nguồn tiền mặt, đặc biệt cho những khoản bồi thường phát sinh trên những hợp đồng bảo hiểm của Tổng Công ty. Do vậy xuất hiện một rủi ro rằng Tổng Công ty không có đủ lượng tiền mặt để thanh toán các khoản nợ đến hạn với một chi phí hợp lý. Tổng Công ty quản lý rủi ro bằng việc xem xét và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động để thanh toán những khoản nợ này.

*Đáo hạn theo hợp đồng*

Bảng dưới đây trình bày sơ lược thời gian đáo hạn theo hợp đồng nợ tài chính trên cơ sở không chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013:

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng</i>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>				
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả về bảo hiểm	103.764.561.860	-	-	103.764.561.860
Phải trả về tái bảo hiểm	-	290.149.062.177	-	290.149.062.177
Chi phí trả trước	-	14.304.710.299	-	14.304.710.299
Dự phòng bồi thường phải trả	816.630.245.242	-	-	816.630.245.242
Các khoản phải trả khác	166.973.148.811	-	-	166.973.148.811
	<b>1.087.367.955.913</b>	<b>304.453.772.476</b>	<b>-</b>	<b>1.391.821.728.389</b>

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng</i>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>				
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả về bảo hiểm	94.152.769.300	-	-	94.152.769.300
Phải trả về tái bảo hiểm	-	185.042.401.953	-	185.042.401.953
Chi phí phải trả	-	6.492.201.071	-	6.492.201.071
Dự phòng bồi thường phải trả	739.773.284.750	-	-	739.773.284.750
Các khoản phải trả khác	92.929.385.605	-	-	92.929.385.605
	<b>926.855.439.655</b>	<b>191.534.603.024</b>	<b>-</b>	<b>1.118.390.042.679</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phải sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản mục tài sản và nợ của Tổng Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định có liên quan.

**Tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính của Tổng Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phải sinh.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

▶ ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:***

a) Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- ✓ Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ảnh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

▶ ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:***

Là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)**

**Tài sản tài chính** (tiếp theo)

▶ **Các khoản cho vay và phải thu:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▶ **Tài sản sẵn sàng để bán:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

▶ **Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
  - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)**

▶ ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ***

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

**Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tổng Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

	Giá trị ghi số			Giá trị hợp lý
	Nguyên giá VNĐ	Lãi dự thu/dự chi VNĐ	Dự phòng giảm giá trị VNĐ	
<b>31 tháng 12 năm 2014</b>				
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán				
Cổ phiếu niêm yết	67.640.693.420	-	(2.970.892.068)	64.669.801.352
Có phiếu chưa niêm yết	81.528.143.000	-	(16.719.847.837)	64.808.295.163
Công ty bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
Các khoản cho vay và phải thu				
Trái phiếu	130.000.000.000	4.776.917.808	(3.000.000.000)	131.776.917.808
Đầu tư tiền gửi	1.136.226.360.000	48.561.412.342	-	1.184.787.772.342
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	362.664.462.583	-	(23.557.499.627)	339.106.962.956
Phải thu khác khách hàng	1.288.419.678	-	-	1.288.419.678
Các khoản phải thu khác	5.237.255.377	-	-	5.237.255.377
Tài sản ngắn hạn khác	2.361.195.293	-	-	2.361.195.293
Kỳ quỹ bảo hiểm	6.000.000.000	124.833.333	-	6.124.833.333
Tài sản dài hạn khác	6.201.089.546	-	-	6.201.089.546
<b>Tiền và tương đương tiền</b>	<b>154.229.365.232</b>	<b>368.720.831</b>	<b>-</b>	<b>154.598.086.063</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.003.376.984.129</b>	<b>53.831.884.314</b>	<b>(46.248.239.532)</b>	<b>2.010.960.628.911</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	393.913.624.037	-	-	393.913.624.037
Chi phí phải trả	14.304.710.299	-	-	14.304.710.299
Các khoản phải trả, phải nộp ngân hàng khác	18.113.382.136	-	-	18.113.382.136
<b>Tổng cộng</b>	<b>426.331.716.472</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>426.331.716.472</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý	
	Nguyên giá VNĐ	Lãi dự thu/dự chi VNĐ	Dự phòng giảm giá trị VNĐ	Tổng VNĐ	VNĐ
<b>31 tháng 12 năm 2013</b>					
<b>Tài sản tài chính</b>					
Chứng khoán sẵn sàng để bán	50.621.864.109	-	(627.797.905)	49.994.066.204	49.994.066.204
Cổ phiếu niêm yết	81.528.143.000	-	(17.445.004.056)	64.083.138.944	64.083.138.944
Có phiếu chưa niêm yết					
Các khoản cho vay và phải thu	195.045.833.333	9.294.472.654	(2.100.000.000)	202.240.305.987	202.240.305.987
<i>Trái phiếu</i>					
Đấu tư tiền gửi	1.009.714.462.500	30.943.866.938	-	1.040.658.329.438	1.040.658.329.438
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	333.832.400.379	-	(15.163.963.764)	318.668.436.615	318.668.436.615
Các khoản phải thu khác	4.359.953.532	-	-	4.359.953.532	4.359.953.532
Kỳ quỹ bảo hiểm	6.000.000.000	142.666.667	-	6.142.666.667	6.142.666.667
<b>Tiền và tương đương tiền</b>	<b>29.960.714.185</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>29.960.714.185</b>	<b>29.960.714.185</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.711.063.371.038</b>	<b>40.381.006.259</b>	<b>(35.336.765.725)</b>	<b>1.716.107.611.572</b>	<b>1.716.107.611.572</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Phải trả cho người bán	347.052.642.483	-	-	347.052.642.483	347.052.642.483
Phải trả cho bên liên quan	8.904.453.568	-	-	8.904.453.568	8.904.453.568
Chi phí phải trả	6.492.201.071	-	-	6.492.201.071	6.492.201.071
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	92.929.385.606	-	-	92.929.385.606	92.929.385.606
<b>Tổng cộng</b>	<b>455.378.682.728</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>455.378.682.728</b>	<b>455.378.682.728</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)**

*(\*) Đối với các khoản mục này, do không đủ thông tin thị trường tích cực để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý*

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tổng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết xác định dựa trên giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM được xác định dựa trên giá trị giao dịch trung bình tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu chưa niêm yết khác được xác định dựa trên giá bình quân tính trên các báo giá của ba công ty chứng khoán độc lập hoạt động tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÁI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**37. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐẦU KỲ**

Trong năm 2014, do ảnh hưởng của việc thay đổi trong yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ theo Thông tư 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh, phân loại và trình bày lại một số số liệu so sánh đầu kỳ để phù hợp với cách trình bày kỳ báo cáo tài chính kỳ này. Chi tiết số liệu điều chỉnh được trình bày như dưới đây:

*Trích từ Bảng cân đối kế toán hợp nhất*

KHOẢN MỤC	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 232	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.464.148.058.508</b>	<b>761.010.859.200</b>	<b>2.225.158.917.708</b>
<b>I. Phải thu ngắn hạn</b>		<b>367.309.396.403</b>	<b>(81.681.144.900)</b>	<b>285.628.251.503</b>
1. Phải thu khách hàng	[1]	340.409.022.787	(117.151.209.238)	223.257.813.549
2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.919.220.101	(4.919.220.101)	-
3. Phải thu khác	[2]	37.245.109.948	40.381.006.259	77.634.394.387
<b>II. Hàng tồn kho</b>				
1. Hàng tồn kho		-	83.641.171	83.641.171
<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>7.590.209.919</b>	<b>4.835.578.930</b>	<b>12.425.788.849</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	4.919.220.101	4.919.220.101
2. Tạm ứng		6.074.392.076	(6.074.392.076)	-
3. Tài sản ngắn hạn khác		599.876.171	5.990.750.905	6.590.627.076
<b>III. Tài sản tái bảo hiểm</b>			<b>837.772.784.000</b>	<b>837.772.784.000</b>
1. Dự phòng phi nhượng tái bảo hiểm	[4]	-	215.843.923.932	215.843.923.932
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	[5]	-	621.928.860.068	621.928.860.068
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>291.620.877.026</b>	<b>-</b>	<b>291.620.877.026</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>				
1. Kỳ quỹ bảo hiểm		-	6.000.000.000	6.000.000.000
2. Đầu tư chứng khoán dài hạn		150.598.617.037	(150.598.617.037)	-
3. Các khoản đầu tư dài hạn khác		126.234.150.000	150.598.617.037	276.832.767.037
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>12.599.138.017</b>	<b>(6.000.000.000)</b>	<b>6.599.138.017</b>
1. Kỳ quỹ bảo hiểm		6.000.000.000	(6.000.000.000)	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>1.755.768.935.534</b>	<b>761.010.859.200</b>	<b>2.516.779.794.734</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐẦU KỲ (tiếp theo)

Trích từ Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

KHOẢN MỤC	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 232	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>937.638.316.842</b>	<b>761.010.859.200</b>	<b>1.698.649.176.042</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>455.378.682.728</b>	<b>1.239.440.903.569</b>	<b>1.694.819.586.297</b>
1. Phải trả cho người bán	[3]	347.913.094.195	(68.717.922.942)	279.195.171.253
2. Người mua trả tiền trước		9.121.518.359	(3.661.589.745)	5.459.928.614
3. Phải trả khác		14.536.202.928	(8.044.001.857)	6.492.201.071
4. Chi phí phải trả		12.521.889.073	(168.000.000)	12.353.889.073
5. Dự phòng nghiệp vụ			1.320.032.418.113	1.320.032.418.113
5.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	[4]	-	509.655.162.844	509.655.162.844
5.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	[5]	-	739.773.284.750	739.773.284.750
5.3. Dự phòng dao động lớn		-	70.603.970.519	70.603.970.519
<b>II. Nợ dài hạn</b>			<b>3.829.589.745</b>	<b>3.829.589.745</b>
1. Phải trả dài hạn khác		-	168.000.000	168.000.000
2. Doanh thu chưa thực hiện		-	3.661.589.745	3.661.589.745
<b>III. Dự phòng</b>		<b>482.259.634.114</b>	<b>(482.259.634.114)</b>	<b>-</b>
1. Dự phòng phí chưa được hưởng		293.811.238.913	(293.811.238.913)	-
2. Dự phòng bồi thường		117.844.424.682	(117.844.424.682)	-
3. Dự phòng dao động lớn		70.603.970.519	(70.603.970.519)	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.755.768.935.534</b>	<b>761.010.859.200</b>	<b>2.516.779.794.734</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**37. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐẦU KỲ (tiếp theo)**

*Trích từ Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)*

Chú giải chi tiết cho các số liệu so sánh đầu kỳ trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

[1] Phải thu khách hàng

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (đã trình bày)</i>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 232</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)</i>
<b>1.1. Phải thu khách hàng</b>			
Phải thu bảo hiểm gốc	50.011.061.216	(26.802.910)	49.984.258.306
Phải thu về nhận tái bảo hiểm (*)	33.090.434.612	(7.349.767.142)	25.740.667.470
Phải thu về nhượng tái bảo hiểm	212.066.099.874	(70.565.382.065)	141.500.717.809
Phải thu bồi thường đồng bảo hiểm	-	4.609.397.090	4.609.397.090
Phải thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	-	1.318.232.499	1.318.232.499
Phải thu hoạt động tái chính	40.381.006.259	(40.381.006.259)	-
Phải thu khác của khách hàng	8.278.180	(8.278.180)	-
<b>1.2. Các khoản phải thu khác</b>	<b>4.860.420.826</b>	<b>(4.755.880.451)</b>	<b>104.540.375</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>340.417.300.967</b>	<b>(117.159.487.418)</b>	<b>223.257.813.549</b>

(\*) Phải thu phí nhận tái bảo hiểm sẽ được cán trừ với khoản phải trả hoa hồng nhận tái bảo hiểm như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Phải thu phí nhận tái bảo hiểm	33.090.434.612
Phải trả hoa hồng nhận tái bảo hiểm	(7.349.767.142)
<b>Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm</b>	<b>25.740.667.470</b>

[2] Phải thu khác

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (đã trình bày)</i>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 232</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)</i>
Phải thu khác	37.245.109.948	40.389.284.439	77.634.394.387

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**37. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐẦU KỲ (tiếp theo)**

*Trích từ Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)*

[3] Phải trả

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (đã trình bày)</i>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 232</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)</i>
<b>1.1. Phải trả về hoạt động bảo hiểm</b>			
Phải trả về nhượng tái bảo hiểm	246.409.488.360	(69.411.088.264)	176.998.400.096
Phải trả đồng bảo hiểm	-	3.253.113.974	3.253.113.974
Phải trả bồi thường	-	74.912.324.217	74.912.324.217
Phải trả hoa hồng	-	15.939.944.095	15.939.944.095
Phải trả khác	3.255.649.255	(3.210.759.673)	44.889.582
Phải trả về hoạt động khai thác bảo hiểm	87.806.540.954	(87.806.540.954)	-
Phải trả về nhận tái bảo hiểm	10.441.415.626	(10.441.415.626)	-
Phải trả cho hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường (XOL)	-	8.044.001.857	8.044.001.857
<b>1.2. Phải trả khác</b>	-	<b>2.497.432</b>	<b>2.497.432</b>
<b>Phải trả người bán</b>	<b>347.913.094.195</b>	<b>(68.717.922.942)</b>	<b>279.195.171.253</b>

[4] Dự phòng phí bảo hiểm được chia thành hai nhóm (i) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và (ii) dự phòng phí nhượng tài bảo hiểm:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (đã trình bày)</i>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 232</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)</i>
1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	-	509.655.162.844	509.655.162.844
2. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	-	(215.843.923.932)	(215.843.923.932)
<b>Dự phòng phí</b>	<b>293.811.238.913</b>	<b>(293.811.238.913)</b>	<b>-</b>

[5] Dự phòng bồi thường được chia thành hai nhóm (i) Dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm và (ii) dự phòng nhượng tài bảo hiểm:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (đã trình bày)</i>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 232</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)</i>
1. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	-	739.773.284.750	739.773.284.750
2. Dự phòng thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	(621.928.860.068)	(621.928.860.068)
<b>Dự phòng bồi thường</b>	<b>117.844.424.682</b>	<b>(117.844.424.682)</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**37. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐẦU KỲ (tiếp theo)**

*Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm trước (đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 232	Năm trước (trình bày lại)
Thu phí bảo hiểm gốc (**)	[1]	855.868.056.390	(2.766.231.496)	853.101.824.894
Thu phí nhận tái bảo hiểm (**)		83.656.928.441	(436.131.841)	83.220.796.600
Tăng dự phòng phí chưa được hưởng của phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm (**)	[2]	-	(37.257.506.601)	(37.257.506.601)
<b>Phí nhượng tái bảo hiểm</b>		<b>(351.246.497.291)</b>	<b>(17.425.404.188)</b>	<b>(368.671.901.479)</b>
Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (**)	[2]	-	7.723.147.429	7.723.147.429
Hoán phí (*)	[1]	(2.776.480.310)	2.776.480.310	-
Tăng dự phòng phí chưa được hưởng (*)	[2]	(29.534.359.172)	29.534.359.172	-
Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	[1]	34.339.170.083	425.883.027	34.765.053.110
Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc (**)		(771.017.274.341)	(20.020.626.410)	(791.037.900.751)
Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm (*)		(20.020.626.410)	20.020.626.410	-
Tăng dự phòng bồi thường (*)	[3]	(29.534.359.172)	29.534.359.172	-
Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm (**)	[3]	-	(474.246.803.090)	(474.246.803.090)
Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (**)	[3]	-	443.509.502.035	443.509.502.035
<b>Chi phí khác hoạt động kinh Doanh (**)</b>				
Chi phí khác hoạt động nhượng tái (*)		(17.425.404.188)	17.425.404.188	-
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc (**)	[4]	(91.645.334.156)	(79.526.751.400)	(171.172.085.556)
<b>Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (**)</b>		<b>(435.301.760.326)</b>	<b>(62.101.347.212)</b>	<b>(497.403.107.538)</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp (**)</b>		<b>(249.750.899.429)</b>	<b>79.526.751.400</b>	<b>(170.224.148.029)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>125.593.072.000</b>	<b>-</b>	<b>125.593.072.000</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>96.401.817.089</b>	<b>-</b>	<b>96.401.817.089</b>

(\*) Số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính cho giai đoạn năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và không được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo hướng dẫn của Thông tư 232.

(\*\*) Số liệu được trình bày lại theo Thông tư 232.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**37. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐẦU KỲ (tiếp theo)**

Chú giải chi tiết cho các số liệu so sánh đầu kỳ trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

[1] Doanh thu phí bảo hiểm theo quy định tại Thông tư 232/2012/TT-BTC bao gồm các khoản hoàn phí, giảm phí và khoản doanh thu nhận tái bảo hiểm:

	VNĐ
<b>Phi bảo hiểm gốc</b>	<b>855.868.056.390</b>
Hoán phí	<u>(2.766.231.496)</u>
<b>Phí bảo hiểm gốc (trình bày lại)</b>	<b>853.101.824.894</b>
	VNĐ
<b>Phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>83.656.928.441</b>
Hoán phí nhận	<u>(10.248.814)</u>
Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	<u>(425.883.027)</u>
<b>Phí nhận tái bảo hiểm (trình bày lại)</b>	<b>83.220.796.600</b>

[2] Tăng dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng được phân loại lại như sau:

	VNĐ
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	<u>(37.257.506.601)</u>
Tăng dự phòng phí bảo hiểm nhượng tái	<u>7.723.147.429</u>
<b>Tăng dự phòng phí</b>	<b>(29.534.359.172)</b>

[3] Tăng dự phòng bồi thường được phân loại lại như sau:

	VNĐ
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và bồi thường nhận tái bảo hiểm	<u>(474.246.803.090)</u>
Tăng dự phòng thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm	<u>443.509.502.035</u>
<b>Tăng dự phòng bồi thường</b>	<b>(30.737.301.055)</b>

[4] Chi phí cho nhân viên bán hàng phân bổ cho các khoản phí bảo hiểm phải thu được trình bày sang chi phí hoạt động và phí nhượng tái cho hợp đồng XOL

	VNĐ
<b>Chi phí khác hoạt động khai thác bảo hiểm</b>	
<i>Phân loại lại</i>	
Chi phí khác hoạt động nhượng tái	17.425.404.188
Chi phí cho nhân viên bán hàng	<u>(79.526.751.400)</u>
<b>Chi phí khác hoạt động khai thác bảo hiểm (trình bày lại)</b>	<b>(62.101.347.212)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**38. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Tổng Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

**39. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 02 tháng 03 năm 2015.

Ông Nguyễn Xuân Đông  
Chuyên viên  
Ban Tài chính - Kế toán

Bà Lại Ngân Giang  
Giám đốc  
Ban Tài chính - Kế toán



Ông Trần Hoài An  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 02 tháng 03 năm 2015



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

ngày 31 tháng 12 năm 2014



**Building a better  
working world**



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10 - 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	13 - 14
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	15 - 70

# Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Tổng Công ty") được thành lập vào ngày 1 tháng 10 năm 2010 theo Giấy phép Điều chỉnh số 11/GPDDC7/KDBH ngày 1 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính.

Tổng Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty Bảo hiểm BIDV – là công ty con của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Tổng Công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 11GP/KDBH ngày 10 tháng 4 năm 2006 do Bộ Tài chính cấp. Ngày 5 tháng 8 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần, tổng số lượng cổ phần phát hành cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chiếm 82.3%, các cổ đông khác chiếm 17,7% vốn điều lệ. Tại ngày 5 tháng 5 năm 2014, Tổng Công ty thực hiện phát hành cổ phần BIC theo chương trình quyền chọn mua cổ phần đối với cán bộ (ESOP). Tại thời điểm lập báo cáo tỷ lệ cổ phần nắm giữ bởi BIDV chiếm 78.38%, các cổ đông khác chiếm 21.62% vốn điều lệ.

Một số thông tin quan trọng của công ty cổ phần bao gồm:

Tên Công ty:	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Địa chỉ:	Tầng 16, tháp A, tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Lĩnh vực hoạt động:	Kinh doanh bảo hiểm phí nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty có một công ty con như sau:

<i>Công ty con</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty</i>
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt	Tầng 3, Tòa nhà LVB, Số 44 - Đại lộ Lanexang, Quận Chanthabouly, Viêng Chàn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	65%

### **Vốn Điều lệ**

Số vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 762 tỷ đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 660 tỷ đồng).

### **Mạng lưới hoạt động**

Tổng Công ty có Trụ sở chính đặt tại tầng 16, tháp A, tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có hai mươi lăm (25) công ty thành viên trên cả nước.

### **Nhân viên**

Tổng số cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 693 người (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 628 người).

# Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị cho năm tái chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Phạm Quang Tùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2010
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2010
Ông Tôn Lâm Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2013
Ông Lê Ngọc Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2013
Bà Đặng Thị Hồng Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2013

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát cho năm tái chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Cao Cự Trí	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2010
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2010
Ông Nguyễn Thành Công	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2012

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc cho năm tái chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm</i>
Ông Trần Hoài An	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2014
Ông Tôn Lâm Tùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2014
Ông Trần Trung Tính	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2012
Ông Vũ Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2012
Bà Đoán Thị Thu Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2012

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Hoài An, chức danh: Tổng Giám đốc.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Tổng Công ty.

# Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình chuẩn bị báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty đã được tuân thủ và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Tổng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông Trần Hoài An  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 02 tháng 03 năm 2015

Số tham chiếu: 60755012/17104538

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập vào ngày 02 tháng 03 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 70, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

### Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Mặc dù không đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Tổng Công ty đã lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đó và báo cáo kiểm toán của chúng tôi đề ngày 02 tháng 03 năm 2015 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



  
Saman Bandara  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2036-2013-004-1



Lê Đức Linh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 1672-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 02 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)</b>		<b>2.083.167.053.488</b>	<b>1.628.057.517.714</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>145.220.016.867</b>	<b>22.422.009.742</b>
111	1. Tiền		49.720.016.867	22.422.009.742
112	2. Các khoản tương đương tiền		95.500.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>1.031.493.160.648</b>	<b>1.000.717.425.500</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.034.626.052.716	1.001.507.223.405
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(3.132.892.068)	(789.797.905)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>298.733.582.234</b>	<b>195.674.401.585</b>
131	1. Phải thu của khách hàng	<b>6</b>	265.301.208.588	138.172.363.148
131.1	1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		265.301.208.588	138.172.363.148
132	2. Trả trước cho người bán		1.854.102.733	2.000.007.331
135	3. Các khoản phải thu khác	<b>7</b>	51.337.153.214	69.515.102.876
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(19.758.882.301)	(14.013.071.770)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>146.828.992</b>	<b>-</b>
141	1. Hàng tồn kho		146.828.992	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>49.950.643.817</b>	<b>11.025.699.397</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		42.866.113.304	547.126.890
151.1	1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		42.446.555.541	-
151.2	1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác		419.557.763	547.126.890
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		404.432.939	4.514.418.386
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	<b>8</b>	6.680.097.574	5.964.154.121
<b>190</b>	<b>VI. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>19.1</b>	<b>557.622.820.930</b>	<b>398.217.981.490</b>
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		214.249.195.339	187.943.303.844
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		343.373.625.591	210.274.677.646

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh)
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)</b>		<b>303.205.839.885</b>	<b>267.802.065.694</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
218	1. Phải thu dài hạn khác		6.000.000.000	6.000.000.000
218.1	1.1. Kỳ quỹ bảo hiểm	9	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>20.748.306.681</b>	<b>16.522.663.400</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	14.211.593.725	9.964.283.772
222	- Nguyên giá		40.280.132.768	32.979.460.493
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.068.539.043)	(23.015.176.721)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	6.536.712.956	6.558.379.628
228	- Nguyên giá		6.606.599.125	6.606.599.125
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(69.886.169)	(48.219.497)
<b>250</b>	<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>274.192.172.163</b>	<b>243.612.849.277</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		34.660.020.000	34.660.020.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác		256.090.000.000	226.235.833.333
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(16.557.847.837)	(17.283.004.056)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.265.361.041</b>	<b>1.666.553.017</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.219.406.495	1.231.828.056
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	418.770.415
268	3. Tài sản dài hạn khác		45.954.546	15.954.546
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>		<b>2.386.372.893.373</b>	<b>1.895.859.583.408</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh)
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>		<b>1.508.281.622.194</b>	<b>1.117.911.894.713</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.500.886.362.618</b>	<b>1.114.082.304.968</b>
312	1. Phải trả cho người bán	14	271.284.029.874	200.510.520.813
312.1	1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		271.265.447.057	200.509.206.114
312.2	1.2. Phải trả khác cho người bán		18.582.817	1.314.699
313	2. Người mua trả tiền trước		3.869.042.310	3.739.260.779
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	26.210.700.683	16.628.914.668
315	4. Phải trả người lao động		29.938.955.213	31.799.561.513
316	5. Chi phí phải trả	16	14.304.710.299	6.492.201.071
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	11.702.220.027	10.327.303.352
319.1	7. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	18	42.215.411.883	-
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.931.236.644	5.585.049.585
329	9. Dự phòng nghiệp vụ	19	1.097.430.055.685	838.999.493.187
329.1	9.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		569.539.138.918	456.786.545.766
329.2	9.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		454.441.140.575	315.922.310.556
329.3	9.3. Dự phòng dao động lớn		73.449.776.192	66.290.636.865
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>7.395.259.576</b>	<b>3.829.589.745</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		2.554.754.614	168.000.000
335	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		71.521.103	-
338	3. Doanh thu chưa thực hiện		4.768.983.859	3.661.589.745

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

B01 - DNPT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh)
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>		<b>878.091.271.179</b>	<b>777.947.688.695</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>878.091.271.179</b>	<b>777.947.688.695</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		762.299.820.000	660.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.875.765.330	4.875.765.330
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		1.800.187.891	1.800.187.891
419	4. Quỹ dự trữ bắt buộc		17.652.521.022	13.311.197.165
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		91.462.976.936	97.960.538.309
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>		<b>2.386.372.893.373</b>	<b>1.895.859.583.408</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh)
1. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	2.293.099.309	2.293.099.309
2. Hợp đồng chưa phát sinh trách nhiệm	108.906.611.908	48.588.799.997
3. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	711.649,95	42.480,11
- Euro (EUR)	262,62	270,49

Ông Nguyễn Xuân Đông  
Chuyên viên  
Ban Tài chính - Kế toán

Bà Lại Ngân Giang  
Giám đốc  
Ban Tài chính - Kế toán



Ông Trần Hoài An  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 02 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TỔNG HỢP  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	719.833.500.849	633.634.049.933
12	2. Doanh thu hoạt động tái chính	134.417.547.204	133.432.394.245
13	3. Thu nhập khác	1.511.280.754	1.371.705.329
20	4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(506.422.273.237)	(466.276.972.358)
22	5. Chi phí hoạt động tái chính	(24.582.750.297)	(14.856.654.199)
23	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(210.288.525.981)	(173.166.557.133)
24	7. Chi phí khác	(3.443.136.753)	(852.295.654)
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+12+13+20+22+23+24)	111.025.642.539	113.285.670.163
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(23.708.873.885)	(28.726.052.797)
52	10. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(490.291.518)	418.770.415
60	11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50+51+52)	86.826.477.136	84.978.387.781

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)  
PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG  
cho năm tái chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 + 01.3)</b>	<b>21</b>	<b>1.003.665.984.251</b>	<b>859.583.660.606</b>
	Trong đó:			
01.1	- Phí bảo hiểm gốc		991.163.210.452	789.650.231.627
01.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		125.284.251.720	102.243.261.530
01.3	- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		(112.781.477.921)	(32.309.832.551)
<b>02</b>	<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 + 02.2)</b>	<b>22</b>	<b>(374.227.637.935)</b>	<b>(348.953.115.256)</b>
	Trong đó:			
02.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(400.533.529.430)	(351.384.227.554)
02.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		26.305.891.495	2.431.112.298
<b>03</b>	<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 + 02)</b>		<b>629.438.346.316</b>	<b>510.630.545.350</b>
<b>04</b>	<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)</b>		<b>90.395.154.533</b>	<b>123.003.504.583</b>
	Trong đó:			
04.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	23	66.719.366.827	88.507.963.297
04.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		23.675.787.706	34.495.541.286
<b>10</b>	<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10= 03+04)</b>		<b>719.833.500.849</b>	<b>633.634.049.933</b>
<b>11</b>	<b>6. Chi bồi thường (11 = 11.1 + 11.2)</b>	<b>24</b>	<b>(341.821.967.676)</b>	<b>(291.292.930.780)</b>
	Trong đó:			
11.1	- Tổng chi bồi thường		(342.644.929.219)	(291.292.930.780)
11.2	- Các khoản giảm trừ		822.961.543	-
<b>12</b>	<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>		<b>108.261.964.428</b>	<b>112.037.262.017</b>
<b>13</b>	<b>8. Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>		<b>(128.204.472.257)</b>	<b>(77.376.126.560)</b>
<b>14</b>	<b>9. Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>		<b>123.953.986.544</b>	<b>48.399.675.028</b>
<b>15</b>	<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 + 12 + 13 + 14)</b>		<b>(237.810.488.961)</b>	<b>(208.232.120.295)</b>
<b>16</b>	<b>11. Tăng dự phòng dao động lớn</b>		<b>(7.159.139.327)</b>	<b>(11.167.211.057)</b>

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

B02 - DNPNT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)  
PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
17	12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2) Trong đó:	25	(261.452.644.949)	(246.877.641.006)
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm		(65.502.553.283)	(94.292.765.547)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(195.950.091.666)	(152.584.875.459)
18	13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)		(506.422.273.237)	(466.276.972.358)
19	14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19= 10 + 18)		213.411.227.612	167.357.077.575
23	15. Doanh thu hoạt động tài chính	26	134.417.547.204	133.432.394.245
24	16. Chi phí hoạt động tài chính	27	(24.582.750.297)	(14.856.654.199)
25	17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 + 24)		109.834.796.907	118.575.740.046
26	18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(210.288.525.981)	(173.166.557.133)
30	19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 19 + 25 + 26)		112.957.498.538	112.766.260.488
31	20. Thu nhập khác		1.511.280.754	1.371.705.329
32	21. Chi phí khác		(3.443.136.753)	(852.295.654)
40	22. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)		(1.931.855.999)	519.409.675
50	23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)		111.025.642.539	113.285.670.163
51	24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	(23.708.873.885)	(28.726.052.797)
52	25. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29	(490.291.518)	418.770.415
60	26. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)		86.826.477.136	84.978.387.781

Ông Nguyễn Xuân Đông  
Chuyên viên  
Ban Tài chính - Kế toán

Bà Lại Ngân Giang  
Giám đốc  
Ban Tài chính - Kế toán



Ông Trần Hoài An  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 02 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>111.025.642.539</b>	<b>113.285.670.163</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		3.075.028.994	2.318.549.996
03	Các khoản dự phòng		265.794.310.973	63.702.023.524
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(115.516.810.103)	(120.528.265.152)
07	Chi phí lãi vay		-	991.208.516
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>264.378.172.403</b>	<b>59.769.187.047</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(103.271.974.050)	(77.035.491.651)
10	Tăng giảm hàng tồn kho		(146.828.992)	-
11	(Tăng)/ giảm các khoản phải trả		(19.487.851.964)	72.154.865.460
12	Tăng chi phí trả trước		(43.306.564.853)	(1.332.029.699)
13	Chi phí lãi vay đã trả		-	(991.208.516)
14	Thuế thu nhập DN đã nộp		(26.268.355.967)	(27.461.914.493)
15	Tiền thu khác từ các hoạt động kinh doanh		4.594.413.836	1.434.761.419
16	Tiền chi khác từ các hoạt động kinh doanh		(18.123.998.503)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>58.367.011.910</b>	<b>26.538.169.567</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.300.672.275)	(6.332.304.646)
23	Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác		(1.133.395.364.022)	(1.257.167.426.157)
24	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư		1.070.422.368.044	1.181.651.779.454
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		101.728.606.468	120.528.265.153
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>31.454.938.215</b>	<b>38.680.313.804</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
	Bán cổ phiếu quỹ Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp chủ sở hữu Cổ tức, lợi nhuận đã trả	20	- 33.000.000.000 (23.943.000)	6.557.533.810 - (64.546.053.200)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>32.976.057.000</b>	<b>(57.988.519.390)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		122.798.007.125	7.229.963.981
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>22.422.009.742</b>	<b>15.192.045.761</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>145.220.016.867</b>	<b>22.422.009.742</b>

Ông Nguyễn Xuân Đông  
Chuyên viên  
Ban Tài chính - Kế toán

Bà Lại Ngân Giang  
Giám đốc  
Ban Tài chính - Kế toán



Ông Trần Hoài An  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 02 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Tổng Công ty") được thành lập vào ngày 1 tháng 10 năm 2010 theo Giấy phép Điều chỉnh số 11/GPDDC7/KDBH ngày 1 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính.

Tổng Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty Bảo hiểm BIDV – là công ty con của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Tổng Công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 11GP/KDBH ngày 10 tháng 4 năm 2006 do Bộ Tài chính cấp. Ngày 5 tháng 8 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần, tổng số lượng cổ phần phát hành cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chiếm 82.3%, các cổ đông khác chiếm 17,7% vốn điều lệ. Tại ngày 5 tháng 5 năm 2014, Tổng Công ty thực hiện phát hành cổ phần BIC theo chương trình quyền chọn mua cổ phần đối với cán bộ (ESOP). Tại thời điểm lập báo cáo tỷ lệ cổ phần nắm giữ bởi BIDV chiếm 78.38%, các cổ đông khác chiếm 21.62% vốn điều lệ.

Một số thông tin quan trọng của công ty cổ phần bao gồm:

Tên Công ty: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 16, tháp A, toà nhà Vincom, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Lĩnh vực hoạt động: Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty có một công ty con như sau:

<i>Công ty con</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty</i>
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt	Tầng 3, Tòa nhà LVB, Số 44 - Đại lộ Lanexang, Quận Chanthabouly, Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	65%

**Vốn Điều lệ**

Số vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 762 tỷ đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 660 tỷ đồng).

**Mạng lưới hoạt động**

Tổng Công ty có Trụ sở chính đặt tại tầng 16, tháp A, toà nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có hai mươi lăm (25) công ty thành viên trên cả nước.

**Nhân viên**

Tổng số cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 693 người (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 628 người).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm ban hành kèm theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 20 tháng 03 năm 2006 về chế độ kế toán doanh nghiệp, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa cũng không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng phản ánh các hoạt động của riêng Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ Tổng Công ty và công ty con được lập riêng và độc lập với báo cáo tài chính riêng này. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tổng Công ty là Nhật ký sổ cài.

### 2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đồng tiền kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty là đồng Việt Nam [VNĐ].

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Tổng Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ thuộc lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ như sau:

Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 232/2012/TT-BTC hướng dẫn về kế toán đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ("Thông tư 232"). Thông tư có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thay thế các nội dung hướng dẫn kế toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ban hành theo Quyết định 1296/TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296/TC/QĐ/CĐKT.

Theo quy định trong Thông tư 232/2012/TT-BTC, nguyên tắc, phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ có thay đổi trọng yếu như sau:

##### (i) Hoa hồng bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ phải theo dõi chi tiết các khoản doanh thu, chi phí hoa hồng bảo hiểm thực tế đã phát sinh chưa phân bổ trong kỳ cho từng loại hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc, nhận và nhượng tái bảo hiểm. Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải xác định khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu hoặc chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm và chi phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính.

Khoản chi phí hoa hồng bảo hiểm phải trả thực tế đã phát sinh nhưng chưa được tính vào chi phí kinh doanh bảo hiểm của kỳ phát sinh được theo dõi trên khoản mục "Chi phí trả trước ngắn hạn". Khoản doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm thực tế đã phát sinh nhưng chưa được ghi nhận vào doanh thu của kỳ phát sinh được theo dõi trên khoản mục "Doanh thu chưa thực hiện". Đồng thời phải thuyết minh cơ sở và định lượng của số trích lập bổ sung hoặc hoán nhập các khoản dự phòng này nếu xác định được.

##### (ii) Dự phòng nghiệp vụ

Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc, nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tài bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.1. Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)**

##### *(i) Ghi nhận chi phí kinh doanh bảo hiểm*

Chi phí kinh doanh bảo hiểm bao gồm toàn bộ các chi phí thực tế liên quan đến việc thực hiện các hoạt động kinh doanh bảo hiểm như chi thiết kế, xây dựng, giới thiệu sản phẩm bảo hiểm, chi giảm định tổn thất, điều tra, thu thập thông tin liên quan đến sự kiện bảo hiểm, chi bồi thường, trích lập dự phòng, chi xử lý hàng tổn thất đã được giải quyết bồi thường 100%, chi đòi người thứ ba bồi hoàn, chi đánh giá, giám định rủi ro đối tượng bảo hiểm, chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác bảo hiểm (như hoa hồng bảo hiểm, chi phí liên quan hoạt động bán bảo hiểm, chi quản lý đại lý bảo hiểm, chi tuyển dụng, đào tạo, chi khen thưởng cho đại lý bảo hiểm,...) và các khoản chi khác như chi nộp quỹ bảo vệ người được bảo hiểm, chi nộp các quỹ khác theo quy định của chế độ tài chính.

##### *(ii) Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả tái bảo hiểm*

Phải thu và phải trả về hoa hồng nhượng tái, nhận tái bảo hiểm được cân trừ với phải trả về phí nhượng và phải thu về phí nhận tái bảo hiểm trên bảng cân đối kế toán riêng.

Ngoài ra, do sự thay đổi về việc trình bày các khoản mục trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, Tổng Công ty cũng đã điều chỉnh, trình bày lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính riêng kỳ trước để phù hợp với quy định tại Thông tư 232. Số dư và biến động dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường được trình bày riêng rẽ giữa nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm trên Bảng cân đối kế toán riêng và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **3.2 Trình bày và thuyết minh về các công cụ tài chính**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính, Tổng Công ty chỉ áp dụng các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính cũng như các khái niệm liên quan khác để trình bày các thuyết minh bổ sung về công cụ tài chính theo yêu cầu của Thông tư 210. Các khoản mục tài sản và nợ của Tổng Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tái chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tái chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

#### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa	8 -25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không khấu hao

#### 3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÁI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tái chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Đầu tư tài chính

##### 3.9.1 Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán nợ và chứng khoán vốn. Đầu tư chứng khoán được phân loại thành đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn như sau:

- ▶ Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết đáo hạn trong vòng 12 tháng hoặc dự định nắm giữ dưới một năm;
- ▶ Đầu tư dài hạn bao gồm các khoản đầu tư trái phiếu công ty và cổ phiếu chưa niêm yết dự định nắm giữ trên một năm.

Tất cả các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Định kỳ, chứng khoán đầu tư sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm lâu dài. Bất kỳ khoản lỗ nào do dự phòng giảm giá đều phải được ghi nhận vào "Chi phí tài chính" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

##### 3.9.2 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Tổng Công ty có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Tổng Công ty là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua vấn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Định kỳ, các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Bất kỳ khoản lỗ nào do dự phòng giảm giá phải được ghi nhận vào "Chi phí tái chính" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

##### 3.9.3 Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo chính sách kế toán của Tổng Công ty phù hợp với Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC. Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây:

#### Đối với chứng khoán niêm yết

Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, nếu xét thấy có bằng chứng khách quan về việc giảm giá thị trường so với giá đang hạch toán trên sổ sách kế toán thì phần giảm giá được tính bằng khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá thực tế thị trường của chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng theo công thức quy định trong Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Đầu tư tài chính (tiếp theo)**

**3.9.3 Dự phòng giảm giá đầu tư (tiếp theo)**

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \text{Số lượng chứng khoán giảm giá tại thời điểm khóa sổ báo cáo tái chính} \times \left( \text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán} - \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm khóa sổ báo cáo tái chính} \right)$$

Đối với chứng khoán chưa niêm yết (OTC)

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, những phương pháp dưới đây được sử dụng để tính giá trị hợp lý phục vụ cho việc so sánh với giá trị ghi sổ nhằm xác định mức tổn thất dự phòng:

- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Đối với các chứng khoán chưa có giá tham chiếu làm cơ sở trích lập dự phòng, Tổng Công ty xem xét sử dụng giá trị sổ sách của chứng khoán.

Đầu tư góp vốn vào các tổ chức kinh tế

Đối với các khoản vốn góp của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế và các khoản đầu tư dài hạn khác, phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tái chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức được nêu trong Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tái chính} = \left( \text{Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} - \text{Vốn chủ sở hữu thực có} \right) \times \frac{\text{Vốn đầu tư của Tổng Công ty}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Căn cứ để lập dự phòng khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm báo cáo tái chính của tổ chức kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.10 Đầu tư vào Công ty con**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### **3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **3.12 Lợi ích nhân viên**

##### **3.12.1 Trợ cấp hưu trí**

Trợ cấp hưu trí được Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trả cho nhân viên của Tổng Công ty đã nghỉ hưu. Tổng Công ty có trách nhiệm đóng góp một phần vào khoản trợ cấp này bằng cách đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho Cơ quan Bảo Hiểm Xã hội ở mức 18% lương cơ bản của nhân viên.

Tổng Công ty đã ban hành quy định số 100/QĐ-HĐQT ngày 1 tháng 8 năm 2014 về chế độ hưu trí với cán bộ nhân viên Tổng Công ty, bao gồm các quyền lợi như nghỉ dưỡng sức, nghỉ phép năm, thăm quan, nghỉ mát, trợ cấp hưu trí theo chức danh, vị trí, thâm niên công tác và trợ cấp khác trên cơ sở thành tích thi đua.

##### **3.12.2 Quỹ bảo hiểm thất nghiệp**

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ thì Quỹ bảo hiểm thất nghiệp sẽ được áp dụng từ 01/01/2009 theo đó người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công thành đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm (i) dự phòng phí chưa được hưởng, (ii) dự phòng bồi thường và (iii) dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

##### (i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Tổng Công ty áp dụng phương pháp từng ngày để tính phí bảo hiểm chưa được hưởng cho tất cả các loại hình bảo hiểm theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm giữ lại} * \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm}}$$

##### (ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR) được trích lập theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty tính toán dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại cho năm tài chính hiện tại} = \frac{\text{Tổng số tiền bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm nhưng chưa khiếu nại của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp}} \times \text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại} \times \frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính trước}} \times \frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính trước}}$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

##### (iii) Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích lập mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại theo qui định tại Thông tư 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài Chính đã ban hành Quyết định 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 1 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đối bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài Chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định chế độ tái chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tỷ lệ trích lập hiện tại là 1% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm (năm 2013 tỷ lệ trích lập là 2%)

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("CMKTVN số 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đã áp dụng nhất quán trong năm trước và Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố - BIDV. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.15 Phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ và chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

- ▶ Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm, và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ theo nghị định 46/2007/ND-CP ngày 22 tháng 3 năm 2007 ban hành bởi Bộ Tài Chính.
- ▶ Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

##### (i) Doanh thu bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT/BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 ("Thông tư 125") do Bộ Tài Chính ban hành hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm và (3) Hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn phải hạch toán vào thu nhập khoản tiền cho bên mua bảo hiểm nợ mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm thỏa thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thỏa thuận. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối niên độ kế toán được ghi nhận ở phần "Doanh thu chưa thực hiện" trên bảng cân đối kế toán.

##### (ii) Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mã tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### (iii) Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Tổng Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Tổng Công ty mà chỉ được cập nhật số lượng cổ phiếu trên danh mục đầu tư của Tổng Công ty.

#### 3.17 Ghi nhận chi phí

##### (i) Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tái chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Ghi nhận chi phí (tiếp theo)**

*(ii) Chi hoa hồng*

Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc theo quy định tại Thông tư số 124/2012/TT/BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 do Bộ Tái Chính ban hành. Chi phí hoa hồng được phân bổ và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tương ứng với phí bảo hiểm được hưởng.

*(iii) Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác*

Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác được ghi nhận khi phát sinh.

*(iv) Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.18 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm**

*(i) Nhượng tái bảo hiểm*

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm và chi phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phóng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính.

*(ii) Nhận tái bảo hiểm*

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định

- ▶ Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm (tiếp theo)

##### (ii) Nhận tái bảo hiểm (tiếp theo)

Nhận tài bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

- ▶ Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- ▶ Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm; và
- ▶ Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận nhận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm và chi phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phần bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính – phương pháp từng ngày.

#### 3.19 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán riêng giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÁI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tái chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.20 Sử dụng các ước tính**

Việc trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày những khoản công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả lập dự phòng. Các ước tính này chủ yếu được dựa trên định tính và rủi ro chưa xác định nên kết quả thực tế có thể sẽ rất khác dẫn tới việc dự phòng có thể phải sửa đổi.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Tiền mặt tại quỹ	519.564.735	547.650.628
Trong đó:		
VNĐ	519.564.735	547.650.628
Tiền gửi ngân hàng	41.699.708.393	21.874.359.114
Trong đó:		
VNĐ	26.481.398.477	20.970.836.083
Ngoại tệ	15.218.309.916	903.523.031
Tiền đang chuyển	7.500.743.739	-
Tương đương tiền (*)	95.500.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>145.220.016.867</u></b>	<b><u>22.422.009.742</u></b>

(\*) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và các ngân hàng thương mại khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<i>Thuyết minh</i>	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		72.626.052.716	100.507.223.405
- Cổ phiếu niêm yết	(i)	67.187.909.716	50.169.080.405
- Cổ phiếu chưa niêm yết	(i)	5.438.143.000	5.438.143.000
- Trái phiếu công ty		-	44.900.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		962.000.000.000	901.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn - VNĐ	(ii)	962.000.000.000	901.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(3.132.892.068)	(789.797.905)
<b>Giá trị thuần của đầu tư ngắn hạn</b>		<b><u>1.031.493.160.648</u></b>	<b><u>1.000.717.425.500</u></b>

(i) Chi tiết danh mục đầu tư cổ phiếu của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

<i>Mã cổ phiếu</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>3.221.947</b>	<b>67.187.909.716</b>	<b>2.217.880</b>	<b>50.169.080.405</b>
VNR	1.267.110	16.181.794.140	974.700	16.181.794.140
PVD	-	-	50.000	2.930.671.054
PVS	-	-	199.000	2.935.997.400
HCM	251.697	9.507.668.437	210.310	4.484.817.326
PHR	-	-	53.480	1.590.896.437
TNB	-	-	46.100	537.028.020
FPT	156.300	7.863.352.668	152.010	6.997.435.153
MBB	-	-	131.250	1.717.804.000
PGS	-	-	72.800	1.517.964.421
DPM	-	-	66.970	2.906.122.657
REE	159.500	4.604.834.660	159.260	4.353.106.570
DRC	-	-	102.000	4.015.443.227
VCG	257.700	3.700.923.070	-	-
TCM	242.950	7.999.727.978	-	-
KBC	601.000	9.329.852.100	-	-
SSI	285.690	7.999.756.663	-	-
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>371.849</b>	<b>5.438.143.000</b>	<b>371.849</b>	<b>5.438.143.000</b>
DAB	235.449	1.648.143.000	235.449	1.648.143.000
SABECO	100.000	3.000.000.000	100.000	3.000.000.000
VIDIFA	14.400	450.000.000	14.400	450.000.000
VTEC	22.000	340.000.000	22.000	340.000.000
	<b><u>3.593.796</u></b>	<b><u>72.626.052.716</u></b>	<b><u>2.589.729</u></b>	<b><u>55.607.223.405</u></b>

(ii) Đây là các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và các ngân hàng thương mại khác có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tái chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Phải thu phí bảo hiểm gốc	76.415.891.438	37.812.675.801
Phải thu phí nhận tái bảo hiểm	60.696.642.289	32.697.543.695
Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	120.342.137.044	61.734.514.063
Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	6.416.442.190	4.609.397.090
Phải thu khác	1.430.095.627	1.318.232.499
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>265.301.208.588</u></b>	<b><u>138.172.363.148</u></b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Dự thu lãi tiền gửi và trái phiếu	46.303.806.694	35.289.989.321
Phải thu cổ tức	89.676.000	-
Phải thu khác	4.943.670.520	34.225.113.555
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>51.337.153.214</u></b>	<b><u>69.515.102.876</u></b>

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Tạm ứng (*)	4.318.902.281	5.449.144.121
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	580.800.000	490.800.000
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn khác	1.780.395.293	24.210.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>6.680.097.574</u></b>	<b><u>5.964.154.121</u></b>

(\*) Đây là các khoản tạm ứng công tác phí, khai thác, bồi thường và các khoản tạm ứng khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh.

**9. KÝ QUỸ BẢO HIỂM**

Tổng Công ty đã thực hiện ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định tương đương 6 tỷ đồng Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Nguyên giá	Nhà cửa VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị dụng cụ quản lý VNĐ	TSCĐ khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số đầu năm	2.300.000.000	2.278.812.525	28.201.818.114	-	198.829.854	32.979.460.493
Tăng trong năm	-	520.285.911	6.696.179.091	52.727.273	31.480.000	7.300.672.275
Mua mới	-	520.285.911	6.696.179.091	52.727.273	31.480.000	7.300.672.275
Số cuối năm	2.300.000.000	2.799.098.436	34.897.997.205	52.727.273	230.309.854	40.280.132.768
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số đầu năm	(168.666.674)	(2.009.947.193)	(20.744.568.750)	-	(91.994.104)	(23.015.176.721)
Tăng trong năm	(92.000.004)	(209.194.408)	(2.711.846.415)	(5.888.155)	(34.433.340)	(3.053.362.322)
Khấu hao trong năm	(92.000.004)	(209.194.408)	(2.711.846.415)	(5.888.155)	(34.433.340)	(3.053.362.322)
Số cuối năm	(260.666.678)	(2.219.141.601)	(23.456.415.165)	(5.888.155)	(126.427.444)	(26.068.539.043)
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	2.131.333.326	268.865.332	7.457.249.364	-	106.835.750	9.964.283.772
Số cuối năm	2.039.333.322	579.956.835	11.441.582.040	46.839.118	103.882.410	14.211.593.725

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	<i>Phần mềm VNĐ</i>	<i>Quyền sử dụng đất VNĐ</i>	<i>Tổng cộng VNĐ</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	106.599.125	6.500.000.000	6.606.599.125
Số cuối năm	<u>106.599.125</u>	<u>6.500.000.000</u>	<u>6.606.599.125</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm	(48.219.497)	-	(48.219.497)
Khấu hao trong năm	<u>(21.666.672)</u>	-	<u>(21.666.672)</u>
Số cuối năm	<u>(69.886.169)</u>	-	<u>(69.886.169)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	<u>58.379.628</u>	<u>6.500.000.000</u>	<u>6.558.379.628</u>
Số cuối năm	<u>36.712.956</u>	<u>6.500.000.000</u>	<u>6.536.712.956</u>

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Đầu tư trái phiếu dài hạn	(i)	130.000.000.000	150.145.833.333
Đầu tư vào công ty con	(ii)	34.660.020.000	34.660.020.000
Đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết	(iii)	76.090.000.000	76.090.000.000
Đầu tư dài hạn khác	(iv)	<u>50.000.000.000</u>	-
		<b>290.750.020.000</b>	<b>260.895.853.333</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(v)	<u>(16.557.847.837)</u>	<u>(17.283.004.056)</u>
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b><u>274.192.172.163</u></b>	<b><u>243.612.849.277</u></b>

(i) *Đầu tư trái phiếu dài hạn*

Đây là các khoản đầu tư vào trái phiếu, chi tiết như sau:

	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Lãi suất năm</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>
Trái phiếu Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị (*)	3 năm	10.08%	50.000.000.000
Trái phiếu Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng	3 năm	9.05%	50.000.000.000
Trái phiếu Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng	5 năm	8.50%	<u>30.000.000.000</u>
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>130.000.000.000</u></b>

(\*) Trái phiếu này được bảo lãnh thanh toán gốc và lãi bởi Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

(i) *Đầu tư trái phiếu dài hạn (tiếp theo)*

	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Số đầu năm VNĐ
Trái phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3 năm	9,55%	30.145.833.333
Trái phiếu Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị	3 năm	11,9%	50.000.000.000
Trái phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3 năm	9,55%	20.000.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	3 năm	10,0%	50.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>150.145.833.333</u></b>

(ii) *Đầu tư vào công ty con*

Đây là các khoản đầu tư vào Công ty Bảo hiểm Lào Việt. Chi tiết như sau:

Theo Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 146/BKH/ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 19 tháng 06 năm 2008, Tổng Công ty đã đầu tư vào một liên doanh tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với số vốn đầu tư là 1.530.000 USD để thành lập ra Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt ("Công ty Liên doanh") trong đó Tổng Công ty sở hữu 51% tổng số vốn điều lệ. Thời gian hoạt động của Dự án là 50 năm.

Ngày 02 tháng 08 năm 2013, Tổng Công ty đã tăng vốn đầu tư vào Công ty Liên doanh này với số vốn tăng thêm là 420.000 USD, theo Giấy Chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 146/BKHĐT-ĐTRNN-ĐT1. Theo đó, Tổng Công ty nắm giữ quyền kiểm soát đối với Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt và Công ty liên doanh này là công ty con của Tổng Công ty. Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty hạch toán khoản đầu tư này theo phương pháp giá gốc.

(iii) *Đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết*

	% sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Đơn giá gốc	Số tiền VNĐ
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	4.24%	1.000.000	26.090	26.090.000.000
Công ty Cổ phần Tài chính Vinaconex -Viettel	5%	<u>5.000.000</u>	10.000	<u>50.000.000.000</u>
<b>Tổng cộng</b>		<b><u>6.000.000</u></b>		<b><u>76.090.000.000</u></b>

(iv) *Đầu tư dài hạn khác*

Đây là khoản đầu tư của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 vào Công ty bảo hiểm Nhân thọ BIDV Metlife với số tiền là 50.000.000.000 đồng (tương đương với 5% vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư)

(v) *Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn*

Đây là khoản dự phòng trích lập cho Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các tài sản được phân loại lại do không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC, khoản chi phí sửa chữa văn phòng của một số Công ty thành viên và phân bổ công cụ dụng cụ có thời gian sử dụng trên 1 năm.

**14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
<b>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</b>	<b>271.265.447.057</b>	<b>200.509.206.114</b>
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	226.652.690.978	165.849.363.827
Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	5.985.184.480	3.253.113.974
Phải trả bồi thường bảo hiểm	10.073.891.721	9.330.479.978
Phải trả hoa hồng bảo hiểm	13.439.801.383	13.998.583.431
Phải trả cho hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường (XOL)	15.098.240.047	8.044.001.857
Phải trả khác về hoạt động bảo hiểm	15.638.448	33.663.047
<b>Phải trả khác</b>	<b>18.582.817</b>	<b>1.314.699</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>271.284.029.874</b>	<b>200.510.520.813</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VNĐ	<i>Phát sinh trong kỳ</i>		Số cuối năm VNĐ
		Số phải nộp VNĐ	Số đã nộp VNĐ	
Thuế giá trị gia tăng	6.505.217.593	53.276.198.533	(51.773.420.835)	8.007.995.291
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.232.158.623	31.640.507.107	(26.268.355.967)	11.604.309.763
Thuế khác	3.891.538.452	15.919.050.792	(13.212.193.615)	6.598.395.629
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.628.914.668</b>	<b>100.835.756.432</b>	<b>(91.253.970.417)</b>	<b>26.210.700.683</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Chi phí phải trả về thuê văn phòng	-	21.387.273
Quỹ trách nhiệm dân sự bắt buộc	829.535.849	1.741.468.477
Quỹ bảo vệ chủ hợp đồng	1.994.971.439	1.675.081.658
Quỹ cháy nổ bắt buộc	466.421.912	310.000.000
Các chi phí phải trả khác	11.013.781.099	2.744.263.663
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.304.710.299</b>	<b>6.492.201.071</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Các khoản phải trả ngoài lương	468.952.905	36.984.142
Kỳ quỹ ngắn hạn	2.754.576.068	1.184.121.926
Các quỹ từ thiện	275.984.859	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.202.706.195	9.106.197.284
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>11.702.220.027</u></b>	<b><u>10.327.303.352</u></b>

**18. DOANH THU HOA HỒNG CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG**

Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng bao gồm các khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm và doanh thu nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng được chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo Thông tư 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

**19. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

**19.1. Dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường**

	<i>Dự phòng báo hiểm gốc và nhận tái</i>	<i>Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (tài sản tái báo hiểm)</i>	<i>Dự phòng báo hiểm thuần</i>
<b>Số đầu năm</b>			
Dự phòng phí chưa được hưởng	456.786.545.766	(187.943.303.844)	268.843.241.922
Dự phòng bồi thường	315.922.310.556	(210.274.677.646)	105.647.632.910
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>772.708.856.322</u></b>	<b><u>(398.217.981.490)</u></b>	<b><u>374.490.874.832</u></b>
<b>Số cuối năm</b>			
Dự phòng phí chưa được hưởng	569.539.138.918	(214.249.195.339)	355.289.943.579
Dự phòng bồi thường	454.441.140.575	(343.373.625.591)	111.067.514.984
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.023.980.279.493</u></b>	<b><u>(557.622.820.930)</u></b>	<b><u>466.357.458.563</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)**

**19.1. Dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường (tiếp theo)**

**19.1.1 Dự phòng phí**

*Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tài bảo hiểm*

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Sức khỏe và tai nạn con người	72.089.568.149	45.440.608.534
Tài sản và thiệt hại	220.282.151.730	191.809.254.419
Hàng hoá vận chuyển	5.925.865.302	4.367.689.221
Xe cơ giới	188.182.532.276	153.758.455.571
Cháy nổ	59.891.962.275	42.010.218.773
Trách nhiệm	5.242.212.597	4.917.018.965
Thiệt hại kinh doanh	3.468.036.883	3.300.379.510
Hàng không	1.339.469.250	629.976.119
Thân tàu và TNDS chủ tàu	10.453.933.859	9.136.668.751
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	2.303.016.020	1.416.275.903
Nông nghiệp	360.390.577	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>569.539.138.918</b>	<b>456.786.545.766</b>

*Dự phòng phí nhượng tài bảo hiểm (Tài sản tài bảo hiểm)*

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Sức khỏe và tai nạn con người	234.187.245	624.528.615
Tài sản và thiệt hại	159.447.206.502	149.527.556.161
Hàng hoá vận chuyển	3.963.074.519	2.870.764.163
Xe cơ giới	441.770.819	241.196.985
Cháy nổ	33.655.651.390	21.298.839.499
Trách nhiệm	3.682.681.018	3.141.269.493
Thiệt hại kinh doanh	3.257.773.694	3.165.119.164
Hàng không	694.436.663	493.662.193
Thân tàu và TNDS chủ tàu	7.066.748.986	6.194.461.318
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	1.463.293.455	385.906.253
Nông nghiệp	342.371.048	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>214.249.195.339</b>	<b>187.943.303.844</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tái chính kết thúc cùng ngày

**19. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)**

**19.1. Dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường (tiếp theo)**

**19.1.2 Dự phòng bồi thường**

*Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm*

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Sức khỏe và tai nạn con người	3.872.939.544	17.450.776.156
Tài sản và thiệt hại	168.729.242.100	165.918.199.182
Hàng hoá vận chuyển	28.732.030.489	16.458.309.744
Xe cơ giới	27.706.630.783	13.006.862.752
Cháy nổ	57.064.194.145	27.923.759.168
Trách nhiệm	1.485.697.214	3.215.661.162
Thiệt hại kinh doanh	21.085.000	240.932.425
Hàng không	13.272.763.519	14.309.080.532
Thân tàu và TNDS chủ tàu	119.419.650.661	23.647.195.985
Rủi ro tái chính và rủi ro tín dụng	33.759.520.013	32.080.883.450
Nông nghiệp	377.387.107	1.670.650.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>454.441.140.575</u></b>	<b><u>315.922.310.556</u></b>

*Dự phòng bồi thường nhượng tài bảo hiểm (Tài sản tái bảo hiểm)*

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Tài sản và thiệt hại	135.748.396.262	128.315.285.827
Hàng hoá vận chuyển	21.463.566.414	8.792.723.310
Xe cơ giới	5.998.019	171.307.559
Cháy nổ	27.120.163.084	14.856.880.020
Trách nhiệm	1.080.773.645	2.777.195.243
Thiệt hại kinh doanh	20.218.195	-
Hàng không	12.347.572.195	12.749.839.057
Thân tàu và TNDS chủ tàu	112.816.347.566	11.892.229.430
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	32.770.590.211	30.719.217.200
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>343.373.625.591</u></b>	<b><u>210.274.677.646</u></b>

Dự phòng bồi thường bao gồm:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất chưa giải quyết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 được trích lập dựa trên mức ước tính tổn thất cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo hoặc yêu cầu thanh toán nhưng chưa được giải quyết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014. Khoản dự phòng này được trích ở mức 444.297.043.113 Việt Nam đồng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014. Trong đó, phần trách nhiệm bảo hiểm có thể thu hồi được từ các công ty nhận tái bảo hiểm liên quan đến các vụ tổn thất nêu trên ước tính là 343.373.625.591 Việt Nam đồng.
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014. Khoản dự phòng này được ước tính vào khoảng 10.144.097.462 Việt Nam đồng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014. Phần dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại giảm trong kỳ là 9.763.091.070 đồng Việt Nam, được hoàn nhập vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)**

**19.2. Dự phòng dao động lớn**

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Sức khỏe và tai nạn con người	9.382.149.055	8.204.011.424
Tài sản và thiệt hại	15.439.887.909	14.072.687.442
Hàng hoá vận chuyển	2.352.066.261	2.084.516.708
Xe cơ giới	36.822.982.619	33.222.219.995
Cháy nổ	5.704.167.092	5.172.542.338
Trách nhiệm	535.256.240	506.161.907
Thiệt hại kinh doanh	71.778.747	60.159.255
Hàng không	552.942.544	529.734.225
Thân tàu và TNDS chủ tàu	1.965.697.521	1.842.937.708
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	587.990.147	568.330.134
Nông nghiệp	34.858.057	27.335.729
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>73.449.776.192</u></b>	<b><u>66.290.636.865</u></b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng		
<b>Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013</b>	<b>660.000.000.000</b>	<b>2.271.699.140</b>	<b>(6.577.533.810)</b>	<b>1.800.187.891</b>	<b>9.062.277.776</b>	<b>93.789.569.917</b>	<b>780.346.200.914</b>		
Chia cổ tức cho năm 2012	-	-	-	-	-	(65.000.000.000)	(65.000.000.000)		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	84.978.387.781	84.978.387.781		
Trích lập dự phòng bắt buộc từ lợi nhuận năm 2013	-	-	-	-	4.248.919.389	(4.248.919.389)	-		
Bán cổ phiếu quỹ	-	2.604.066.190	6.577.533.810	-	-	-	9.181.600.000		
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(11.500.000.000)	(11.500.000.000)		
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(58.500.000)	(58.500.000)		
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	<b>660.000.000.000</b>	<b>4.875.765.330</b>	<b>-</b>	<b>1.800.187.891</b>	<b>13.311.197.165</b>	<b>97.960.538.309</b>	<b>777.947.688.695</b>		
<b>Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014</b>	<b>660.000.000.000</b>	<b>4.875.765.330</b>	<b>-</b>	<b>1.800.187.891</b>	<b>13.311.197.165</b>	<b>97.960.538.309</b>	<b>777.947.688.695</b>		
Tăng vốn trong năm	102.299.820.000	-	-	-	-	-	102.299.820.000		
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	(69.299.820.000)	(69.299.820.000)		
Điều chỉnh thuế TNDN và khoản thuế khác trích thiếu các năm trước	-	-	-	-	-	(7.937.001.000)	(7.937.001.000)		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	86.826.477.136	86.826.477.136		
Tăng khác	-	-	-	-	-	1.254.106.348	1.254.106.348		
Trích lập dự phòng bắt buộc từ lợi nhuận năm 2014	-	-	-	-	4.341.323.857	(4.341.323.857)	-		
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(13.000.000.000)	(13.000.000.000)		
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>762.299.820.000</b>	<b>4.875.765.330</b>	<b>-</b>	<b>1.800.187.891</b>	<b>17.652.521.022</b>	<b>91.462.976.936</b>	<b>878.091.271.179</b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
Phí bảo hiểm gốc	991.917.847.051	792.263.387.574
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(754.636.599)	(2.613.155.947)
Phí nhận tái bảo hiểm	125.284.251.720	102.243.261.530
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	<u>(112.781.477.921)</u>	<u>(32.309.832.551)</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.003.665.984.251</u></b>	<b><u>859.583.660.606</u></b>

**21.1 Doanh thu phí bảo hiểm gốc**

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
Sức khỏe và tai nạn con người	117.570.220.732	82.139.329.020
Tài sản và thiệt hại	239.908.480.502	186.696.193.853
Hàng hoá vận chuyển	76.815.003.248	53.188.947.018
Xe cơ giới	360.667.852.779	307.743.544.590
Cháy nổ	123.686.003.020	96.379.376.719
Trách nhiệm	6.010.046.704	4.392.177.277
Thiệt hại kinh doanh	6.261.347.675	4.985.523.559
Hàng không	6.257.851.784	17.051.169.849
Thân tàu và TNDS chủ tàu	45.600.122.698	35.523.755.455
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	7.962.265.990	1.550.214.287
Nông nghiệp	424.015.320	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>991.163.210.452</u></b>	<b><u>789.650.231.627</u></b>

**21.2 Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm**

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
Sức khỏe và tai nạn con người	817.634.753	106.818.962
Tài sản và thiệt hại	96.414.464.900	79.721.450.150
Hàng hoá vận chuyển	4.534.697.430	3.308.019.899
Xe cơ giới	824.384.008	1.328.138.766
Cháy nổ	10.754.642.127	7.015.258.783
Trách nhiệm	692.601.917	273.147.603
Thiệt hại kinh doanh	5.814.965.562	4.344.349.110
Hàng không	4.229.825.429	3.511.080.996
Thân tàu và TNDS chủ tàu	470.003.567	1.726.366.556
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	-	12.338.600
Nông nghiệp	731.032.027	896.292.105
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>125.284.251.720</u></b>	<b><u>102.243.261.530</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 22. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	400.533.529.430	351.384.227.554
Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	<u>(26.305.891.495)</u>	<u>(2.431.112.298)</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>374.227.637.935</u></b>	<b><u>348.953.115.256</u></b>

### 22.1 Tổng phí nhượng tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Sức khỏe và tai nạn con người	574.092.324	1.199.531.662
Tài sản và thiệt hại	199.602.898.745	192.640.298.166
Hàng hoá vận chuyển	54.594.745.385	36.454.794.345
Xe cơ giới	1.415.974.352	705.101.724
Cháy nổ	81.278.169.698	61.015.661.915
Trách nhiệm	3.793.215.362	2.355.403.339
Thiệt hại kinh doanh	10.914.364.004	8.884.033.241
Hàng không	8.166.845.356	19.281.600.439
Thân tàu và TNDS chủ tàu	33.794.144.960	28.148.492.695
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	5.996.264.690	699.310.028
Nông nghiệp	402.814.554	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>400.533.529.430</u></b>	<b><u>351.384.227.554</u></b>

## 23. HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	66.893.781.320	88.894.204.444
Giảm trừ hoa hồng (Hoàn hoa hồng, giảm hoa hồng)	<u>(174.414.493)</u>	<u>(386.241.147)</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>66.719.366.827</u></b>	<b><u>88.507.963.297</u></b>

### 23.1 Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Sức khỏe và tai nạn con người	118.005.924	413.763.145
Tài sản và thiệt hại	29.776.425.511	51.169.057.149
Hàng hoá vận chuyển	14.417.205.478	10.475.282.307
Xe cơ giới	307.568.508	213.807.289
Cháy nổ	13.825.601.543	17.356.233.296
Trách nhiệm	543.227.826	665.216.764
Thiệt hại kinh doanh	2.140.773.045	2.034.394.244
Hàng không	441.641.631	659.143.959
Thân tàu và TNDS chủ tàu	4.640.484.562	5.109.863.300
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	500.643.178	411.201.844
Nông nghiệp	7.789.621	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>66.719.366.827</u></b>	<b><u>88.507.963.297</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. TỔNG CHI BÒI THƯỜNG BẢO HIỂM**

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Tổng chi bồi thường gốc và bồi thường nhận tái	342.644.929.219	291.292.930.780
- Chi bồi thường bảo hiểm gốc	307.616.093.398	256.300.228.559
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	35.028.835.821	34.992.702.221
Các khoản thu giảm chi (Thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu háng đã xử lý bồi thường 100%)	(822.961.543)	-
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(108.261.964.428)	(112.037.262.017)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	128.204.472.257	77.376.126.560
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(123.953.986.544)	(48.399.675.028)
<b>Tổng cộng</b>	<b>237.810.488.961</b>	<b>208.232.120.295</b>

**24.1 Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc**

Loại hình bảo hiểm	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Sức khỏe và tai nạn con người	32.191.999.097	22.314.483.415
Tái sản và thiệt hại	48.581.059.571	32.717.924.294
Hàng hoá vận chuyển	24.727.656.248	12.639.802.499
Xe cơ giới	135.107.844.093	109.556.827.124
Cháy nổ	37.606.904.151	67.658.270.599
Trách nhiệm	1.238.021.626	770.450.487
Thiệt hại kinh doanh	63.494.531	2.817.555.225
Hàng không	3.393.520.859	660.326.512
Thân tàu và TNDS chủ tàu	24.705.593.222	7.164.588.404
<b>Tổng cộng</b>	<b>307.616.093.398</b>	<b>256.300.228.559</b>

**24.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm**

Loại hình bảo hiểm	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Sức khỏe và tai nạn con người	12.175.833	287.881.472
Tái sản và thiệt hại	28.500.297.592	12.253.945.808
Hàng hoá vận chuyển	2.207.955.176	492.629.530
Xe cơ giới	1.024.820.359	759.433.519
Cháy nổ	59.317.137	5.170.103.859
Trách nhiệm	15.476.390	76.734.581
Thiệt hại kinh doanh	-	58.116.862
Hàng không	923.750.421	12.935.579.859
Thân tàu và TNDS chủ tàu	876.600	2.071.264.859
Rủi ro tái chính và rủi ro tín dụng	-	-
Nông nghiệp	2.284.166.313	887.011.872
<b>Tổng cộng</b>	<b>35.028.835.821</b>	<b>34.992.702.221</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. TỔNG CHI BÒI THƯỜNG BẢO HIỂM (tiếp theo)**

**24.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm**

Loại hình bảo hiểm	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Sức khỏe và tai nạn con người	111.165.963	101.992.530
Tài sản và thiệt hại	47.427.075.025	36.395.836.599
Hàng hoá vận chuyển	18.852.949.405	9.379.105.027
Xe cơ giới	315.579.057	256.924.164
Cháy nổ	20.403.077.121	43.289.363.057
Trách nhiệm	993.639.030	610.265.844
Thiệt hại kinh doanh	-	2.604.049.609
Hàng không	3.627.739.611	12.608.206.930
Thân tàu và TNDS chủ tàu	16.530.739.216	6.791.518.257
<b>Tổng cộng</b>	<b>108.261.964.428</b>	<b>112.037.262.017</b>

**25. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi hoa hồng bảo hiểm	65.502.553.283	94.292.765.547
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	686.940.135	495.904.279
Chi quản lý đại lý bảo hiểm	14.736.126.554	9.918.761.789
Chi đề phòng, hạn chế tổn thất	1.830.707.682	3.492.312.201
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	2.783.276.228	1.675.081.658
Chi khác (*)	175.913.041.067	137.002.815.532
<b>Tổng cộng</b>	<b>261.452.644.949</b>	<b>246.877.641.006</b>

(\*) Chi khác bao gồm các khoản chi phí liên quan tới hoạt động khai thác bảo hiểm như: chi phí lương cho nhân viên khai thác, chi phí tiếp khách, chi phí marketing,... Số liệu đầu kỳ tương ứng được phân loại lại để phù hợp với yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ theo Thông tư 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	78.573.656.468	88.327.335.835
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	16.409.056.557	24.981.602.928
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.798.277.862	6.154.159.100
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.228.817.523	9.894.677.336
Lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	22.343.383.568	4.068.379.848
Doanh thu hoạt động tài chính khác	64.355.226	6.239.198
<b>Tổng cộng</b>	<b>134.417.547.204</b>	<b>133.432.394.245</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lãi tiền vay	607.809	991.208.516
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	352.606.115	84.994.811
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	5.396.060.506	180.190.751
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.279.560.502	10.142.489.430
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.517.937.944	2.632.380.812
Chi phí tài chính khác	35.977.421	825.389.879
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>24.582.750.297</u></b>	<b><u>14.856.654.199</u></b>

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí nhân viên	102.458.949.624	72.384.645.061
Chi phí vật liệu	7.849.617.003	10.836.442.351
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.282.715.226	3.068.239.533
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.075.028.994	2.318.549.996
Thuế, phí và lệ phí	4.013.708.528	3.258.631.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.457.445.928	73.743.985.301
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.845.810.531	3.017.660.364
Chi phí bằng tiền khác	3.305.250.147	4.538.403.317
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>210.288.525.981</u></b>	<b><u>173.166.557.133</u></b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP**

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 22% lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**29.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.708.873.885	28.726.052.797
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	490.291.518	(418.770.415)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b><u>24.199.165.403</u></b>	<b><u>28.307.282.382</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP** (tiếp theo)

**29.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Bảng đối chiếu giữa thu nhập kế toán và thu nhập chịu thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trình bày dưới đây:

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
<b>Lợi nhuận kế toán thuần trước thuế</b>	<b>111.025.642.539</b>	<b>113.285.670.163</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>10.754.477.501</b>	<b>4.857.516.459</b>
Chi phí không được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế	6.452.047.901	3.182.434.801
Phạt nộp chậm thuế	2.307.458.161	-
Trích quỹ bảo vệ người được bảo hiểm	1.994.971.439	1.675.081.658
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>(14.012.511.471)</b>	<b>(6.154.159.100)</b>
Thu lãi cổ tức	(5.503.277.862)	(6.154.159.100)
Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm năm trước	(1.675.081.658)	-
Chi phí định hạng tín dụng năm 2013	(882.683.333)	-
Các khoản ước nhận tái cố định	(5.951.468.618)	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>107.767.608.569</b>	<b>111.989.027.522</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính kỳ hiện hành	23.708.873.885	27.997.256.881
<b>Chi phí thuế thu nhập kỳ hiện hành</b>	<b>23.708.873.885</b>	<b>27.997.256.881</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu kỳ	6.232.158.623	4.968.020.319
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	7.931.633.222	728.795.916
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong kỳ	(26.268.355.967)	(27.461.914.493)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối kỳ</b>	<b>11.604.309.763</b>	<b>6.232.158.623</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các công ty có liên quan trong kỳ như sau:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Thu nhập VNĐ</i>	<i>Chi phí VNĐ</i>
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	57.782.701.486	
		Doanh thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (phí quản lý đơn)	18.042.992.353	
		Chi phí bồi thường		3.651.439.615
		Chi phí hoa hồng		8.457.146.532
		Doanh thu từ hoạt động tiền gửi	39.824.208.383	
		Doanh thu từ lãi trái phiếu	2.786.506.850	
		Chi phí thuê văn phòng		11.501.352.949
		Phí chuyển tiền		1.332.938.858
Công ty Cho thuê Tài chính	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Doanh thu phí bảo hiểm gốc Chi phí bồi thường	596.414.549	137.864.027
Công ty Chứng khoán BIDV	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	30.467.051	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	211.695.461	
		Chi phí bồi thường		234.658.600
		Doanh thu từ hoạt động tiền gửi	3.506.550.000	
Công ty cổ phần đầu tư Công đoàn BIDV (BUC)	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	1.817.440.776	
		Chi phí bồi thường		568.676.600
Công ty Bảo hiểm Lào Việt	Công ty con	Doanh thu phí nhận tái	37.071.245.024	
		Chi hoa hồng nhận tái		7.081.805.924
		Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm		3.807.708.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả các công ty liên quan của Tổng Công ty tại ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng như sau:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Khoản phải thu VNĐ</i>	<i>Khoản phải trả VNĐ</i>
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Số dư tiền gửi thanh toán	40.027.824.600	
		Đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tại BIDV	440.500.000.000	
		Phải thu lãi tiền gửi	14.747.526.386	
		Phải thu phí bảo hiểm gốc	1.266.020.456	
		Các khoản đặt cọc, phí bảo lãnh, ký quỹ	1.281.225.185	
		Phải trả hoa hồng bảo hiểm		1.606.985.878
		Phải trả tiền thuê văn phòng		47.492.216
		Ký quỹ bảo hiểm tại BIDV	6.000.000.000	
Công ty Cho thuê Tài chính I	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Phải thu phí bảo hiểm gốc Phải trả hoa hồng bảo hiểm	118.937.927	60.398.942
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Tiền gửi có kỳ hạn	36.000.000.000	
		Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.584.722.222	
Công ty cổ phần đầu tư Công đoàn BIDV (BUC)	Công ty con của BIDV – Cổ đông lớn	Phải thu phí bảo hiểm gốc	15.266.650	
		Phải trả hoa hồng bảo hiểm		3.578.735
Công ty Bảo hiểm Lào Việt	Công ty con	Phải trả về hoa hồng nhận tái		8.921.862.197
		Phải trả bồi thường nhận tái		8.380.101.674
<b>Tổng cộng</b>			<b>541.541.523.426</b>	<b>19.020.419.642</b>

*Các khoản thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị*

	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
Thù lao Hội đồng Quản trị	532.000.000	443.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>532.000.000</b>	<b>443.500.000</b>

*Các khoản lương, thưởng của thành viên Ban Tổng Giám đốc*

	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
Lương và thưởng	4.463.361.855	3.564.036.141
Các khoản trợ cấp khác	68.800.000	556.111.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.532.161.855</b>	<b>4.120.147.141</b>

Ngoài lương và thưởng, Ban Tổng Giám đốc không có bất kỳ lợi ích nào khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực Kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận, tại đoạn 09 các bộ phận cần phải lập báo cáo được định nghĩa như sau:

- ▶ Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác;
- ▶ Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Theo bản chất hoạt động kinh doanh của BIC, mặc dù, Tổng Công ty có các công ty thành viên trên toàn quốc nhưng các công ty thành viên này đều hoạt động kinh doanh trên một lĩnh vực là bảo hiểm phi nhân thọ, cung cấp cùng một loại hình sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và chịu các rủi ro tương tự nhau. Hơn nữa, các công ty này đều hoạt động tại Việt Nam, trong cùng phạm vi môi trường kinh tế. Do đó, Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV không có các bộ phận cần phải lập và trình bày thông tin trong báo cáo tài chính riêng theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 28.

### 32. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG

*Các cam kết hoạt động*

Tổng Công ty có cam kết hoạt động liên quan đến việc thuê văn phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<i>KHOẢN MỤC</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ</i>
Cam kết thuê văn phòng	
<i>Đến hạn trong vòng 1 năm</i>	175.000.000
<i>Đến hạn trong 1 – 5 năm</i>	20.489.435.314
<i>Đến hạn trên 5 năm</i>	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>20.664.435.314</u></b>

*Thuế nhà thầu*

Tổng Công ty đã tính toán và giữ lại phần thuế nhà thầu của các nhà tái cư trú tại quốc gia không có hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam hoặc cư trú tại quốc gia có hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam mà chưa gửi hồ sơ hợp lệ liên quan cho cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### **33. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO**

#### **33.1 Cơ chế quản trị**

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ cổ đông của Tổng Công ty từ các sự kiện cản trở Tổng Công ty đạt được các mục tiêu tái chính một cách ổn định. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Tổng Công ty đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Quản trị và các ủy ban. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Quản trị đến Ban Tổng Giám đốc và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Tổng Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Tổng Công ty. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Tổng Công ty.

#### **33.2 Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm**

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Tổng Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến tài sản, trách nhiệm, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó Tổng Công ty chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ. Tổng Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Tổng Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**33. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)**

**33.3 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định**

Mục tiêu đầu tiên của Tổng Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Tổng Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn đã góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Tổng Công ty và tại Việt Nam và yêu cầu Tổng Công ty phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Tổng Công ty được quy định trong những Quyết định và Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	<i>Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty (triệu VNĐ)</i>	<i>Biên khả năng thanh toán tối thiểu (triệu VNĐ)</i>	<i>Tỷ lệ biên khả năng thanh toán</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	577.310	190.955	302%
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	657.684	135.140	487%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính Việt Nam.

**33.4 Chiến lược kinh doanh bảo hiểm**

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Tổng Công ty với mục tiêu đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh.

**33.5 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm**

Tổng Công ty tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Tổng Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, công ty nhận tái bảo hiểm đồng ý bồi hoàn số tiền thuộc trách nhiệm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần thuộc trách nhiệm công ty nhận tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Tổng Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ, mới được phép tiến hành giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 34. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Tổng Công ty phát hành hợp đồng để chuyển giao rủi ro bảo hiểm hoặc rủi ro tài chính hoặc cả hai. Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm chính của Tổng Công ty và cách thức Tổng Công ty quản lý các rủi ro liên quan.

#### 34.1 Rủi ro bảo hiểm

*Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy*

Quy trình xây dựng các giả định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giả định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giả định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn. Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giả định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và chi phí cơ bản là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi tổn thất được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các tổn thất tương tự. Các ước tính cho từng tổn thất được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh. Tác động của nhiều khoản mục ảnh hưởng đến chi phí bồi thường rất khó ước tính. Dự phóng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có.

Trích lập dự phóng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

Dự phóng bồi thường bao gồm dự phóng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- ▶ Dự phóng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết: được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, theo quy định của Thông tư số 125/2012/TT-BTC; và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR).

Tổng Công ty tính toán dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại theo công thức sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{Dự phóng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại cho năm tài chính hiện tại} \\
 = \frac{\text{Tổng số tiền bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm nhưng chưa khiếu nại của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp}} \times \text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại} \\
 \times \frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính trước}} \times \frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính trước}}
 \end{array}$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**34.1 Rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)**

*Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy (tiếp theo)*

Tổng Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thủy, bảo hiểm hàng không, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Tổng Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty đã thu xếp các hợp đồng tài bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, dành bất cứ để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Tổng Công ty.

Đối với các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Những rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Tổng Công ty cũng áp dụng số tiền bồi thường tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tài bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Tổng Công ty được quyết định bởi Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám Đốc có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**34.2 Rủi ro tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tái chính phục vụ các hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Tổng Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tổng Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

**34.2.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán; độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và trái phiếu công ty của Tổng Công ty.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**34.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)**

**34.2.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Tổng Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Tổng Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Tổng Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Tổng Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Việc phần lớn các tài sản tài chính của Tổng Công ty là bằng đồng Việt Nam đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ. Hầu hết các tài sản bằng ngoại tệ đều là Đô la Mỹ.

Ảnh hưởng của các thay đổi có thể xảy ra đối với báo cáo tình hình tài chính và báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty trong trường hợp có sự biến động về tỷ giá giữa các loại ngoại tệ và VNĐ được trình bày trong bảng dưới đây, giả định rằng tất cả các biến khác đều không thay đổi.

<i>Biến số tăng/(giảm)</i>	<i>Ảnh hưởng tới lợi nhuận trước thuế VNĐ</i>	<i>Ảnh hưởng tới vốn chủ sở hữu VNĐ</i>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>		
+5%	537.822.026	419.501.181
-5%	(537.822.026)	(419.501.181)
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>		
+5%	(1.855.459.327)	(1.391.594.495)
-5%	1.855.459.327	1.391.594.495

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư trọng yếu vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tổng Công ty là 79.052.044.400 đồng Việt Nam (Ngày 31 tháng 12 năm 2013: 58.481.618.000 đồng Việt Nam). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm khoảng 4.651.619.240 đồng Việt Nam (Ngày 31 tháng 12 năm 2013: giảm 1.841.992.514 đồng Việt Nam), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ tăng lên khoảng 1.943.916.601 đồng Việt Nam (Ngày 31 tháng 12 năm 2013: tăng 227.686.884 đồng Việt Nam).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**34.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)**

**34.2.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tái chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Các khoản phải thu khách hàng chịu rủi ro tín dụng gồm các khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm và các khoản phải thu khác. Tổng Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Khoản mục đáng kể nhất của các khoản phải thu về tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phải thu đối công ty tái bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro này, Tổng Công ty đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tái chính trong việc chấp nhận công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cân nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Tổng Công ty cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tài chính của các công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác, và xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các công ty tái bảo hiểm.

*Tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác*

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn và bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Đơn vị: triệu VND

	Quá hạn nhưng không suy giảm		Quá hạn và bị suy giảm		Dự phòng nợ phải thu khó đòi
	< 90 ngày	91-180 ngày	181-360 ngày	> 360 ngày	
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>					
Phải thu từ hoạt động bảo hiểm gốc	21.234	4.599	6.465	13.557	13.696
Phải thu từ hoạt động tái chính	-	-	-	3.000	3.000
<b>Tổng</b>	<b>21.234</b>	<b>4.599</b>	<b>6.465</b>	<b>16.557</b>	<b>16.696</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>					
Phải thu từ hoạt động bảo hiểm gốc	17.483	1.469	4.265	13.609	11.913
Phải thu từ hoạt động tái chính	-	-	-	3.000	2.100
<b>Tổng</b>	<b>17.483</b>	<b>1.469</b>	<b>4.265</b>	<b>16.609</b>	<b>14.013</b>

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**34.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)**

**34.2.3 Rủi ro thanh khoản**

Tổng Công ty phải đáp ứng được yêu cầu hàng ngày về nguồn tiền mặt, đặc biệt cho những khoản bồi thường phát sinh trên những hợp đồng bảo hiểm của Tổng Công ty. Do vậy xuất hiện một rủi ro rằng Tổng Công ty không có đủ lượng tiền mặt để thanh toán các khoản nợ đến hạn với một chi phí hợp lý. Tổng Công ty quản lý rủi ro bằng việc xem xét và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động để thanh toán những khoản nợ này.

*Đáo hạn theo hợp đồng*

Bảng dưới đây trình bày sơ lược thời gian đáo hạn theo hợp đồng nợ tài chính trên cơ sở không chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013:

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng</i>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>				
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả về bảo hiểm	29.533.098.849	-	-	29.533.098.849
Phải trả về tài bảo hiểm	-	241.750.931.025	-	241.750.931.025
Chi phí phải trả	-	14.304.710.299	-	14.304.710.299
Dự phòng phải trả bồi thường	454.441.140.574	-	-	454.441.140.574
Các khoản phải trả khác	125.262.826.336	-	-	125.262.826.336
	<b>609.237.065.759</b>	<b>256.055.641.324</b>	-	<b>865.292.707.083</b>

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng</i>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>				
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả về bảo hiểm	26.617.155.129	-	-	26.617.155.129
Phải trả về tài bảo hiểm	-	173.893.365.684	-	173.893.365.684
Chi phí phải trả	-	6.492.201.071	-	6.492.201.071
Dự phòng phải trả bồi thường	315.922.310.556	-	-	315.922.310.556
Các khoản phải trả khác	71.909.679.642	-	-	71.909.679.642
	<b>414.449.145.327</b>	<b>180.385.566.755</b>	-	<b>594.834.712.082</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phải sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các khoản mục tài sản và nợ của Tổng Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định có liên quan.

**Tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính của Tổng Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

▶ ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:***

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
  - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

▶ ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)**

**Tài sản tài chính** (tiếp theo)

▶ **Các khoản cho vay và phải thu:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▶ **Tài sản sẵn sàng để bán:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

▶ **Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
  - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tái chính kết thúc cùng ngày

**35. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)**

**Nợ phải trả tài chính** (tiếp theo)

► ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ***

Các khoản nợ phải trả tái chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

**Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tái chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, Tổng Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý
	Nguyên giá VNĐ	Lãi dự thu/dự chi VNĐ	Dự phòng giảm giá trị VNĐ	
<b>31 tháng 12 năm 2014</b>				
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	67.187.909.716		(2.970.892.068)	79.052.044.400
Cổ phiếu niêm yết	81.528.143.000		(16.719.847.837)	64.808.295.162
Cổ phiếu chưa niêm yết	50.000.000.000			50.000.000.000
Công ty bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife				
Các khoản cho vay và phải thu	130.000.000.000	4.776.917.808	(3.000.000.000)	132.975.144.304
Trái phiếu				
Đầu tư tiền gửi	962.000.000.000	41.033.334.722	-	1.014.622.890.504
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	265.301.208.588		(16.758.882.301)	248.542.326.287
Các khoản phải thu khác	5.033.346.520			5.033.346.520
Tài sản ngắn hạn khác	2.361.195.293			2.361.195.293
Kỳ quỹ bảo hiểm	6.000.000.000	124.833.333		6.124.833.333
Tài sản dài hạn khác	45.954.546			45.954.546
Tiền và tương đương tiền	145.220.016.867	368.720.831		145.588.737.698
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.714.677.774.530</b>	<b>46.303.806.694</b>	<b>(39.449.622.206)</b>	<b>1.721.531.959.018</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	271.284.029.874	-	-	271.284.029.874
Chi phí phải trả	14.304.710.299	-	-	14.304.710.299
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14.328.495.744	-	-	14.328.495.744
<b>Tổng cộng</b>	<b>299.917.235.917</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>299.917.235.917</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý
	Nguyên giá VNĐ	Lãi dự thu/dự chi VNĐ	Dự phòng giảm giá trị VNĐ	
<b>31 tháng 12 năm 2013</b>				<b>Tổng VNĐ</b>
Tài sản tài chính				
Chứng khoán sẵn sàng để bán	50.169.080.405	-	(627.797.905)	49.541.282.500
Có phiếu niêm yết	81.528.143.000	-	(17.445.004.056)	64.083.138.944
Có phiếu chưa niêm yết	195.045.833.333	9.294.472.654	(2.100.000.000)	202.240.305.987
Các khoản cho vay và phải thu	901.000.000.000	25.852.850.000	-	926.852.850.000
Trái phiếu	247.812.937.447	-	(11.913.071.770)	235.899.865.677
Đầu tư tiền gửi	2.441.271.771	-	-	2.441.271.771
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	6.000.000.000	142.666.667	-	6.142.666.667
Các khoản phải thu khác	22.422.009.742	-	-	22.422.009.742
Ký quỹ bảo hiểm				
Tiền và tương đương tiền				
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.506.419.275.698</b>	<b>35.289.989.321</b>	<b>(32.085.873.731)</b>	<b>1.509.623.391.288</b>
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	277.852.827.611	-	-	277.852.827.611
Chi phí phải trả	6.492.201.071	-	-	6.492.201.071
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	71.909.679.642	-	-	71.909.679.642
<b>Tổng cộng</b>	<b>356.254.708.324</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>356.254.708.324</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)**

*(\*) Đối với các khoản mục này, do không đủ thông tin thị trường tích cực để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý*

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tổng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết xác định dựa trên giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM được xác định dựa trên giá trị giao dịch trung bình tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu chưa niêm yết khác được xác định dựa trên giá bình quân tính trên các báo giá của ba công ty chứng khoán độc lập hoạt động tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐẦU KỲ**

Trong năm 2014, do ảnh hưởng của việc thay đổi trong yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ theo Thông tư 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh, phân loại và trình bày lại một số số liệu so sánh đầu kỳ để phù hợp với cách trình bày kỳ báo cáo tài chính riêng kỳ này. Chi tiết số liệu điều chỉnh được trình bày như dưới đây:

*Trích từ Bảng cân đối kế toán riêng*

KHOẢN MỤC	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 232	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		1.307.181.843.022	320.875.674.692	1.628.057.517.714
<i>I. Phải thu ngắn hạn</i>		277.531.126.769	(81.856.725.184)	195.674.401.585
1. Phải thu khách hàng	[1]	247.812.937.447	(109.640.574.299)	138.172.363.148
2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.514.418.386	(4.514.418.386)	-
3. Các khoản phải thu khác	[2]	37.216.835.375	32.298.267.501	69.515.102.876
<i>II. Tài sản ngắn hạn khác</i>		6.511.281.011	4.514.418.386	11.025.699.397
1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	4.514.418.386	4.514.418.386
2. Tạm ứng		5.449.144.121	(5.449.144.121)	-
3. Tài sản ngắn hạn khác		515.010.000	5.449.144.121	5.964.154.121
<i>III. Tài sản tài bảo hiểm</i>		-	398.217.981.490	398.217.981.490
1. Dự phòng phi nhượng tái bảo hiểm	[4]	-	187.943.303.844	187.943.303.844
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	[4]	-	210.274.677.646	210.274.677.646
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		267.802.065.694	-	267.802.065.694
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>		-	6.000.000.000	6.000.000.000
1. Ký quỹ bảo hiểm		-	6.000.000.000	6.000.000.000
2. Đầu tư chứng khoán dài hạn		150.145.833.333	(150.145.833.333)	-
3. Các khoản đầu tư dài hạn khác		76.090.000.000	150.145.833.333	226.235.833.333
<i>II. Tài sản dài hạn khác</i>		7.247.782.602	(6.000.000.000)	1.247.782.602
1. Ký quỹ bảo hiểm		6.000.000.000	(6.000.000.000)	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		1.574.983.908.716	320.875.674.692	1.895.859.583.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐẦU KỲ (tiếp theo)

Trích từ Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

KHOẢN MỤC	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 232	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>797.036.220.021</b>	<b>320.875.674.692</b>	<b>1.117.911.894.713</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>356.254.708.324</b>	<b>757.827.596.644</b>	<b>1.114.082.304.968</b>
1. Phải trả cho người bán	[3]	269.808.825.754	(69.298.304.941)	200.510.520.813
2. Người mua trả tiền trước		7.400.850.524	(3.661.589.745)	3.739.260.779
3. Phải trả khác		10.495.303.352	(168.000.000)	10.327.303.352
4. Chi phí phải trả		14.536.202.928	(8.044.001.857)	6.492.201.071
5. Dự phòng nghiệp vụ		-	838.999.493.187	838.999.493.187
5.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	[4]	-	456.786.545.766	456.786.545.766
5.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	[4]	-	315.922.310.556	315.922.310.556
5.3. Dự phòng dao động lớn		-	66.290.636.865	66.290.636.865
<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	<b>3.829.589.745</b>	<b>3.829.589.745</b>
1. Phải trả dài hạn khác		-	168.000.000	168.000.000
2. Doanh thu chưa thực hiện		-	3.661.589.745	3.661.589.745
<b>III. Dự phòng</b>		<b>440.781.511.697</b>	<b>(440.781.511.697)</b>	-
1. Dự phòng phí chưa được hưởng	[4]	268.843.241.922	(268.843.241.922)	-
2. Dự phòng bồi thường	[4]	105.647.632.910	(105.647.632.910)	-
3. Dự phòng dao động lớn		66.290.636.865	(66.290.636.865)	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.574.983.908.716</b>	<b>320.875.674.692</b>	<b>1.896.859.583.408</b>

Chú giải chi tiết cho các số liệu so sánh đầu kỳ trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng như sau:

[1] Phải thu khách hàng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 232	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)
<b>1.1. Phải thu khách hàng</b>			
Phải thu bảo hiểm gốc	37.839.478.711	(26.802.910)	37.812.675.801
Phải thu về nhận tái bảo hiểm (*)	41.914.641.689	(9.217.097.994)	32.697.543.695
Phải thu về nhượng tái bảo hiểm	131.012.947.275	(69.278.433.212)	61.734.514.063
Phải thu bồi thường đồng bảo hiểm	-	4.609.397.090	4.609.397.090
Phải thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	-	1.318.232.499	1.318.232.499
Phải thu hoạt động tài chính	32.289.989.321	(32.289.989.321)	-
<b>1.2. Các khoản phải thu khác</b>	<b>4.755.880.461</b>	<b>(4.755.880.451)</b>	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>247.812.937.447</b>	<b>(109.640.574.299)</b>	<b>138.172.363.148</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐẦU KỲ (tiếp theo)**

*Trích từ Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)*

Chú giải chi tiết cho các số liệu so sánh đầu kỳ trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng như sau:

(\*) Phải thu phí nhận tài bảo hiểm sẽ được cán trừ với khoản phải trả hoa hồng nhận tài bảo hiểm như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Phải thu phí nhận tài bảo hiểm	41.914.641.689
Phải trả hoa hồng nhận tài bảo hiểm	(9.217.097.994)
<b>Phải thu hoạt động nhận tài bảo hiểm</b>	<b>32.697.543.695</b>

[2] Phải thu khác

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (đã trình bày)</i>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 232</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)</i>
Phải thu khác	37.216.835.375	32.289.989.321	69.506.824.696

[3] Phải trả

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (đã trình bày)</i>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 232</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)</i>
<b>1.1. Phải trả về hoạt động bảo hiểm</b>			
Phải trả về nhượng tài bảo hiểm	233.973.541.086	(60.080.175.402)	173.893.365.684
Phải trả đồng bảo hiểm	-	3.253.113.974	3.253.113.974
Phải trả bồi thường	-	9.330.479.978	9.330.479.978
Phải trả hoa hồng	-	13.998.583.431	13.998.583.431
Phải trả khác	3.254.428.673	(3.220.765.626)	33.663.047
Phải trả về hoạt động khai thác bảo hiểm	15.682.805.233	(15.682.805.233)	-
Phải trả về nhận tài bảo hiểm	16.898.050.762	(16.898.050.762)	-
<b>1.2. Phải trả khác</b>	<b>-</b>	<b>1.314.699</b>	<b>1.314.699</b>
<b>Phải trả người bán</b>	<b>269.808.825.754</b>	<b>(69.298.304.941)</b>	<b>200.510.520.813</b>

[4] Dự phòng phí bảo hiểm và dự phòng bồi thường được chia thành hai nhóm (i) nhóm dự phòng nghiệp vụ và (ii) tài sản tái bảo hiểm:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (đã trình bày)</i>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 232</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)</i>
Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tài bảo hiểm	-	456.786.545.766	456.786.545.766
Dự phòng phí nhượng tài bảo hiểm	-	187.943.303.844	187.943.303.844
<b>Dự phòng phí chưa được hưởng</b>	<b>268.843.241.922</b>	<b>(268.843.241.922)</b>	<b>-</b>
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tài bảo hiểm	-	315.922.310.556	315.922.310.556
Dự phòng bồi thường nhượng tài bảo hiểm	-	210.274.677.646	210.274.677.646
<b>Dự phòng bồi thường</b>	<b>105.647.632.910</b>	<b>(105.647.632.910)</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐẦU KỲ (tiếp theo)

*Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng*

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm trước (đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 232	Năm trước (trình bày lại)
Thu phí bảo hiểm gốc (**)	[1]	792.263.387.574	(2.613.155.947)	789.650.231.627
Thu phí nhận tái bảo hiểm (**)		102.679.393.371	(436.131.841)	102.243.261.530
Tăng dự phòng phí chưa được hưởng của phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm (**)	[2]	-	(32.309.832.551)	(32.309.832.551)
Phí nhượng tái bảo hiểm		(333.958.823.366)	(17.425.404.188)	(351.384.227.554)
Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (**)	[2]	-	2.431.112.298	2.431.112.298
Hoàn phí (*)	[1]	(2.623.404.761)	2.623.404.761	-
Tăng dự phòng phí chưa được hưởng (*)	[2]	(29.878.720.253)	29.878.720.253	-
Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	[1]	34.069.658.259	425.883.027	34.495.541.286
Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc (**)		(256.300.228.559)	(34.992.702.221)	(291.292.930.780)
Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm (*)		(34.992.702.221)	34.992.702.221	-
Tăng dự phòng bồi thường (*)	[3]	(28.976.451.532)	28.976.451.532	-
Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm (**)	[3]	-	(77.376.126.560)	(77.376.126.560)
Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (**)	[3]	-	48.399.675.028	48.399.675.028
Chi phí khác hoạt động kinh Doanh (**)		(109.070.738.344)	(43.514.137.115)	(152.584.875.459)
Chi phí khác hoạt động nhượng tái (*)		(17.425.404.188)	17.425.404.188	-
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (**)	[4]	(91.645.334.156)	(60.939.541.303)	(152.584.875.459)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (**)		(422.762.835.242)	(43.514.137.115)	(466.276.972.357)
Chi phí quản lý doanh nghiệp (**)		(234.106.098.436)	60.939.541.303	(173.166.557.133)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		113.285.670.163	-	113.285.670.163
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		84.978.387.781	-	84.978.387.781

(\*) Số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và không được trình bày trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo hướng dẫn của Thông tư 232.

(\*\*) Số liệu được trình bày lại theo Thông tư 232.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐẦU KỲ (tiếp theo)**

Chú giải chi tiết cho các số liệu so sánh đầu kỳ trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

[1] Doanh thu phí bảo hiểm theo quy định tại Thông tư 232/2012/TT-BTC bao gồm các khoản hoàn phí, giảm phí và khoản doanh thu nhận tái bảo hiểm:

	VNĐ
<b>Phí bảo hiểm gốc</b>	<b>792.263.387.574</b>
Hoàn phí	(2.613.155.947)
<b>Phí bảo hiểm gốc (trình bày lại)</b>	<b>789.650.231.627</b>

	VNĐ
<b>Phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>102.679.393.371</b>
Hoán phí nhận	(10.248.814)
Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(425.883.027)
<b>Phí nhận tái bảo hiểm (trình bày lại)</b>	<b>102.243.261.530</b>

[2] Tăng dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng được phân loại lại như sau:

	VNĐ
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	(32.309.832.551)
Tăng dự phòng phí bảo hiểm nhượng tái	2.431.112.298
<b>Tăng dự phòng phí</b>	<b>29.878.720.253</b>

[3] Tăng dự phòng bồi thường được phân loại lại như sau:

	VNĐ
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và bồi thường nhận tái bảo hiểm	(77.376.126.560)
Tăng dự phòng thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm	48.399.675.028
<b>Tăng dự phòng bồi thường</b>	<b>28.976.451.532</b>

[4] Chi phí cho nhân viên bán hàng phân bổ cho các khoản phí bảo hiểm phải thu được trình bày sang chi phí hoạt động và phí nhượng tái cho hợp đồng XOL

	VNĐ
<b>Chi phí khác hoạt động khai thác bảo hiểm</b>	
<i>Phân loại lại</i>	
Chi phí khác hoạt động nhượng tái	17.425.404.188
Chi phí cho nhân viên bán hàng	(60.939.541.303)
<b>Chi phí khác hoạt động khai thác bảo hiểm (trình bày lại)</b>	<b>(43.514.137.115)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**37. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Tổng Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

**38. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Báo cáo tài chính riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 02 tháng 03 năm 2015.

Ông Nguyễn Xuân Đông  
Chuyên viên  
Ban Tài chính - Kế toán

Bà Lại Ngân Giang  
Giám đốc  
Ban Tài chính - Kế toán


Ông Trần Hoài An  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 02 tháng 03 năm 2015





**TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV**

Tầng 16, tháp A, tòa tháp Vincom, 191 Bà Triệu, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Tel: (84-4) 2.2200.282 / 18009456 - Fax: (84-4) 2.2200.281 - Email: bic@bidv.com.vn